

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 36 /2025/QĐ-UBND

Đà Nẵng, ngày 30 tháng 5 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy chế quản lý và sử dụng nguồn vốn từ ngân sách địa phương
uỷ thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội để cho vay đối với người nghèo
và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn thành phố Đà Nẵng**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 65/2025/QH15 ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 136/2024/QH15 ngày 26 tháng 6 năm 2024 của Quốc hội về tổ chức chính quyền đô thị và thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển thành phố Đà Nẵng;

Căn cứ Nghị định số 78/2002/NĐ-CP ngày 04 tháng 10 năm 2002 của Chính phủ về tín dụng đối với hộ nghèo và các đối tượng chính sách khác;

Căn cứ Quyết định số 157/2007/QĐ-TTg ngày 27 tháng 9 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ về tín dụng đối với học sinh, sinh viên; Quyết định số 05/2022/QĐ-TTg ngày 23 tháng 3 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 157/2007/QĐ-TTg ngày 27 tháng 9 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ về tín dụng đối với học sinh, sinh viên;

Căn cứ Quyết định số 15/2013/QĐ-TTg ngày 23 tháng 02 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ về tín dụng đối với hộ cận nghèo;

Căn cứ Quyết định số 28/2015/QĐ-TTg ngày 21 tháng 7 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ về tín dụng đối với hộ mới thoát nghèo; Quyết định số 02/2021/QĐ-TTg ngày 21 tháng 01 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 28/2015/QĐ-TTg ngày 21 tháng 7 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ về tín dụng đối với hộ mới thoát nghèo;

Căn cứ Nghị định số 61/2015/NĐ-CP ngày 09 tháng 7 năm 2015 của Chính phủ Quy định về chính sách hỗ trợ tạo việc làm và Quỹ quốc gia về việc làm; Nghị định số 74/2019/NĐ-CP ngày 23 tháng 9 năm 2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 61/2015/NĐ-CP ngày 09 tháng 7 năm 2015 của Chính phủ quy định về chính sách hỗ trợ tạo việc làm và Quỹ quốc gia về việc làm;

Căn cứ Quyết định số 22/2023/QĐ-TTg ngày 17 tháng 8 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ về tín dụng đối với người chấp hành xong án phạt tù,

Căn cứ Quyết định số 12/2024/QĐ-TTg ngày 31 tháng 7 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ về cơ chế, chính sách giải quyết việc làm và đào tạo nghề cho người có đất thu hồi;

Căn cứ Nghị định số 100/2024/NĐ-CP ngày 26 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Nhà ở về phát triển và quản lý nhà ở xã hội;

Căn cứ Quyết định số 180/2002/QĐ-TTg ngày 19 tháng 12 năm 2002 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy chế quản lý tài chính đối với Ngân hàng Chính sách xã hội; Quyết định số 30/2015/QĐ-TTg ngày 31 tháng 7 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế quản lý tài chính đối với Ngân hàng Chính sách xã hội ban hành kèm theo Quyết định số 180/2002/QĐ-TTg ngày 19 tháng 12 năm 2002 của Thủ tướng Chính phủ;

Căn cứ Thông tư số 62/2016/TT-BTC ngày 15 tháng 4 năm 2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện quy chế quản lý tài chính đối với Ngân hàng Chính sách xã hội ban hành kèm theo Quyết định số 180/2002/QĐ-TTg ngày 19 tháng 12 năm 2002 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 30/2015/QĐ-TTg ngày 31 tháng 7 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ;

Căn cứ Thông tư số 11/2017/TT-BTC ngày 08 tháng 02 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác;

Căn cứ Nghị quyết số 33/2024/NQ-HĐND ngày 30 tháng 7 năm 2024 của Hội đồng nhân dân thành phố Đà Nẵng Quy định về ủy thác nguồn vốn ngân sách thành phố qua Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội thành phố Đà Nẵng để cho vay đối với đoàn viên công đoàn là cán bộ, công chức, người hoạt động không chuyên trách, người lao động có hoàn cảnh khó khăn trên địa bàn thành phố Đà Nẵng;

Căn cứ Nghị quyết số 75/2021/NQ-HĐND ngày 17 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân thành phố quy định về chính sách hỗ trợ hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo trên địa bàn thành phố Đà Nẵng; Nghị quyết số 105/2023/NQ-HĐND ngày 14 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân thành phố sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 75/2021/NQ-HĐND ngày 17 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân thành phố quy định về chính sách hỗ trợ hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo trên địa bàn thành phố Đà Nẵng;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 09/TTr-STC ngày 19 tháng 02 năm 2025, Công văn số 1703/STC-QLNS ngày 07/5/2025 và ý kiến thống nhất của thành viên Ủy ban nhân dân thành phố tại cuộc họp Ủy ban nhân dân thành phố ngày 22 tháng 5 năm 2025.

Ủy ban nhân dân ban hành Quyết định Quy chế quản lý và sử dụng nguồn vốn từ ngân sách địa phương ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội để cho

vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn thành phố Đà Nẵng.

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này là Quy chế quản lý và sử dụng nguồn vốn từ ngân sách địa phương uỷ thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn thành phố Đà Nẵng.

Điều 2. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 10 tháng 6 năm 2025.

2. Quyết định này thay thế các quyết định:

a) Quyết định số 19/2017/QĐ-UBND ngày 16 tháng 6 năm 2017 của Ủy ban nhân dân thành phố về quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương uỷ thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn thành phố Đà Nẵng.

b) Quyết định số 01/2020/QĐ-UBND ngày 20 tháng 01 năm 2020 của Ủy ban nhân dân thành phố sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế ban hành kèm theo Quyết định số 19/2017/QĐ-UBND ngày 16 tháng 6 năm 2017 của Ủy ban nhân dân thành phố về quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương uỷ thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn thành phố Đà Nẵng;

c) Quyết định số 13/2022/QĐ-UBND ngày 29 tháng 6 năm 2022 của Ủy ban nhân dân thành phố sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế ban hành kèm theo Quyết định số 19/2017/QĐ-UBND ngày 16 tháng 6 năm 2017 của UBND thành phố về quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương uỷ thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn thành phố Đà Nẵng;

d) Quyết định số 09/2024/QĐ-UBND ngày 18 tháng 3 năm 2024 của Ủy ban nhân dân thành phố bãi bỏ một phần Quy chế quản lý và sử dụng nguồn vốn từ ngân sách địa phương uỷ thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn thành phố Đà Nẵng ban hành kèm theo Quyết định số 19/2017/QĐ-UBND ngày 16/6/2017 của Ủy ban nhân dân thành phố.

3. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật trích dẫn tại Quyết định này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản quy phạm pháp luật khác thì áp dụng quy định tại văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

4. Trong trường hợp các cơ quan liên quan đến việc quản lý và sử dụng nguồn vốn từ ngân sách địa phương uỷ thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội tại Quyết định này hợp nhất, chuyển giao nhiệm vụ theo quy định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, các cơ quan mới tiếp nhận nhiệm vụ có trách nhiệm thực hiện đầy đủ các quyền, nghĩa vụ và quyền lợi có liên quan đã được giao cho các cơ quan, đơn vị tại Quyết định này. 

Điều 3. Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội thành phố Đà Nẵng đơn đốc, theo dõi thực hiện Quy định ban hành kèm Quyết định này.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố; Giám đốc các Sở: Tài chính, Nội vụ, Nông nghiệp và Môi trường; Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội thành phố Đà Nẵng, Công An thành phố, Chủ tịch Liên đoàn Lao động thành phố, Công đoàn Viên chức thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận, huyện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các phường, xã và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài chính, Bộ Tư pháp;
- Ngân hàng Chính sách xã hội VN;
- Đoàn ĐBQH thành phố;
- Cục kiểm tra VBQPPL-Bộ Tư pháp;
- Vụ pháp chế - Bộ Tài chính;
- TVTU, TT HĐND thành phố;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBNDTP;
- UBND TPĐN thành phố Đà Nẵng;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể;
- Chi nhánh NHCSXH TPĐN;
- Ủy ban nhân dân các quận, huyện;
- Ủy ban nhân dân các phường, xã;
- Công TTĐT TPĐN, Công báo;
- CPVP, các phòng: NC, KG-VX, TH;
- Lưu: VT, KT, STC.

HS

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Hồ Kỳ Minh

thangtd-30/05/2025 16:48:30-thangtd-thangtd-thangtd



QUY CHẾ

**Quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác
qua Ngân hàng Chính sách xã hội để cho vay đối với người nghèo
và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn thành phố Đà Nẵng**
(Ban hành kèm theo Quyết định số 36 /2025/QĐ-UBND
ngày 30 tháng 5 năm 2025 của UBND thành phố Đà Nẵng)

Chương I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh:

Quy chế này quy định việc quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương (ngân sách thành phố và ngân sách huyện) ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn thành phố Đà Nẵng.

Đối với các chương trình tín dụng chính sách do các cơ quan nhà nước ở trung ương ban hành, ngân sách địa phương có bổ sung nguồn vốn ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội để cho vay thì thực hiện theo các quy định tại các văn bản do các cơ quan trung ương ban hành, hướng dẫn nghiệp vụ của Tổng giám đốc Ngân hàng Chính sách xã hội và các quy định tại Quy chế này.

2. Đối tượng áp dụng:

a) Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội thành phố; Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội quận, huyện;

b) Sở Tài chính, Sở Nội vụ, Sở Nông nghiệp - Môi trường, Công an thành phố, Liên đoàn Lao động thành phố, Liên đoàn Lao động các quận, huyện, Công đoàn Viên chức thành phố, Công đoàn Khu Công nghệ cao và Các khu công nghiệp Đà Nẵng;

c) Ủy ban nhân dân các quận, huyện; Ủy ban nhân dân các phường, xã;

d) Các tổ chức chính trị - xã hội nhận ủy thác, Tổ tiết kiệm và Vay vốn, Nhóm vay vốn;

đ) Tổ chức, cá nhân, hộ gia đình có nhu cầu vay vốn;

e) Các tổ chức, cá nhân có liên quan.

Điều 2. Nguồn vốn ngân sách ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội

1. Nguồn vốn ngân sách địa phương trích hàng năm (bao gồm ngân sách thành phố và ngân sách huyện tùy theo tình hình thực tế của địa phương và khả

năng cân đối ngân sách) do Hội đồng nhân dân thành phố (đối với ngân sách thành phố), Hội đồng nhân dân huyện (đối với ngân sách huyện) quyết định.

2. Nguồn vốn ngân sách địa phương (ngân sách thành phố và ngân sách huyện) đã ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội để cho vay người nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn thành phố thu hồi để quay vòng vốn.

3. Nguồn tiền lãi thu được từ cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác được trích hàng năm để bổ sung vào nguồn vốn ủy thác theo quy định tại Điểm d, Khoản 1 và Điểm d, Khoản 2, Điều 10 của Quy chế này.

4. Trường hợp Quỹ dự phòng rủi ro tín dụng sau khi được sử dụng để xử lý xóa nợ bị rủi ro lớn hơn số dư Quỹ dự phòng rủi ro tối đa, được bổ sung vào nguồn vốn ủy thác để cho vay theo quy định tại Khoản 3, Điều 11 của Quy chế này.

Chương II

CÁC QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 3. Cơ quan chuyên môn được Ủy ban nhân dân các cấp ủy quyền ký hợp đồng ủy thác với Ngân hàng Chính sách xã hội

1. Ủy ban nhân dân thành phố (sau đây gọi tắt là UBND thành phố) xem xét, ủy quyền cho Sở Tài chính ký hợp đồng ủy thác với Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội thành phố (đối với nguồn vốn ngân sách thành phố).

2. Ủy ban nhân dân huyện (sau đây gọi tắt là UBND huyện) xem xét, quyết định ủy quyền cho Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện ký hợp đồng ủy thác với Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội huyện (đối với nguồn vốn ngân sách huyện).

Điều 4. Quy trình chuyển vốn ngân sách

Trên cơ sở Nghị quyết của Hội đồng nhân dân, Quyết định giao dự toán của Ủy ban nhân dân và đề nghị của Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội thành phố (ngân sách thành phố), Phòng Giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội huyện (ngân sách huyện), cơ quan tài chính ký hợp đồng ủy thác lập thủ tục cấp kinh phí; hạch toán chi ngân sách nhà nước theo quy định hiện hành.

Điều 5. Đối tượng cho vay

1. Hộ nghèo theo chuẩn thành phố, bao gồm Hộ nghèo có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn.

2. Hộ cận nghèo theo chuẩn thành phố.

3. Hộ mới thoát nghèo trong vòng 03 năm kể từ thời điểm thoát nghèo theo chuẩn thành phố.

4. Hộ có mức sống trung bình theo chuẩn thành phố.



5. Học sinh, sinh viên có hoàn cảnh khó khăn là thành viên thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ có mức sống trung bình theo chuẩn quy định của thành phố.

6. Người có đất thu hồi thuộc hộ gia đình, cá nhân được hưởng chính sách tín dụng ưu đãi để giải quyết việc làm theo quy định của Luật Đất đai.

7. Đoàn viên công đoàn là cán bộ, công chức, người hoạt động không chuyên trách, người lao động có hoàn cảnh khó khăn theo quy định tại Khoản 1, Khoản 2, Khoản 3 Điều 3 Nghị quyết số 33/2024/NQ-HĐND ngày 30 tháng 7 năm 2024 của Hội đồng nhân dân thành phố:

a) Cán bộ, công chức, người lao động có hợp đồng lao động không xác định thời hạn làm việc trong các cơ quan, đơn vị có công đoàn cơ sở trực thuộc Công đoàn Viên chức thành phố, Công đoàn Khu Công nghệ cao và Các khu công nghiệp Đà Nẵng.

b) Cán bộ, công chức thuộc quận, huyện; cán bộ, công chức phường, xã; người hoạt động không chuyên trách phường, xã; người lao động có hợp đồng lao động không xác định thời hạn là đoàn viên công đoàn đang làm việc trong các cơ quan, đơn vị cấp huyện, cấp xã có công đoàn cơ sở trực thuộc Liên đoàn Lao động quận, huyện.

c) Người lao động là đoàn viên công đoàn thường trú tại thành phố Đà Nẵng, đang làm việc trong các doanh nghiệp trên địa bàn thành phố có công đoàn cơ sở thuộc các cấp công đoàn thành phố Đà Nẵng.

8. Doanh nghiệp nhỏ và vừa, hợp tác xã, tổ hợp tác, hộ kinh doanh và người lao động có nhu cầu vay vốn hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm theo quy định của Luật Việc làm và quy định của Chính phủ.

9. Người chấp hành xong án phạt tù, cơ sở sản xuất kinh doanh có sử dụng người lao động là người chấp hành xong án phạt tù để đào tạo nghề và sản xuất, kinh doanh, tạo việc làm.

10. Các đối tượng có nhu cầu vay vốn mua, thuê mua nhà ở xã hội, nhà ở cho lực lượng vũ trang nhân dân; xây dựng hoặc cải tạo, sửa chữa nhà ở theo quy định của Luật Nhà ở, Nghị định của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Nhà ở về phát triển và quản lý nhà ở xã hội.

11. Các đối tượng chính sách khác theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ.

Điều 6. Điều kiện được vay vốn

1. Đối với các đối tượng hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, hộ có mức sống trung bình thuộc Khoản 1, Khoản 2, Khoản 3, Khoản 4 Điều 5:

a) Cư trú hợp pháp và sinh sống ổn định tại địa phương nơi vay vốn;

b) Phải có tên trong danh sách thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, hộ có mức sống trung bình được UBND cấp xã phê duyệt. 

2. Đối với cán bộ, công chức, người hoạt động không chuyên trách, người lao động có hoàn cảnh khó khăn thuộc Khoản 7 Điều 5: Thuộc trường hợp khó khăn theo quy định tại Khoản 1 Điều 4 Nghị quyết số 33/2024/NQ-HĐND ngày 30 tháng 7 năm 2024 của Hội đồng nhân dân thành phố quy định về ủy thác nguồn vốn ngân sách thành phố qua Ngân hàng Chính sách xã hội để cho vay đối với đoàn viên công đoàn là cán bộ, công chức, người hoạt động không chuyên trách, người lao động có hoàn cảnh khó khăn trên địa bàn thành phố Đà Nẵng.

3. Đối với đối tượng cho vay thuộc Khoản 5, Khoản 6, Khoản 8, Khoản 9, Khoản 10, Khoản 11 Điều 5: Điều kiện được vay vốn theo quy định hiện hành của Luật Việc làm, Chính phủ, Thủ tướng chính phủ và hướng dẫn nghiệp vụ của Tổng Giám đốc Ngân hàng Chính sách xã hội.

Riêng người lao động vay vốn thuộc Khoản 8 Điều 5: Có thực hiện dự án trên địa bàn thành phố Đà Nẵng được UBND cấp xã nơi thực hiện dự án xác nhận.

Điều 7. Mục đích sử dụng vốn vay

1. Đối với đối tượng cho vay thuộc Khoản 1, Khoản 2, Khoản 3, Khoản 5, Khoản 6, Khoản 8, Khoản 9, Khoản 10, Khoản 11 Điều 5: Mục đích sử dụng vốn vay theo quy định hiện hành của Chính phủ, Thủ tướng chính phủ và hướng dẫn nghiệp vụ của Tổng giám đốc Ngân hàng Chính sách xã hội theo từng chương trình cho vay.

2. Đối với đối tượng cho vay thuộc Khoản 4 Điều 5: Mục đích sử dụng vốn vay thực hiện theo quy định hiện hành của Nhà nước và của Tổng giám đốc Ngân hàng Chính sách xã hội về cho vay đối với hộ nghèo.

3. Đối với đối tượng cho vay thuộc Khoản 7 Điều 5: Cho vay để phục vụ nhu cầu tiêu dùng như: mua sắm vật dụng, phương tiện đi lại, hỗ trợ chi phí học tập, hỗ trợ thành viên trong gia đình chữa bệnh, xây mới hoặc cải tạo, sửa chữa nhà ở (trừ trường hợp đã được hưởng chính sách vay vốn thuộc đối tượng quy định tại Khoản 10 Điều 5) theo Giấy đề nghị vay vốn kèm phương án sử dụng vốn vay của người vay.

Điều 8. Mức cho vay, thời hạn cho vay, lãi suất cho vay, quy trình, thủ tục cho vay, bảo đảm tiền vay

1. Đối với các đối tượng hộ nghèo thuộc Khoản 1 Điều 5: Thực hiện theo quy định tại các văn bản hướng dẫn nghiệp vụ cho vay của chương trình tín dụng hộ nghèo theo quy định hiện hành của Nhà nước và của Tổng giám đốc Ngân hàng Chính sách xã hội.

Riêng đối với hộ nghèo có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn được áp dụng lãi suất cho vay là 0% trong thời gian vay tối đa 36 tháng kể từ ngày nhận tiền vay, không áp dụng đối với các khoản nợ đã bị chuyển nợ quá hạn. Hộ vay được hỗ trợ 100% tiền lãi trong hạn trên mức hạn mức vay tối đa 30.000.000 đồng/hộ. 

Hết thời gian được hỗ trợ tiền lãi, hộ vay có nghĩa vụ trả tiền lãi hàng tháng với mức lãi suất cho vay bằng lãi suất cho vay hộ nghèo tại thời điểm vay vốn.

2. Đối với các đối tượng cho vay thuộc Khoản 2, Khoản 3, Khoản 5, Khoản 6, Khoản 8, Khoản 9, Khoản 10, Khoản 11 Điều 5: Thực hiện theo quy định của Chính phủ, Thủ tướng chính phủ và hướng dẫn nghiệp vụ của Tổng giám đốc Ngân hàng Chính sách xã hội.

3. Đối với hộ có mức sống trung bình thuộc Khoản 4 Điều 5

a) Mức cho vay, thời hạn cho vay, quy trình, thủ tục cho vay, bảo đảm tiền vay thực hiện theo các văn bản hướng dẫn nghiệp vụ cho vay hộ nghèo theo quy định hiện hành của Nhà nước và của Tổng giám đốc Ngân hàng Chính sách xã hội.

b) Lãi suất cho vay bằng 120% lãi suất cho vay đối với hộ nghèo quy định trong từng thời kỳ.

4. Đối với Chương trình cho vay cán bộ, công chức ở thành phố thuộc điểm a Khoản 7 Điều 5

a) Mức cho vay: Mức cho vay tối đa không quá 100.000.000 đồng/người vay. Trường hợp một hộ có từ hai cán bộ, công chức hoặc từ hai người lao động trở lên hoặc một công nhân lao động và một cán bộ, công chức trở lên đủ điều kiện vay vốn thì chỉ thực hiện cho vay tối đa một người vay thuộc hộ đó tối đa không quá 100.000.000 đồng/người vay.

b) Thời hạn cho vay: Thời hạn cho vay tối đa 120 tháng. Thời hạn cụ thể do người có thẩm quyền phê duyệt và người vay thỏa thuận căn cứ vào mục đích sử dụng vốn vay, khả năng trả nợ, nguồn vốn cho vay.

c) Lãi suất cho vay: Lãi suất cho vay bằng lãi suất cho vay đối với hộ nghèo do Thủ tướng Chính phủ quy định trong từng thời kỳ. Lãi suất nợ quá hạn bằng 130% lãi suất cho vay.

d) Phương thức cho vay: Ngân hàng Chính sách xã hội thành phố thực hiện cho vay trực tiếp thông qua Nhóm vay vốn. Nhóm vay vốn gồm những người vay có nhu cầu vay vốn cùng thuộc một đơn vị công đoàn, do Công đoàn cơ sở thành lập. Nhóm vay vốn do Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch Công đoàn cơ sở làm Trưởng nhóm và một thành viên vay vốn làm Phó nhóm. Người vay là người trực tiếp ký nhận nợ, chịu trách nhiệm trả nợ khi đến hạn.

đ) Phân bổ nguồn vốn cho vay

- Sau khi nhận được nguồn vốn ủy thác từ UBND thành phố (hoặc nguồn vốn từ thu hồi quay vòng hàng quý), Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội thành phố thông báo cho Công đoàn Viên chức thành phố biết và phân bổ, đồng gửi cho Liên đoàn Lao động thành phố biết. Trên cơ sở nguồn vốn được ủy thác (hoặc nguồn vốn từ thu hồi quay vòng) và căn cứ số lượng đoàn viên từng đơn vị, Công đoàn Viên chức thành phố thông báo và phân bổ cho các đơn vị đủ điều kiện được vay vốn.

- Các công đoàn cơ sở được phân bổ vốn căn cứ điều kiện vay theo hướng dẫn này xét duyệt cho người lao động trong đơn vị đủ điều kiện vay theo đúng số tiền được phân bổ và gửi danh sách người lao động có nhu cầu và đủ điều kiện vay vốn đến Công đoàn Viên chức thành phố (mẫu 03/DSVV).

e) Quy trình, thủ tục cho vay

- Thành lập nhóm vay vốn ở công đoàn cơ sở: Công đoàn cơ sở thành lập Nhóm vay vốn, bầu Trưởng nhóm, Phó nhóm và trình Công đoàn Viên chức thành phố chuẩn y vào Mẫu Biên bản họp Nhóm (mẫu 10A/NH). Trong thời gian 03 (ba) ngày làm việc tính từ ngày nhận được đủ hồ sơ thành lập Nhóm vay vốn theo quy định, Ban Thường vụ Công đoàn Viên chức thành phố hoàn thành việc phê duyệt thành lập Nhóm vay vốn trên Mẫu Biên bản họp Nhóm.

- Thay đổi thành viên Ban quản lý Nhóm vay vốn: Khi có sự thay đổi Trưởng nhóm/Phó nhóm vay vốn, công đoàn cơ sở chủ trì họp nhóm vay vốn và thống nhất cử 1 thành viên trong nhóm đứng ra làm Trưởng nhóm/Phó nhóm, việc thay đổi Trưởng nhóm/Phó nhóm phải được lập thành biên bản theo mẫu số 10B/NH và được Công đoàn Viên chức thành phố phê duyệt, việc bàn giao giữa Trưởng nhóm/Phó nhóm cũ và Trưởng nhóm/Phó nhóm phải được đối chiếu số liệu dư nợ, tiền gửi, lãi (theo mẫu 15/NH) đảm bảo công tác bàn giao được rõ ràng, minh bạch và không có vướng mắc liên quan đến vấn đề trả nợ, trả lãi của các thành viên trong nhóm.

- Kết nạp thành viên Nhóm vay vốn: trường hợp người vay chưa là thành viên Nhóm vay vốn thì lập biên bản kết nạp vào Nhóm theo mẫu số 10C/NH.

- Người vay lập hồ sơ vay vốn bao gồm: Giấy đề nghị vay vốn kèm phương án sử dụng vốn vay (mẫu số 01/NH) có xác nhận của Thủ trưởng cơ quan (Xác nhận người vay đang làm việc tại cơ quan/đơn vị) và Chủ tịch công đoàn cơ sở nơi người vay làm việc (Xác nhận người vay thuộc đối tượng được vay vốn và có hoàn cảnh khó khăn như trên giấy đề nghị vay vốn kèm phương án sử dụng vốn vay là đúng) kèm theo 01 bản sao căn cước/căn cước công dân; giấy tờ chứng minh khó khăn theo quy định gửi Trưởng nhóm vay vốn.

- Trên cơ sở chỉ tiêu kế hoạch vốn do công đoàn cấp trên trực tiếp cơ sở phân bổ và tổng hợp giấy đề nghị vay vốn của các thành viên, Trưởng nhóm vay vốn tiến hành họp Nhóm vay vốn để thảo luận, bình xét và thống nhất Danh sách người đề nghị vay vốn (mẫu số 03/NH), có xác nhận của thủ trưởng đơn vị, công đoàn cấp trên trực tiếp cơ sở phê duyệt.

- Trong thời gian 03 (ba) ngày làm việc kể từ khi nhận được đầy đủ hồ sơ vay vốn do Trưởng nhóm trình, Công đoàn Viên chức thành phố phê duyệt cho vay vào Mẫu 03/NH và gửi hồ sơ xin vay đến Ngân hàng Chính sách xã hội.

- Ngân hàng Chính sách xã hội cho vay, kiểm tra, đối chiếu tính hợp pháp, hợp lệ của bộ hồ sơ đề nghị vay vốn, phê duyệt giải ngân; cùng với Trưởng nhóm vay vốn hướng dẫn người vay lập Hợp đồng tín dụng (mẫu 02/NH) và thực hiện giải ngân. Thời hạn phê duyệt và thông báo giải ngân (mẫu 04/NH) không quá 05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ vay vốn theo quy định. ll

- Mỗi tổ viên trong nhóm vay vốn được mở 01 tài khoản Tổ viên khi vay vốn NHCSXH. Việc mở và sử dụng tài khoản Tổ viên được thực hiện theo quy định hiện hành của Ngân hàng Chính sách xã hội

- Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội thành phố giải ngân trực tiếp cho khách hàng tại điểm giao dịch do Ngân hàng Chính sách xã hội đặt địa điểm theo thông báo phê duyệt cho vay. Trường hợp đặc biệt người vay không đến được điểm giao dịch thì Ngân hàng Chính sách xã hội giải ngân cho khách hàng tại trụ sở Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội thành phố.

g) Kỳ hạn trả nợ, thu hồi vốn vay, thu lãi vay, thu tiền gửi

- Ngân hàng Chính sách xã hội cho vay thu nợ gốc trực tiếp từ người vay theo định kỳ do người vay và Ngân hàng thỏa thuận trên Hợp đồng tín dụng tối đa 06 tháng/kỳ. Người vay có thể trả nợ trước hạn.

- Việc thu lãi, thu tiền gửi được thực hiện theo định kỳ hàng tháng cho Trưởng nhóm vay vốn. Ngân hàng Chính sách xã hội ký Hợp đồng uỷ nhiệm với Trưởng nhóm theo mẫu số 11/NH và chỉ trả hoa hồng theo quy định của Ngân hàng Chính sách xã hội đối với Tổ Tiết kiệm và Vay vốn. Khi thu tiền lãi, tiền gửi của tổ viên, Trưởng nhóm vay vốn có trách nhiệm giao ký nhận tiền và giao biên lai thu lãi, thu tiền gửi cho tổ viên theo biên lai do Ngân hàng Chính sách xã hội phát hành.

- Trường hợp người vay không còn công tác tại cơ quan, đơn vị (chuyển công tác, nghỉ hưu, thôi việc, chấm dứt hợp đồng, bị kỷ luật buộc thôi việc...), trước khi giải quyết các chế độ cho người vay, thủ trưởng cơ quan, đơn vị, Chủ tịch công đoàn cơ sở hoặc công đoàn cấp trên trực tiếp cơ sở có trách nhiệm thông báo kịp thời đến Công đoàn Viên chức thành phố, Ngân hàng Chính sách xã hội và có trách nhiệm phối hợp thu hồi nợ vay.

h) Kiểm tra sử dụng vốn vay: Trong phạm vi 30 ngày kể từ ngày nhận tiền vay, Trưởng nhóm thực hiện kiểm tra việc sử dụng vốn vay (mẫu số 06/NH) gửi Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội thành phố. Trường hợp khách hàng sử dụng vốn vay sai mục đích thì lập biên bản và yêu cầu khách hàng trả nợ trước hạn.

5. Đối với Chương trình cho vay cán bộ, công chức ở cấp huyện, cấp xã thuộc điểm b Khoản 7 Điều 5:

a) Mức cho vay, thời hạn cho vay, lãi suất cho vay, lãi suất nợ quá hạn như đối tượng cho vay quy định tại điểm a, điểm b, điểm c khoản 4 Điều 8.

b) Phương thức cho vay: Ngân hàng Chính sách xã hội thực hiện cho vay trực tiếp đến người vay thông qua Nhóm vay vốn do Liên đoàn Lao động quận, huyện phê duyệt thành lập. Người vay là người trực tiếp ký nhận nợ, chịu trách nhiệm trả nợ khi đến hạn.

c) Phân bổ vốn vay

- Hàng năm, sau khi nhận được vốn uỷ thác từ UBND thành phố, Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội thành phố thông báo cho Liên đoàn Lao



động thành phố biết. Trên cơ sở nguồn vốn được ủy thác và căn cứ số lượng đoàn viên từng đơn vị, Liên đoàn Lao động thành phố thực hiện thông báo phân bổ vốn cho Liên đoàn Lao động quận, huyện để thông báo các công đoàn cơ sở, đồng thời gửi thông báo này cho Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội thành phố biết để thông báo chuyển nguồn vốn cho các Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội quận, huyện. Công đoàn cơ sở thông báo cho đoàn viên có nhu cầu và đủ điều kiện được vay biết để làm các thủ tục vay vốn theo quy định.

- Đối với nguồn vốn thu hồi quay vòng, Ngân hàng Chính sách xã hội nơi cho vay thông báo cho Liên đoàn Lao động quận, huyện phân bổ cho các công đoàn cơ sở để cho vay và báo cáo Liên đoàn Lao động thành phố về việc phân bổ vốn cho các công đoàn cơ sở.

d) Quy trình, thủ tục cho vay

- Thành lập nhóm vay vốn: Liên đoàn Lao động quận, huyện hoặc công đoàn cơ sở thành lập Nhóm vay vốn, bầu Trưởng nhóm, Phó nhóm (Trưởng nhóm là lãnh đạo Liên đoàn lao động quận, huyện hoặc công đoàn cơ sở) và trình lãnh đạo Liên đoàn Lao động quận, huyện quản lý chuẩn y vào Mẫu Biên bản họp Nhóm (mẫu 10A/NH). Trong thời gian 03 (ba) ngày làm việc tính từ ngày nhận được đủ hồ sơ thành lập Nhóm vay vốn theo quy định, Liên đoàn Lao động quận, huyện hoàn thành việc phê duyệt thành lập Nhóm vay vốn trên Mẫu Biên bản họp Nhóm. Ngân hàng Chính sách xã hội nơi cho vay ký kết hợp đồng ủy nhiệm thu lãi, thu tiền gửi (mẫu 11A/NH) đối với trưởng nhóm vay vốn. Việc trả hoa hồng thu lãi, thu tiền gửi thực hiện theo quy định hiện hành của Ngân hàng Chính sách xã hội đối với Tổ tiết kiệm và Vay vốn.

- Thay đổi thành viên Ban quản lý Nhóm vay vốn: Khi có sự thay đổi Trưởng nhóm/Phó nhóm vay vốn, Liên đoàn Lao động quận, huyện (đối với nhóm vay vốn do lãnh đạo Liên đoàn Lao động quận, huyện làm Trưởng nhóm) hoặc Công đoàn cơ sở (đối với nhóm vay vốn do lãnh đạo Công đoàn cơ sở làm Trưởng nhóm) chủ trì họp nhóm vay vốn và thống nhất cử 1 thành viên trong nhóm đứng ra làm Trưởng nhóm/Phó nhóm, việc thay đổi Trưởng nhóm/Phó nhóm phải được lập thành biên bản theo mẫu số 10B/NH và được Liên đoàn Lao động quận, huyện phê duyệt, việc bàn giao giữa Trưởng nhóm/Phó nhóm cũ và Trưởng nhóm/Phó nhóm mới phải được đối chiếu số liệu dư nợ, lãi, tiền gửi (mẫu 15A/NH) đảm bảo công tác bàn giao được rõ ràng, minh bạch và không có vướng mắc liên quan đến vấn đề trả nợ, trả lãi, tiền gửi của các thành viên trong nhóm.

- Kết nạp thành viên Nhóm vay vốn: trường hợp người vay chưa là thành viên Nhóm vay vốn thì lập biên bản kết nạp vào Nhóm (mẫu số 10C/NH).

- Người vay lập hồ sơ vay vốn bao gồm: 01 liên giấy đề nghị vay vốn kèm phương án sử dụng vốn vay (mẫu 01A/NH) có xác nhận của Thủ trưởng cơ quan (Xác nhận người vay đang làm việc tại cơ quan) và Chủ tịch công đoàn cơ sở nơi người vay làm việc (Xác nhận người vay thuộc đối tượng được vay vốn và có hoàn cảnh khó khăn như trên giấy đề nghị vay vốn kèm phương án sử dụng vốn vay là đúng) và 04 liên Danh sách tổ viên đề nghị vay vốn (mẫu



03A/NH) có xác nhận của Thủ trưởng cơ quan nơi làm việc (Trường hợp nhiều người vay trong cùng một đơn vị thì công đoàn cơ sở hướng dẫn các người vay lập chung trong danh sách 03A/NH) kèm theo 01 bản sao Căn cước/Căn cước công dân; giấy tờ chứng minh hoàn cảnh khó khăn (nếu có) theo quy định gửi Trưởng nhóm vay vốn.

- Trên cơ sở chỉ tiêu kế hoạch vốn do Liên đoàn Lao động quận, huyện phân bổ và tổng hợp giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay và Danh sách tổ viên đề nghị vay vốn của các thành viên, Trưởng nhóm vay vốn tiến hành họp Nhóm vay vốn để thảo luận, bình xét và thống nhất danh sách tổ viên đề nghị vay vốn (mẫu 03A/NH) trình lãnh đạo Liên đoàn Lao động quận, huyện phê duyệt.

- Trong thời gian 03 (ba) ngày làm việc kể từ khi nhận được đầy đủ hồ sơ vay vốn do Trưởng nhóm trình, Liên đoàn Lao động quận, huyện phê duyệt cho vay vào (mẫu 03A/NH). Sau khi phê duyệt, Liên đoàn Lao động quận, huyện gửi hồ sơ vay vốn đến Ngân hàng Chính sách xã hội nơi cho vay.

- Ngân hàng Chính sách xã hội nơi cho vay phân công cán bộ kiểm tra, đối chiếu tính hợp pháp, hợp lệ của bộ hồ sơ đề nghị vay vốn, phê duyệt giải ngân; cùng với Trưởng nhóm vay vốn hướng dẫn người vay lập Hợp đồng tín dụng (mẫu 02A/NH) và thực hiện giải ngân. Thời hạn phê duyệt và thông báo giải ngân (mẫu 04A/NH) không quá 05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày Ngân hàng Chính sách xã hội nhận được đầy đủ hồ sơ vay vốn theo quy định.

- Ngân hàng Chính sách xã hội nơi cho vay giải ngân một lần bằng chuyển khoản hoặc tiền mặt do khách hàng vay vốn và Ngân hàng thỏa thuận nhưng phải phù hợp với các quy định hiện hành của pháp luật, đồng thời yêu cầu khách hàng vay vốn ký nhận nợ vào Phụ lục Hợp đồng tín dụng, phần theo dõi cho vay - thu nợ. Trước khi giải ngân, Ngân hàng Chính sách xã hội nơi cho vay thông báo thời gian, địa điểm cho Trưởng nhóm vay vốn để thông báo cho người vay đến nhận tiền vay theo quy định.

- Mỗi tổ viên trong nhóm vay vốn được mở 01 tài khoản Tổ viên khi vay vốn NHCSXH. Việc mở và sử dụng tài khoản Tổ viên được thực hiện theo quy định hiện hành của Ngân hàng Chính sách xã hội.

đ) Kỳ hạn trả nợ, thu nợ gốc, lãi vay, thu tiền gửi

- Ngân hàng Chính sách xã hội cho vay thu nợ gốc trực tiếp từ người vay theo định kỳ do người vay và Ngân hàng thỏa thuận trên Hợp đồng tín dụng, thời gian thu nợ gốc tối đa 6 tháng/kỳ. Người vay có thể trả nợ trước hạn.

- Việc thu lãi, thu tiền gửi được thực hiện theo định kỳ hàng tháng. Ngân hàng Chính sách xã hội uỷ nhiệm thu lãi, thu tiền gửi cho Trưởng nhóm vay vốn (Ngân hàng Chính sách xã hội ký Hợp đồng uỷ nhiệm với Trưởng nhóm vay vốn theo mẫu 11A/NH) và chi trả hoa hồng theo quy định của Ngân hàng Chính sách xã hội đối với Tổ Tiết kiệm và Vay vốn. Khi thu tiền lãi, tiền gửi của tổ viên, Trưởng nhóm vay vốn có trách nhiệm ký nhận tiền và giao biên lai thu lãi, thu tiền gửi cho tổ viên theo biên lai do Ngân hàng Chính sách xã hội phát hành. 

- Trường hợp người vay không còn công tác tại cơ quan, đơn vị (chuyển công tác, nghỉ hưu, thôi việc, chấm dứt hợp đồng, bị kỷ luật buộc thôi việc...), trước khi giải quyết các chế độ cho người vay, thủ trưởng cơ quan, đơn vị, Chủ tịch công đoàn cơ sở có trách nhiệm báo cáo kịp thời đến Liên đoàn Lao động quận, huyện, Ngân hàng Chính sách xã hội và có trách nhiệm phối hợp thu hồi nợ vay.

e) Trong phạm vi 30 ngày kể từ ngày nhận tiền vay, Liên đoàn Lao động quận, huyện phối hợp với Trưởng nhóm vay vốn thực hiện kiểm tra việc sử dụng vốn vay (mẫu 06A/NH) để gửi Ngân hàng Chính sách xã hội nơi cho vay. Trường hợp người vay sử dụng vốn vay sai mục đích thì lập biên bản và yêu cầu người vay trả nợ trước hạn. Trước khi nghỉ việc hoặc nghỉ chế độ, Trưởng nhóm báo cáo thủ trưởng đơn vị và thông báo đến Ngân hàng Chính sách xã hội để thu hồi nợ.

6. Đối với chương trình cho vay người lao động trong các doanh nghiệp thuộc điểm c Khoản 7 Điều 5:

a) Mức cho vay, thời hạn cho vay, lãi suất cho vay, lãi suất nợ quá hạn như đối tượng cho vay quy định tại điểm a, điểm b, điểm c khoản 4 Điều 8.

b) Phương thức cho vay: Ngân hàng Chính sách xã hội thực hiện cho vay trực tiếp có ủy thác một số nội dung công việc trong quy trình cho vay qua các tổ chức chính trị - xã hội và thông qua Tổ tiết kiệm và Vay vốn theo quy định hiện hành của Ngân hàng Chính sách xã hội.

c) Phân bổ nguồn vốn cho vay

- Sau khi nhận được nguồn vốn ủy thác từ UBND thành phố (hoặc nguồn vốn từ thu hồi quay vòng hàng quý), Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội thành phố thông báo cho Liên đoàn Lao động thành phố. Trên cơ sở nguồn vốn được ủy thác (hoặc nguồn vốn từ thu hồi quay vòng) và căn cứ số lượng đoàn viên từng đơn vị, Liên đoàn Lao động thành phố thực hiện thông báo phân bổ vốn cho Công đoàn cấp trên trực tiếp cơ sở và các công đoàn cơ sở trực thuộc trực tiếp Liên đoàn Lao động thành phố quản lý (mẫu 01/TB-LĐLĐ).

- Trên cơ sở nguồn vốn được phân bổ, công đoàn cấp trên trực tiếp cơ sở phân bổ vốn cho từng công đoàn cơ sở trực thuộc (mẫu 02/TB-PBV). Các công đoàn cơ sở được phân bổ vốn căn cứ điều kiện vay theo hướng dẫn này xét duyệt cho người lao động trong đơn vị đủ điều kiện vay theo đúng số tiền được công đoàn cấp trên hoặc Liên đoàn Lao động thành phố phân bổ và gửi danh sách người lao động có nhu cầu và đủ điều kiện vay vốn đến Công đoàn cấp trên trực tiếp cơ sở hoặc Liên đoàn Lao động thành phố (đối với công đoàn cơ sở trực thuộc Liên đoàn Lao động thành phố) (mẫu 03/DSVV).

- Công đoàn cấp trên trực tiếp cơ sở hoặc Liên đoàn Lao động thành phố (đối với công đoàn cơ sở trực thuộc) tổng hợp và phê duyệt danh sách đoàn viên công đoàn có hoàn cảnh khó khăn có nhu cầu và đủ điều kiện vay vốn (mẫu 04/TH-DSVV) và gửi đến Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội thành phố, UBND các xã, phường. 

- Sau khi nhận được danh sách người lao động đủ điều kiện vay vốn do Công đoàn cấp trên trực tiếp cơ sở hoặc Liên đoàn Lao động thành phố gửi đến, Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội thành phố thông báo danh sách đến các Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội quận, huyện để phối hợp với UBND xã, phường, Tổ chức chính trị - Xã hội nhận ủy thác xã, phường và Tổ tiết kiệm và Vay vốn hướng dẫn người lao động lập các thủ tục vay vốn theo quy định.

- Hàng tháng, Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội thành phố gửi số liệu về nguồn vốn thu hồi quay vòng để Liên đoàn Lao động thành phố phân bổ theo quy định.

d) Quy trình, thủ tục cho vay

- Người vay vốn viết 01 liên Giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay (Mẫu 01/NLĐ) có xác nhận của lãnh đạo doanh nghiệp và công đoàn cơ sở nơi người vay làm việc kèm bản sao căn cước công dân/căn cước và gửi Tổ tiết kiệm và Vay vốn tại thôn, tổ dân phố nơi mà người vay vốn đang thường trú.

- Tổ Tiết kiệm và Vay vốn nhận hồ sơ vay vốn của người vay, tiến hành họp Tổ để kết nạp người vay vào Tổ tiết kiệm và Vay vốn theo Mẫu 10C/TD (nếu người vay chưa là thành viên của Tổ tiết kiệm và Vay vốn) dưới sự chứng kiến của tổ trưởng dân phố/trưởng thôn và cán bộ tổ chức chính trị xã hội nhận ủy thác xã, phường. Sau đó Tổ trưởng Tổ tiết kiệm và Vay vốn kiểm tra các yếu tố trên hồ sơ vay vốn, nếu đầy đủ, đúng quy định thì lập Danh sách đề nghị vay vốn Ngân hàng Chính sách xã hội theo mẫu số 03/TD kèm theo hồ sơ vay vốn trình Ủy ban nhân dân xã, phường xác nhận. Sau khi Ủy ban nhân dân xã, phường xác nhận vào mẫu 03/TD về nội dung người vay thuộc đối tượng thụ hưởng và đủ điều kiện vay vốn theo quy định của chương trình tín dụng thì gửi hồ sơ vay vốn đến Ngân hàng Chính sách xã hội nơi cho vay.

- Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ vay vốn, Giám đốc Ngân hàng Chính sách xã hội nơi cho vay phân công cán bộ tín dụng thực hiện kiểm tra, đối chiếu tính hợp pháp, hợp lệ của bộ hồ sơ vay trình Trưởng phòng Kế hoạch - Nghiệp vụ tín dụng/Tổ trưởng Kế hoạch - Nghiệp vụ tín dụng kiểm soát, trình Giám đốc Ngân hàng Chính sách xã hội nơi cho vay phê duyệt.

- Sau khi có phê duyệt cho vay của Giám đốc Ngân hàng Chính sách xã hội nơi cho vay. Ngân hàng Chính sách xã hội nơi cho vay cùng người vay vốn lập Hợp đồng tín dụng, trình Giám đốc Ngân hàng Chính sách xã hội nơi cho vay phê duyệt giải ngân;

- Ngân hàng Chính sách xã hội nơi cho vay gửi thông báo kết quả phê duyệt cho vay theo mẫu số 04/TD cho Ủy ban nhân dân cấp xã để thông báo cho người vay về thời gian và địa điểm nhận tiền vay.

- Mỗi tổ viên Tổ tiết kiệm và vay vốn được mở 01 tài khoản Tổ viên khi vay vốn NHCSXH. Việc mở và sử dụng tài khoản Tổ viên được thực hiện theo quy định hiện hành của Ngân hàng Chính sách xã hội.

- Ngân hàng Chính sách xã hội cho vay giải ngân trực tiếp cho khách hàng tại Điểm giao dịch xã dưới sự chứng kiến của tổ chức chính trị xã hội nhận ủy thác xã, phường và Tổ Tiết kiệm và Vay vốn. Trường hợp đặc biệt người vay không đến được điểm giao dịch xã thì Ngân hàng Chính sách xã hội giải ngân cho khách hàng tại trụ sở Ngân hàng Chính sách xã hội nơi cho vay.

đ) Kỳ hạn trả nợ, thu nợ gốc, lãi vay, thu tiền gửi

- Kỳ hạn trả nợ tối đa 6 tháng trả một lần kể từ ngày nhận món vay đầu tiên. Người vay vốn trả lãi định kỳ hàng tháng.

- Người vay vốn trả nợ gốc theo thỏa thuận trên hợp đồng tín dụng đã ký kết với Ngân hàng Chính sách xã hội. Đến kỳ hạn trả nợ, người vay vốn trực tiếp đến điểm giao dịch xã để trả nợ gốc theo quy định hoặc thực hiện chuyển khoản từ tiền gửi của tổ viên Tổ tiết kiệm và Vay vốn để trả nợ gốc theo quy định của Ngân hàng Chính sách xã hội. Khách hàng vay vốn có thể trả nợ trước hạn.

- Tiền lãi, tiền gửi của tổ viên được Ngân hàng Chính sách xã hội ủy nhiệm cho Tổ trưởng Tổ tiết kiệm và Vay vốn thu trực tiếp từ tổ viên hàng tháng. Khi thu lãi, thu tiền gửi của các tổ viên, Tổ trưởng Tổ tiết kiệm và Vay vốn có trách nhiệm ký nhận tiền và giao biên lai thu lãi, thu tiền gửi cho tổ viên theo biên lai do Ngân hàng Chính sách xã hội phát hành.

e) Kiểm tra sử dụng vốn vay: Thực hiện theo các quy định hiện hành về nghiệp vụ ủy thác cho vay qua các tổ chức chính trị - xã hội. Kết quả kiểm tra phải được ghi vào Biên bản kiểm tra theo mẫu số 06/TD.

Điều 9. Gia hạn nợ, chuyển nợ quá hạn

1. Về thẩm quyền gia hạn nợ do Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội thành phố, Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội quận, huyện xem xét, quyết định theo thẩm quyền quy định về xử lý rủi ro trong hệ thống Ngân hàng Chính sách xã hội trong từng thời kỳ.

2. Về thủ tục, hồ sơ đề nghị gia hạn nợ, chuyển nợ quá hạn, thời gian gia hạn nợ: thực hiện theo quy định về xử lý rủi ro trong hệ thống Ngân hàng Chính sách xã hội trong từng thời kỳ.

3. Đối với Chương trình cho vay cán bộ, công chức ở thành phố; Cán bộ, công chức ở cấp huyện, cấp xã thuộc điểm a, điểm b Khoản 7 Điều 5

- Người vay vốn chưa trả được nợ theo đúng kỳ hạn trả nợ được phân kỳ thì được theo dõi thu vào kỳ hạn trả nợ tiếp theo.

- Trước ngày đến hạn trả nợ cuối cùng, tối đa 03 tháng và tối thiểu 05 ngày làm việc, trường hợp khách hàng không trả nợ đúng hạn do nguyên nhân khách quan theo quy định của Hội đồng quản trị Ngân hàng Chính sách xã hội

về ban hành Quy định gia hạn nợ trong hệ thống Ngân hàng Chính sách xã hội và có giấy đề nghị gia hạn nợ (mẫu số: 09/NH; Mẫu 09A/NH), sau khi kiểm tra tính hợp lệ, hợp pháp giấy đề nghị gia hạn nợ thì Ngân hàng Chính sách xã hội xem xét cho gia hạn nợ.

- Thời gian gia hạn nợ: Thời gian gia hạn nợ tối đa là 12 tháng đối với các khoản cho vay ngắn hạn và tối đa bằng 1/2 thời hạn cho vay đối với các khoản cho vay trung và dài hạn (thời gian cho vay, hạn trả nợ cuối cùng được ghi trên hợp đồng tín dụng). Khách hàng có thể được gia hạn nợ một hay nhiều lần đối với một khoản vay. Căn cứ vào nguyên nhân khách quan, điều kiện trả nợ của khách hàng, Ngân hàng Chính sách xã hội xem xét quyết định thời gian gia hạn nợ từng lần cho khách hàng, nhưng tổng thời gian gia hạn nợ các lần không vượt quá thời gian quy định trên.

Điều 10. Quản lý và sử dụng tiền lãi cho vay

Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội thành phố, Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội quận, huyện quản lý và hạch toán số tiền lãi thu được từ hoạt động cho vay vào thu nhập của Ngân hàng Chính sách xã hội và quản lý, sử dụng theo nguyên tắc thứ tự ưu tiên sau:

1. Đối với nguồn vốn ngân sách thành phố:

a) Trích lập dự phòng rủi ro tín dụng chung theo quy định của Thủ tướng Chính phủ, các văn bản hướng dẫn của Bộ Tài chính và Tổng giám đốc Ngân hàng Chính sách xã hội;

Trường hợp tại thời điểm trích lập dự phòng rủi ro tín dụng, tỷ lệ nợ quá hạn và nợ khoanh thấp hơn 0,75% thì Quỹ dự phòng rủi ro tín dụng tối đa bằng 0,75% tính trên số dư nợ cho vay (không bao gồm nợ quá hạn và nợ khoanh).

b) Trích phí quản lý nguồn vốn ủy thác cho Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội thành phố theo dư nợ cho vay bình quân của các khoản cho vay người nghèo và các đối tượng chính sách khác. Mức phí quản lý bằng 1,3 lần mức phí quản lý Thủ tướng Chính phủ giao cho Ngân hàng Chính sách xã hội trong từng thời kỳ để chi phí cho hoạt động theo quy định về quy chế quản lý tài chính đối với Ngân hàng Chính sách xã hội.

Trường hợp lãi thu được sau khi trích quỹ dự phòng rủi ro tín dụng chung không đủ trích phí quản lý cho Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội thành phố theo quy định, ngân sách địa phương cấp bù phần còn thiếu.

c) Sau khi trích lập dự phòng rủi ro tín dụng và chi phí quản lý cho Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội thành phố theo quy định, số tiền lãi thu được còn lại (nếu có) được trích chi cho công tác chỉ đạo, quản lý, tổng hợp, kiểm tra, giám sát, khen thưởng của Ban đại diện Hội đồng quản trị Ngân hàng Chính sách xã hội thành phố, quận/huyện, các cơ quan, đơn vị liên quan đến hoạt động cho vay bằng nguồn vốn ngân sách thành phố, Mức trích cho các cơ quan, đơn vị đảm bảo không vượt quá 15% số tiền lãi thu được, cụ thể: 7

- Phân bổ 8% số tiền lãi thu được cho Ban đại diện Hội đồng quản trị Ngân hàng Chính sách xã hội thành phố để chi cho các hoạt động theo quy định, bao gồm chi hoạt động của Ban đại diện Hội đồng quản trị Ngân hàng Chính sách xã hội thành phố, các quận và hỗ trợ kinh phí hoạt động Ban đại diện Hội đồng quản trị Ngân hàng Chính sách xã hội huyện; chi hỗ trợ thực hiện nhiệm vụ cho các cơ quan có liên quan, các cơ quan quản lý đối tượng vay vốn có dư nợ thấp, có tỷ lệ phân bổ lãi thu được không đảm bảo kinh phí để thực hiện nhiệm vụ.

- Phân bổ 3% cho mỗi cơ quan là Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Nội vụ theo từng chương trình cho vay được giao mà các sở thực hiện nhiệm vụ quản lý, theo dõi đối tượng vay vốn để các cơ quan thực hiện nhiệm vụ được giao tại Khoản 2 Điều 14 Quy chế này.

- Phân bổ 5% số tiền lãi thu được theo từng chương trình cho vay cho mỗi cơ quan có trách nhiệm liên quan là Công an thành phố, Liên đoàn Lao động thành phố, Công đoàn Viên chức thành phố do các cơ quan này quản lý đối tượng để các cơ quan thực hiện nhiệm vụ được giao tại Khoản 2 Điều 14 Quy chế này.

- Phân bổ 3% số tiền lãi thu được chi hỗ trợ trang bị cơ sở vật chất, điều kiện làm việc cho Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội thành phố.

d) Phần còn lại (nếu có) được bổ sung vào nguồn vốn cho vay.

2. Đối với nguồn vốn ngân sách huyện:

a) Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội huyện nơi cho vay trích lập dự phòng rủi ro tín dụng chung; theo quy định tại Điểm a, Khoản 1, Điều này;

b) Trích phí quản lý nguồn vốn ủy thác cho Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội nơi cho vay theo quy định tại Điểm b, Khoản 1, Điều này;

c) Số tiền lãi thu được còn lại sau khi trích lập dự phòng rủi ro tín dụng và chi phí quản lý cho Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội huyện (nếu có) trích chi cho công tác chỉ đạo, quản lý, tổng hợp, kiểm tra, giám sát, khen thưởng của Ban đại diện Hội đồng quản trị Ngân hàng Chính sách xã hội huyện, các cơ quan, đơn vị liên quan đến hoạt động cho vay bằng nguồn vốn ngân sách huyện. Mức trích không quá 10,5% số tiền lãi thu được và phân bổ như sau:

- Phân bổ 5% số tiền lãi thu được để chi cho hoạt động và khen thưởng Ban đại diện Hội đồng quản trị Ngân hàng Chính sách xã hội huyện;

- Phân bổ 1,25% số tiền lãi thu được cho cơ quan Nội vụ huyện, phân bổ 1,25% số tiền lãi thu được cho cơ quan Nông nghiệp và Môi trường huyện để các cơ quan thực hiện nhiệm vụ được giao tại Điều 14 Quy chế này.

- Phân bổ 3% chi hỗ trợ trang bị cơ sở vật chất, điều kiện làm việc cho Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội huyện.

d) Phần còn lại (nếu có) được bổ sung vào nguồn vốn cho vay. 

3. Nội dung và mức chi cho công tác chỉ đạo, quản lý, tổng hợp, kiểm tra, giám sát, khen thưởng của Ban đại diện Hội đồng quản trị Ngân hàng Chính sách xã hội thành phố, quận/huyện tại điểm c, Khoản 1 và điểm c, Khoản 2 Điều này do Chủ tịch UBND thành phố quy định theo chế độ chi tiêu tài chính hiện hành đối với cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập và một số nội dung, mức chi đặc thù phù hợp với tình hình thực tế của địa phương.

Điều 11. Xử lý nợ bị rủi ro

1. Đối với các khoản nợ bị rủi ro do nguyên nhân khách quan: Đối tượng được xem xét xử lý rủi ro, nguyên nhân khách quan làm thiệt hại trực tiếp đến vốn và tài sản của khách hàng, biện pháp xử lý, hồ sơ pháp lý để xem xét xử lý nợ bị rủi ro được áp dụng theo quy định của Thủ tướng Chính phủ về cơ chế xử lý nợ bị rủi ro tại Ngân hàng Chính sách xã hội. Những trường hợp phải xử lý rủi ro khác, Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội thành phố (ngân sách thành phố), Phòng Giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội huyện (ngân sách huyện) phối hợp với Sở (Phòng), Ban, ngành liên quan báo cáo, tham mưu Chủ tịch UBND thành phố, Chủ tịch UBND huyện xem xét, quyết định.

2. Thẩm quyền xem xét xử lý nợ bị rủi ro:

a) Giám đốc Ngân hàng Chính sách xã hội nơi cho vay tổng hợp, kiểm tra hồ sơ đề nghị xử lý khoanh nợ, xóa nợ trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định;

b) Chủ tịch UBND thành phố quyết định xử lý nợ bị rủi ro (đối với nguồn vốn ngân sách thành phố), Chủ tịch UBND huyện quyết định xử lý nợ bị rủi ro (đối với nguồn vốn ngân sách huyện);

c) Nguồn vốn để xử lý nợ bị rủi ro được lấy từ Quỹ dự phòng rủi ro tín dụng đã được Ngân hàng Chính sách xã hội trích lập đối với cho vay người nghèo và các đối tượng chính sách khác từ nguồn ngân sách địa phương;

d) Trường hợp quỹ dự phòng rủi ro tín dụng không đủ bù đắp, tùy theo tình hình thực tế khoản vay bị rủi ro thuộc nguồn vốn ngân sách thành phố và ngân sách huyện; cơ quan Tài chính thành phố, huyện chủ trì phối hợp với Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội thành phố, Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội huyện và các cơ quan đơn vị có liên quan báo cáo UBND thành phố, UBND huyện bổ sung ngân sách địa phương để xử lý hoặc giảm trực tiếp vào nguồn vốn ủy thác của ngân sách địa phương theo quy định.

3. Trường hợp Quỹ dự phòng rủi ro tín dụng sau khi được sử dụng để xử lý xóa nợ bị rủi ro lớn hơn số dư Quỹ dự phòng rủi ro tối đa, số tiền vượt quỹ rủi ro tối đa được bổ sung vào nguồn vốn ủy thác để cho vay theo quy định.

Điều 12. Chế độ báo cáo

1. Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội thành phố, Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội quận, huyện thực hiện chế độ báo cáo định kỳ tại các kỳ họp cho Ban đại diện Hội đồng quản trị cùng cấp theo đúng quy định.

2. Đối với nguồn vốn do ngân sách thành phố ủy thác qua Chi nhánh 

Ngân hàng Chính sách xã hội thành phố: Định kỳ theo quý, hàng năm hoặc theo yêu cầu đột xuất, Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội thành phố báo cáo tổng nguồn vốn, kết quả cho vay từ nguồn vốn ủy thác gửi UBND thành phố, cơ quan chuyên môn được giao ký hợp đồng ủy thác.

3. Đối với nguồn vốn do ngân sách huyện ủy thác qua Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội huyện. Định kỳ theo quý, hàng năm hoặc theo yêu cầu đột xuất, Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội huyện báo cáo tổng nguồn vốn, kết quả cho vay từ nguồn vốn ủy thác gửi UBND huyện, cơ quan chuyên môn được giao ký hợp đồng ủy thác.

Điều 13. Hạch toán, theo dõi cho vay, chế độ báo cáo quyết toán

Việc ghi chép, hạch toán kế toán đối với nguồn vốn ủy thác và dư nợ cho vay được theo dõi, hạch toán vào tài khoản kế toán riêng theo các văn bản hướng dẫn của Tổng Giám đốc Ngân hàng Chính sách xã hội.

Chương III TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 14. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị, địa phương

1. Trách nhiệm của cơ quan tài chính được ủy quyền ký hợp đồng ủy thác vốn: chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tham mưu, đề xuất với UBND các cấp

a) Bố trí nguồn vốn từ ngân sách địa phương ủy thác cho Ngân hàng Chính sách xã hội; Cấp vốn ủy thác cho Ngân hàng Chính sách xã hội và thực hiện kiểm tra kết quả quản lý và sử dụng nguồn vốn ủy thác tại Ngân hàng Chính sách xã hội;

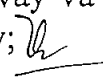
b) Căn cứ quy chế cho vay này và vốn ủy thác đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt ký hợp đồng ủy thác với Ngân hàng Chính sách xã hội;

c) Thẩm định hồ sơ vay vốn bị rủi ro, báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định trên cơ sở đề nghị của Ngân hàng Chính sách xã hội đối với trường hợp quy mô của đợt xóa nợ vượt quá số dư Quỹ dự phòng rủi ro tín dụng được tạo lập từ nguồn vốn ủy thác địa phương;

d) Thẩm định, trình cấp có thẩm quyền xử lý nợ bị rủi ro đối với những trường hợp phải xử lý rủi ro khác theo quy định tại Khoản 1 Điều 11 quy chế này;

2. Trách nhiệm các cơ quan có liên quan: Công an thành phố, Liên đoàn Lao động thành phố, Công đoàn Viên chức thành phố, Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Nội vụ

a) Khảo sát, xác định đối tượng, nhu cầu vay vốn, xây dựng kế hoạch cho vay hàng năm theo từng chương trình cho vay;

b) Kiểm tra, giám sát, đánh giá hiệu quả cho vay và phối hợp xử lý, thu hồi nợ đối với các đối tượng quy định tại Quy chế này; 

c) Phối hợp với Ngân hàng Chính sách xã hội và các cơ quan, đơn vị liên quan:

- Thẩm định hồ sơ đề nghị xử lý rủi ro của hộ vay vốn ủy thác từ ngân sách thành phố; phúc tra, lập thủ tục xử lý và báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét quyết định;

- Kiểm tra tình hình và kết quả thực hiện cho vay vốn ủy thác từ ngân sách địa phương. Định kỳ theo quý, hàng năm báo cáo UBND cùng cấp.

d) Trên cơ sở tiền lãi cho vay được phân bổ tại Điều 10 Quy chế này, căn cứ mức độ tham gia thực hiện các nhiệm vụ liên quan đến công tác cho vay, cơ quan đầu mối nhận lãi được phân phối có trách nhiệm phân phối cho các cơ quan trực thuộc theo quy định. Cuối năm các đơn vị, địa phương có trách nhiệm tổng hợp chung báo cáo quyết toán kinh phí hoạt động hàng năm của đơn vị, địa phương.

3. Trách nhiệm của Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội thành phố; Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội, quận, huyện.

a) Đối với Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội thành phố, Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội quận, huyện:

- Hướng dẫn nghiệp vụ; thẩm định hồ sơ vay vốn và trình cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định từng chương trình cho vay;

- Phối hợp với các cơ quan liên quan kiểm tra vốn vay, xử lý nợ theo quy định; lập hồ sơ xử lý nợ bị rủi ro trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định;

- Hạch toán kế toán đối với nguồn vốn và dư nợ từ nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội theo quy định;

- Tham mưu UBND các cấp tổ chức tổng kết đánh giá kết quả thực hiện cho vay các chương trình tín dụng hằng năm.

b) Đối với Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội thành phố, Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội huyện Hòa Vang, ngoài các nhiệm vụ quy định tại điểm a Khoản 3 Điều này còn có nhiệm vụ:

- Ngân hàng Chính sách xã hội nơi nhận ủy thác căn cứ vào đối tượng thụ hưởng, mục đích sử dụng vốn vay để áp dụng phương thức, quy trình thủ tục cho vay phù hợp với quy định hiện hành của Ngân hàng Chính sách xã hội, các sản phẩm cho vay sẵn có trong hệ thống Intellect và quy định tại quy chế này.

- Ngân hàng Chính sách xã hội thành phố tham mưu Ban đại diện Hội đồng quản trị Ngân hàng Chính sách xã hội thành phố phân bổ nguồn vốn ủy thác địa phương tại Điều 2 của quy chế này cho các quận, huyện để thực hiện cho vay đáp ứng nhu cầu của các đối tượng thụ hưởng. Chủ động tham mưu điều chỉnh nguồn vốn giữa các chương trình tín dụng đảm bảo theo thứ tự ưu tiên cho vay hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, hộ có mức sống trung bình, học sinh sinh viên, hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm, nhà ở

xã hội, người chấp hành xong án phạt tù (trừ nguồn vốn cho vay theo các chương trình thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân thành phố quyết định).

- Ký hợp đồng ủy thác với cơ quan chuyên môn được ủy quyền theo quy định. Tiếp nhận, quản lý và sử dụng vốn ngân sách của địa phương chuyển sang Ngân hàng Chính sách theo đúng quy định của pháp luật và các quy định tại Quy chế này;

- Chủ trì, phối hợp với các ngành, đơn vị xây dựng kế hoạch nguồn vốn hàng năm cho các đối tượng vay gửi cơ quan Tài chính trình cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định;

- Trước ngày 20 của tháng đầu quý liền kề, tạm tính và trích phân bổ tiền lãi cho vay thu được quy định tại Khoản 1 và Khoản 2 Điều 10 và cuối năm quyết toán phân bổ kinh phí vào ngày 31/12.

- Trích lập dự phòng rủi ro và quyết toán trích lập các khoản tại Khoản 1 và Khoản 2 Điều 10 của Quy chế này theo đúng quy định. Đối với nội dung trích lập quy định tại điểm d, Khoản 1 và điểm d, Khoản 2 Điều 10 được thực hiện vào quý I năm liền kề. Định kỳ quý, năm hoặc đột xuất báo cáo kết quả thực hiện các khoản thu, chi theo quy định.

- Định kỳ hằng năm báo cáo UBND các cấp kết quả tạo lập, quản lý, sử dụng nguồn vốn từ ngân sách địa phương chuyển qua Ngân hàng Chính sách trong quý I của năm sau cho theo quy định.

4. Các tổ chức chính trị - xã hội nhận ủy thác

a) Tuyên truyền, vận động và hướng dẫn thành lập Tổ Tiết kiệm và Vay vốn để thực hiện ủy thác cho vay;

b) Tổ chức kiểm tra, giám sát, quản lý hoạt động tín dụng theo văn bản liên tịch và hợp đồng ủy thác đã ký với Ngân hàng Chính sách.

c) Thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ ủy thác theo văn bản liên tịch và hợp đồng ủy thác đã ký kết với Ngân hàng Chính sách.

5. UBND quận, huyện

a) UBND các quận, huyện chỉ đạo và phối hợp với các cơ quan chức năng, cơ quan thực hiện chương trình và Ngân hàng Chính sách nơi cho vay thực hiện đúng các quy định tại Quy chế này;

b) UBND huyện Hòa Vang căn cứ khả năng cân đối ngân sách và tình hình thực tế tại địa phương, trình Hội đồng nhân dân huyện phê duyệt bổ sung nguồn vốn ủy thác qua Ngân hàng Chính sách để cho vay các đối tượng hộ nghèo và các đối tượng chính sách khác tại địa phương.

6. UBND xã, phường

a) Khảo sát, xác định đối tượng, nhu cầu vay vốn, xây dựng kế hoạch cho vay hàng năm theo từng chương trình cho vay 

b) Chịu trách nhiệm xác nhận đối tượng vay vốn theo từng chương trình cho vay theo Quy chế này;

c) Phối hợp với Ngân hàng Chính sách, tổ chức chính trị - xã hội, các cơ quan, đơn vị có liên quan kiểm tra việc sử dụng vốn vay, đơn đốc thu hồi nợ đến hạn, nợ quá hạn; kiểm tra, phúc tra hộ vay vốn bị rủi ro trên địa bàn;

d) Phối hợp với Ngân hàng Chính sách xử lý các trường hợp nợ chây ỳ, nợ quá hạn; hướng dẫn hộ vay lập hồ sơ đề nghị xử lý nợ rủi ro do nguyên nhân khách quan và có ý kiến về đề nghị xử lý rủi ro của người vay; tham gia tổ đơn đốc thu hồi nợ khó đòi.

7. Trách nhiệm của người vay

a) Kê khai hồ sơ đầy đủ, trung thực, chính xác;

b) Sử dụng vốn vay đúng mục đích;

c) Hoàn trả gốc, lãi đúng quy định;

d) Thực hiện đầy đủ quy ước hoạt động của Tổ Tiết kiệm và Vay vốn/Nhóm vay vốn.

Điều 15. Những tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm Quy chế này, tùy theo tính chất và mức độ vi phạm sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật.

Điều 16. Thu hồi vốn uỷ thác

Khi xét thấy cần thiết phải thu hồi nguồn vốn đã uỷ thác, UBND các cấp có quyết định, Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội thành phố, Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội huyện Hòa Vang thực hiện thu hồi vốn vay đến hạn (không tiếp tục cho vay từ nguồn vốn uỷ thác) để chuyển trả cho ngân sách các cấp cho đến khi thu hồi hết vốn uỷ thác.

Điều 17. Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có vướng mắc, các cơ quan, đơn vị, địa phương kịp thời phản ánh về Sở Tài chính nghiên cứu, đề xuất UBND thành phố xem xét, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với tình hình thực tế nhằm đảm bảo sử dụng vốn uỷ thác đúng mục đích, có hiệu quả. 

PHỤ LỤC
CÁC BIỂU MẪU

(kèm theo Quy chế ban hành kèm theo Quyết định số 36 /2025/QĐ-UBND
ngày 30 tháng 5 năm 2025 của UBND thành phố Đà Nẵng)

STT	MẪU SỐ	TÊN MẪU BIỂU
I	Chương trình cho vay cán bộ, công chức ở cấp thành phố	
1	01/NH	Giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn
2	02/NH	Hợp đồng tín dụng
3	03/NH	Danh sách cán bộ công chức, người lao động có hoàn cảnh khó khăn đề nghị vay vốn
4	04/NH	Thông báo phê duyệt cho vay
5	06/NH	Phiếu kiểm tra sử dụng vốn vay
6	09/NH	Giấy đề nghị gia hạn nợ
7	10A/NH	Biên bản họp Nhóm vay vốn được sử dụng khi thành lập mới Nhóm vay vốn
8	10B/NH	Biên bản họp Nhóm vay vốn được sử dụng trong trường hợp Nhóm vay vốn hợp để thay đổi thành viên Ban quản lý Nhóm vay vốn
9	10C/NH	Biên bản họp Nhóm vay vốn được sử dụng cho các cuộc họp khác có nội dung như bổ sung thành viên, cho thành viên ra khỏi Nhóm vay vốn, bình xét cho vay...
10	11/NH	Hợp đồng ủy nhiệm
11	13/TD	Bảng kê lãi phải thu - lãi thực thu - tiền gửi - thu nợ gốc từ tiền gửi
12	15/NH	Danh sách đối chiếu số dư tiền vay và tiền lãi
13	01/TG	Danh sách tổ viên đăng ký mở tài khoản tiền gửi (Mẫu 01/TG)
II	Chương trình cho vay cán bộ, công chức ở cấp huyện, cấp xã	
1	01A/NH	Giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn
2	02A/NH	Hợp đồng tín dụng
3	03A/NH	Danh sách cán bộ công chức, người lao động có hoàn cảnh khó khăn đề nghị vay vốn
4	04A/NH	Thông báo phê duyệt cho vay
5	06A/NH	Phiếu kiểm tra sử dụng vốn vay
6	09A/NH	Giấy đề nghị gia hạn nợ
7	10A/NH	Biên bản họp Nhóm vay vốn được sử dụng khi thành lập mới Nhóm vay vốn



8	10B/NH	Biên bản họp Nhóm vay vốn được sử dụng trong trường hợp Nhóm vay vốn hợp để thay đổi thành viên Ban quản lý Nhóm vay vốn
9	10C/NH	Biên bản họp Nhóm vay vốn được sử dụng cho các cuộc họp khác có nội dung như bổ sung thành viên, cho thành viên ra khỏi Nhóm vay vốn, bình xét cho vay...
10	11A/NH	Hợp đồng ủy nhiệm
11	13/TD	Bảng kê lãi phải thu - lãi thực thu - tiền gửi - thu nợ gốc từ tiền gửi
12	15A/NH	Danh sách đối chiếu số dư tiền vay và tiền lãi
13	01/TG	Danh sách tổ viên đăng ký mở tài khoản tiền gửi (Mẫu 01/TG)
III Chương trình cho vay người lao động		
1	01/NLĐ	Giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay
2	02/HĐTD-NLĐ	Hợp đồng tín dụng
3	03/TD	Danh sách Tổ viên đề nghị vay vốn Ngân hàng chính sách xã hội
4	04/TD	Thông báo Kết quả phê duyệt cho vay
5	06/TD	Phiếu kiểm tra sử dụng vốn vay
6	09A/TD	Giấy đề nghị gia hạn nợ
7	10C/TD	Biên bản họp kết nạp tổ viên, bình xét cho vay....
8	13/TD	Bảng kê lãi phải thu - lãi thực thu - tiền gửi - thu nợ gốc từ tiền gửi
9	15A/NH	Danh sách đối chiếu số dư tiền vay và tiền lãi
10	01/TG	Danh sách tổ viên đăng ký mở tài khoản tiền gửi (Mẫu 01/TG)
11	01/TB-LĐLĐ	Thông báo phê duyệt phân bổ vốn vay đoàn viên có hoàn cảnh khó khăn
12	02/TB-PBV	Phân bổ vốn chương trình cho vay người lao động trong các doanh nghiệp cho công đoàn cơ sở
13	03/DSVV	Danh sách đoàn viên công đoàn có hoàn cảnh khó khăn có nhu cầu và đủ điều kiện vay vốn tại NHCSXH.
14	04/TH-DSVV	Tổng hợp danh sách đoàn viên công đoàn có hoàn cảnh khó khăn có nhu cầu và đủ điều kiện vay vốn tại ngân hàng chính sách xã hội



GIẤY ĐỀ NGHỊ VAY VỐN
KIỂM PHƯƠNG ÁN SỬ DỤNG VỐN VAY
Chương trình cho vay cán bộ, công chức ở thành phố

Kính gửi: - Công đoàn Viên chức thành phố;
- Thủ trưởng cơ quan và Chủ tịch Công đoàn cơ sở
.....;
- Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội thành phố Đà Nẵng.

Họ tên người vay:..... Ngày, tháng, năm sinh/...../.....

Dân tộc:..... Giới tính:.....Điện thoại liên lạc:.....

Số CCCD:..... ngày cấp:...../...../....., nơi cấp:.....

Địa chỉ cư trú: số nhà:....., đường:....., tổ/thôn:.....,

xã/phường: quận/huyện....., thành phố Đà Nẵng.

Hiện đang công tác tại

Hoàn cảnh khó khăn¹:

Đề nghị Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội thành phố Đà Nẵng cho vay số tiền:.....đồng. (Bằng chữ.....)

- Mục đích sử dụng vốn vay:.....

- Thời hạn vay: tháng; Kỳ hạn trả nợ: 6 tháng/lần. Tiền lãi trả hàng tháng theo quy định.

Tôi cam kết sử dụng vốn vay đúng mục đích, trả nợ gốc và lãi đầy đủ, đúng hạn kể cả việc đồng ý cho cơ quan khấu trừ tiền lương và các khoản thu nhập khác từ cơ quan, đơn vị để trả nợ. Các thành viên trong gia đình tôi chưa được vay vốn các chương trình tín dụng theo Nghị quyết số 33/2024/NQ-HĐND ngày 30/7/2024 của Hội đồng nhân dân thành phố. Nếu sai trái, tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Đà Nẵng, ngày..... tháng năm 20.....

Xác nhận của
Thủ trưởng cơ quan²

Xác nhận của Chủ tịch
Công đoàn cơ sở³

Người vay
(Ký, ghi rõ họ tên)

¹ Ghi cụ thể nội dung khó khăn theo quy định

² Xác nhận ông/bà đang làm việc tại cơ quan/đơn vị là đúng.

³ Xác nhận ông/bà thuộc đối tượng được vay vốn và có hoàn cảnh khó khăn như trên là đúng

Hướng dẫn ghi nội dung khó khăn trên Giấy đề nghị vay vốn
(theo Nghị quyết số 33/2024/NQ-HĐND ngày 30/7/2024 của HĐND TP)

- a) Có mức lương hiện hưởng từ mức lương của ngạch chuyên viên bậc 3 trở xuống (gồm lương theo ngạch, bậc, chức vụ đối với cán bộ, công chức hoặc phụ cấp đối với người hoạt động không chuyên trách phường, xã hoặc mức lương theo công việc, chức danh đối với người lao động).
- b) Có người thân trong gia đình trong độ tuổi lao động nhưng chưa có việc làm, việc làm không ổn định hoặc bị mất việc, thôi việc, bị dôi dư trong quá trình sắp xếp doanh nghiệp, tinh giảm biên chế hoặc nghỉ hưu trước thời hạn, nghỉ mất sức lao động.
- c) Có từ 02 con trở lên đang học tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cao đẳng, đại học.
- d) Có người thân trong gia đình⁴ mắc bệnh hiểm nghèo⁵, bị khuyết tật hoặc bị bệnh nặng⁶ đang trong thời gian điều trị bệnh tại cơ sở y tế (có Giấy xác nhận của cơ sở y tế).
- đ) Gia đình bị thiệt hại nặng⁷ do thiên tai, hỏa hoạn, tai nạn giao thông hoặc sự kiện bất khả kháng⁸ khác được Ủy ban nhân dân cấp xã nơi cư trú (hoặc cơ quan cấp có thẩm quyền) xác nhận.
- e) Đã ly hôn hoặc có vợ/chồng chết, một mình nuôi 02 con chưa đủ tuổi thành niên (dưới từ 18 tuổi).

⁴ Người thân trong gia đình là vợ/chồng; con đẻ, con nuôi, con riêng của vợ/chồng; cha mẹ đẻ, cha mẹ vợ/chồng.

Con bao gồm: con đẻ, con nuôi, con riêng của vợ/chồng.

⁵ Người mắc bệnh hiểm nghèo là người đang bị mắc một trong những bệnh nguy hiểm đến tính mạng có văn bản xác nhận của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh từ tuyến huyện trở lên là bệnh hiểm nghèo theo quy định của Bộ Y tế.

⁶ Người bị bệnh nặng là người đang ở trong tình trạng bị bệnh nặng đến mức không còn khả năng lao động và sinh hoạt bình thường hoặc đang trong tình trạng nguy hiểm đến tính mạng và phải điều trị trong một thời gian nhất định theo chỉ định của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh từ tuyến huyện trở lên mới có thể bình phục trở lại.

⁷ Gia đình bị thiệt hại nặng do thiên tai, hỏa hoạn, tai nạn giao thông hoặc sự kiện bất khả kháng khác gây hậu quả có người bị chết hoặc bị thương nặng hoặc bị thiệt hại về nhà ở từ 30% trở lên.

⁸ Sự kiện bất khả kháng là sự kiện xảy ra một cách khách quan, không thể lường trước được và không thể khắc phục được mặc dù đã áp dụng mọi biện pháp và khả năng cần thiết theo quy định của pháp luật..

**DANH SÁCH
TỔ VIÊN ĐĂNG KÝ MỞ TÀI KHOẢN TIỀN GỬI**

Tên Nhóm vay vốn:

Mã nhóm:.....

Địa chỉ:

Kính gửi: Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội thành phố Đà Nẵng.

Căn cứ vào quy định của UBND thành phố về cho vay đối với cán bộ công chức ở thành phố, hướng dẫn cho vay của NHCSXH, chúng tôi tổ viên Nhóm vay vốn có tên dưới đây đăng ký mở tài khoản tiền gửi tại NHCSXH.

TT	Họ và tên	Mã khách hàng	Số căn cước/căn cước công dân	Số tài khoản của khách hàng	Mẫu chữ ký của khách hàng	
					Chữ ký 1	Chữ ký 2
1						
2						
3						
4						
5						

Chúng tôi xin chấp hành đúng các quy định của Quý Ngân hàng có liên quan đến việc sử dụng tài khoản tiền gửi nói trên.

Ngày tháng năm

Ngày tháng năm

Cán bộ TD

**Trưởng phòng
KH-NVTD**

Giám đốc

Trưởng nhóm vay vốn

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu số 02/NH
Lập 02 liên
01 liên lưu NH
01 liên lưu KH

HỢP ĐỒNG TÍN DỤNG

Số:/20...../HĐ-TD

(Áp dụng đối với chương trình cho vay cán bộ, công chức ở thành phố)

Căn cứ bộ Luật dân sự và các quy định pháp luật khác có liên quan;

Căn cứ Quyết định số/QĐ-UBND ngày/..... về

Hôm nay, ngày tháng năm tại
 chúng tôi gồm:

Bên cho vay

- Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội thành phố Đà Nẵng
- Địa chỉ: 346 Lê Thanh Nghị, phường Hòa Cường Nam, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng
- Điện thoại: 02363.786662-02363.786665
- Họ và tên người đại diện:.....Chức vụ:

Bên vay

- Họ và tên người vay: Tuổi:.....
- Ngày, tháng, năm sinh:
- Căn cước/Căn cước công dân số:.....ngày cấp...../...../20....., nơi cấp.....
- Nơi đăng ký thường trú: số nhà.....đường.....
 tổ dân phố/thôn.....phường/xã.....
 quận/huyện..... thành phố Đà Nẵng.
- Điện thoại liên hệ:.....

Hai Bên cùng thống nhất ký kết Hợp đồng này theo các nội dung thỏa thuận sau đây:

Điều 1. Nội dung cho vay

1. Tổng số tiền cho vay (bằng số): đồng.

Bằng chữ:

2. Thời hạn cho vay: tháng; hạn trả nợ cuối cùng ngày/.....

3. Lãi suất tiền vay:

- Lãi suất cho vay: %/ năm.
- Lãi suất quá hạn: 130% lãi suất cho vay.

Lãi tiền vay được tính kể từ ngày Bên vay nhận khoản vay đầu tiên đến ngày trả hết nợ gốc. Tiền lãi được Bên cho vay thu hàng tháng kể từ sau tháng nhận khoản vay đầu tiên, tiền lãi được tính trên số dư nợ thực tế. Tiền lãi tháng nếu chưa thu được thì chuyển sang thu vào tháng kế tiếp sau đó.

4. Kỳ hạn trả nợ gốc: trả gốc định kỳ 6 tháng 1 lần. Kỳ trả nợ đầu tiên được tính từ ngày người vay ký nhận nợ trên hợp đồng tín dụng.

5. Bên vay có thể trả nợ trước hạn.

6. Thu nợ, thu lãi, thu tiền gửi của tổ viên

a) Bên vay trả nợ gốc theo thỏa thuận trên hợp đồng tín dụng đã ký kết với NHCSXH. Đến kỳ hạn trả nợ, Bên vay trực tiếp đến điểm giao dịch do NHCSXH thông báo, hoặc đến trực tiếp tại Trụ sở Chi nhánh NHCSXH thành phố để trả nợ gốc theo quy định hoặc thực hiện chuyển khoản từ tiền gửi thanh toán để trả nợ gốc theo quy định của NHCSXH.

b) Tiền lãi được NHCSXH ủy nhiệm cho Nhóm vay vốn thu trực tiếp từ người vay vốn hàng tháng. Bên vay có trách nhiệm nộp lãi cho Trưởng nhóm vay vốn theo số tiền ghi trên biên lai do NHCSXH phát hành.

c) Bên vay mở tài khoản tiền gửi của tổ viên tại NHCSXH theo quy định của NHCSXH, tài khoản tiền gửi được sử dụng để gửi tiền vào NHCSXH và NHCSXH được trích từ tài khoản tiền gửi này để thanh toán nợ gốc và lãi tiền vay theo hợp đồng đã ký kết.

d) Hàng tháng, người vay nộp tiền gửi của tổ viên theo quy ước hoạt động của Nhóm vay vốn cho Trưởng nhóm vay vốn được NHCSXH ủy nhiệm thu tiền gửi. Đến kỳ trả nợ gốc, lãi Tổ viên đề nghị Trưởng nhóm vay vốn làm thủ tục chuyển khoản từ tài khoản thanh toán để trả tiền gốc và lãi cho NHCSXH theo quy định.

Điều 2. Phát tiền vay

1. Bên cho vay phát tiền vay một lần cho Bên vay bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản theo quy định của pháp luật.

2. Khi nhận tiền vay, Bên cho vay và Bên vay phải ký xác nhận trên phần theo dõi cho vay -thu nợ của phụ lục Hợp đồng tín dụng.

Điều 3. Mục đích sử dụng tiền vay

Điều 4. Điều chỉnh kỳ hạn trả nợ, gia hạn nợ, chuyển nợ quá hạn

a) Điều chỉnh kỳ hạn trả nợ

Trường hợp Bên vay chưa trả được nợ theo đúng kỳ hạn trả nợ thì được theo dõi vào kỳ hạn trả nợ tiếp theo.

b) Gia hạn nợ

Trước ngày đến hạn trả nợ cuối cùng, tối đa 03 tháng và tối thiểu 05 ngày làm việc, Bên vay không có khả năng trả được nợ do nguyên nhân khách quan

và có nhu cầu gia hạn nợ, Bên vay phải lập Giấy đề nghị gia hạn nợ (Mẫu 09/NH) có xác nhận của Trưởng nhóm vay vốn, thủ trưởng đơn vị nơi làm việc và gửi Bên cho vay để xem xét cho gia hạn nợ theo quy định của Bên cho vay.

c) Chuyển nợ quá hạn

Đến hạn cuối cùng của thời hạn cho vay đã thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng, nếu Bên vay không trả hết số nợ gốc và không được Bên cho vay xem xét cho gia hạn nợ, thì Bên cho vay chuyển toàn bộ số dư nợ còn lại sang quá hạn.

Điều 5. Xử lý các vi phạm

a) Thu hồi nợ trước hạn, chuyển nợ quá hạn: Bên vay vi phạm các cam kết trong Hợp đồng tín dụng nhưng không khắc phục, sửa chữa. Trong thời gian tối đa 03 tháng kể từ thời điểm thông báo cho Bên vay về việc chấm dứt cho vay, Bên cho vay thực hiện thu hồi nợ trước hạn, nếu Bên vay không trả hết số nợ vi phạm thì chuyển số nợ vi phạm còn lại sang quá hạn.

b) Chuyển nợ quá hạn

- Đối với trường hợp Bên vay sử dụng vốn vay sai mục đích đã ghi trong Hợp đồng tín dụng và được ghi nhận trong Biên bản kiểm tra, sau thời gian tối đa 30 ngày kể từ ngày phát hiện sai phạm được ghi trong Biên bản kiểm tra, Bên cho vay đã phối hợp với các cơ quan liên quan và chính quyền địa phương áp dụng các biện pháp để đôn đốc, yêu cầu Bên vay thực hiện nghĩa vụ trả nợ, nếu Bên vay không trả hết số nợ sử dụng sai mục đích thì chuyển số nợ sử dụng sai mục đích còn lại sang quá hạn;

- Đối với trường hợp quy định tại Khoản c Điều 4 Hợp đồng này.

Khi chuyển nợ quá hạn, Bên cho vay gửi thông báo cho Bên vay, đồng thời phối hợp với các cơ quan liên quan, chính quyền địa phương tìm biện pháp tích cực thu hồi nợ hoặc chuyển hồ sơ sang cơ quan pháp luật để xử lý thu hồi theo quy định của pháp luật.

d) Khởi kiện trước pháp luật: Bên cho vay có quyền khởi kiện trong các trường hợp sau:

- Bên vay vi phạm Hợp đồng tín dụng đã được Bên cho vay thông báo bằng văn bản nhưng không khắc phục;

- Bên vay có nợ quá hạn do nguyên nhân chủ quan nhưng không có biện pháp khả thi để trả Bên cho vay; Bên vay có năng lực tài chính để trả nợ nhưng cố tình trốn tránh trả nợ theo thỏa thuận;

- Bên vay có hành vi lừa đảo, gian lận;

- Các vi phạm khác theo quy định của pháp luật.

Điều 6. Quyền và Nghĩa vụ của Bên cho vay

1. Thực hiện đúng những nội dung đã thoả thuận;

2. Yêu cầu Bên vay thực hiện đúng các điều khoản thỏa thuận;

3. Yêu cầu Bên vay cung cấp các tài liệu, thông tin cần thiết liên quan đến món vay;

4. Kiểm tra, giám sát tình hình sử dụng vốn vay, khả năng trả nợ của Bên vay;

5. Từ chối các yêu cầu của Bên vay không đúng với quy định của pháp luật và thỏa thuận trong Hợp đồng này.

Điều 7. Quyền và Nghĩa vụ của Bên vay

1. Thực hiện đúng những nội dung đã thỏa thuận;

2. Được quyền yêu cầu Bên cho vay thực hiện đúng các điều khoản thỏa thuận;

3. Cung cấp đầy đủ, kịp thời, trung thực các thông tin, tài liệu liên quan đến vay vốn và chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác của các thông tin, tài liệu đã cung cấp;

4. Sử dụng vốn vay đúng mục đích;

5. Chịu sự kiểm tra, giám sát của Bên cho vay trong sử dụng vốn vay và trả nợ;

6. Phải thông báo kịp thời cho Bên cho vay những thay đổi về nơi cư trú, địa chỉ liên lạc, số điện thoại và những thay đổi khác ảnh hưởng đến khả năng trả nợ của Bên vay.

Điều 8. Cam kết chung

1. Hai bên cam kết thực hiện đúng các điều khoản của Hợp đồng tín dụng này. Mọi sửa đổi, bổ sung nội dung của các điều, khoản phải được sự thỏa thuận của hai bên bằng văn bản.

2. Trong quá trình thực hiện, nếu có tranh chấp xảy ra thì hai bên thống nhất giải quyết trên tinh thần hợp tác. Trường hợp không thương lượng được thì yêu cầu cơ quan có thẩm quyền giải quyết hoặc khởi kiện theo pháp luật.

3. Hợp đồng này và các văn bản bổ sung hợp đồng (nếu có) là một bộ phận thống nhất không thể tách rời nhau, các Bên phải có nghĩa vụ chấp hành.

4. Khi Bên vay trả hết nợ gốc, lãi và các chi phí phát sinh khác (nếu có) theo Hợp đồng này, thì Hợp đồng này mặc nhiên được thanh lý.

Điều 9. Một số thỏa thuận khác

.....

Điều 10. Hợp đồng tín dụng có hiệu lực kể từ ngày ký cho tới khi Bên vay hoàn thành nghĩa vụ trả nợ bao gồm cả tiền gốc, lãi và các chi phí phát sinh khác (nếu có).

Hợp đồng này được lập thành 02 bản có giá trị pháp lý như nhau, mỗi bên giữ 01 bản./.

ĐẠI DIỆN BÊN VAY

(Ký, ghi rõ họ tên)

ĐẠI DIỆN BÊN CHO VAY

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

PHỤ LỤC HỢP ĐỒNG TÍN DỤNG

(kèm theo Hợp đồng tín dụng số:/20..../HĐ-TD ngày .../.../.....)

1. Phần theo dõi cho vay

Đơn vị: đồng

Ngày tháng năm	Diễn giải	Số tiền	Lãi suất %/năm	Hạn trả nợ cuối cùng	Dư nợ trong hạn	Chữ ký	
						Người vay	Giao dịch viên
1	2	3	4	5	6	7	8

2. Phần theo dõi gia hạn nợ

Đơn vị: đồng

Ngày, tháng, năm	Gia hạn nợ		Chữ ký Kế toán
	Số tiền	Đến ngày, tháng, năm	
1	4	5	6

3. Phần theo dõi nợ quá hạn

Đơn vị: đồng

Ngày tháng năm	Diễn giải	Số tiền chuyển nợ quá hạn	Lãi suất %/năm	Dư nợ quá hạn	Chữ ký	
					Người vay	Kế toán
1	2	3	4	5	6	7

4. Theo dõi thu nợ, thu lãi:

Ngân hàng Chính sách xã hội nơi cho vay sử dụng Thẻ theo dõi giao dịch tiền vay in ra từ hệ thống Intellect (In ra phục vụ công tác kiểm tra, đối chiếu và đóng nhật ký chứng từ khi khoản vay tắt toán).

CÔNG ĐOÀN

.....

.....

**DANH SÁCH CÁN BỘ, CÔNG CHỨC,
NGƯỜI LAO ĐỘNG CÓ HOÀN CẢNH KHÓ KHĂN
ĐỀ NGHỊ VAY VỐN**

Mẫu số: 03/NH

Lập 05 liên:

- 02 liên lưu NH(01 liên đóng chứng từ, 01 liên lưu hồ sơ cho vay)
- 01 liên lưu tại Công đoàn các cơ quan Đảng thành phố
- 01 liên lưu tại Công đoàn UBND thành phố
- 01 liên lưu tại Nhóm vay vốn

Tại cuộc họp ngày tháng.....năm..... các thành viên trong Nhóm vay vốn đã xét nhất trí đề nghị các thành viên có tên dưới đây được vay vốn đợt này:

STT	Họ và tên	Mục đích vay vốn	Đơn vị: Triệu đồng, tháng	
			Số tiền	Thời hạn
1				
2				
3				
4				
	Cộng:			

Trưởng nhóm
(Ký, ghi rõ họ tên)

Chủ tịch
Công đoàn Viên chức
thành phố
(Ký tên, đóng dấu)

Thủ trưởng đơn vị
(Ký tên, đóng dấu)

Đà Nẵng, ngày.....tháng.....năm 20....
Phê duyệt của Công đoàn Viên chức
thành phố

Tổng số người được vay vốn đợt này:.....người.
Tổng số tiền cho vay:.....đồng.
(Bằng chữ:.....)
Số người chưa được vay đợt này.....người,
có số thứ tự là:.....

Chủ tịch
(Ký tên, đóng dấu)

Cán bộ tín dụng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Trưởng phòng
Kế hoạch Nghiệp vụ tín dụng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Đà Nẵng, ngày.....tháng.....năm 202.....

Phê duyệt giải ngân của NHCSXH

Tổng số người được vay vốn đợt này:.....người.

Tổng số tiền cho vay:.....đồng.

(Bằng chữ:.....)

Số người chưa được vay đợt này.....người,

có số thứ tự là:.....

GIÁM ĐỐC

(Ký tên, đóng dấu)

thangtd-30/05/2025 16:48:30-thangtd-thangtd-thangtd

Mẫu số 04/NH

Lập 03 liên:

- 01 liên lưu NH;

- 01 liên lưu tại CD Viên chức TP;

- 01 liên lưu tại Nhóm vay vốn.

NGÂN HÀNG CHÍNH SÁCH XÃ HỘI
CHI NHÁNH THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đà Nẵng, ngày tháng năm 202....

THÔNG BÁO
KẾT QUẢ PHÊ DUYỆT CHO VAY

Kính gửi: - Công đoàn Viên chức thành phố;
 - Công đoàn cơ sở.....

Căn cứ hồ sơ cho vay đã được phê duyệt, Ngân hàng Chính sách xã hội Chi nhánh thành phố Đà Nẵng thông báo kết quả phê duyệt cho vay như sau:

1/ Tổng số người được vay vốn đợt này (kèm danh sách 03/NH): người.

- Số tiền : * Bằng số: đồng
 * Bằng chữ :.....

2/ Số người chưa được vay đợt này:/.. người.

- Có số thứ tự trong danh sách là:/.....
- Số tiền : * Bằng số:/..... đồng
 * Bằng chữ :...../.....

3/ Lịch phát tiền vay vào giờ phút, ngày tháng năm 20....;
tại địa điểm

Đề nghị Công đoàn Viên chức thành phố, Công đoàn cơ sở.....
thông báo cho những người được vay đến địa điểm theo thời gian nêu trên để
nhận tiền vay.

NGƯỜI LẬP
(Ký, ghi rõ họ tên)

GIÁM ĐỐC
(Ký tên, đóng dấu)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**GIẤY XÁC NHẬN CÁN BỘ, CÔNG CHỨC, NGƯỜI LAO ĐỘNG CÓ
HOÀN CẢNH KHÓ KHĂN**

Kính gửi¹:

Họ và tên người đề nghị xác nhận:

Căn cước công dân số

cấp ngày/...../.... tại

Nghề nghiệp:

Hiện đang công tác tại:

Nơi ở hiện tại:

Đăng ký thường trú (hoặc đăng ký tạm trú) tại:

Có hoàn cảnh khó khăn thuộc một trong các trường hợp sau²:

☐ Có mức lương hiện hưởng từ mức lương của ngạch chuyên viên bậc 3 trở xuống (gồm lương theo ngạch, bậc, chức vụ đối với cán bộ, công chức)

☐ Có người thân trong gia đình³ trong độ tuổi lao động nhưng chưa có việc làm, việc làm không ổn định hoặc bị mất việc, thôi việc, bị dôi dư trong quá trình sắp xếp doanh nghiệp, tinh giảm biên chế hoặc nghỉ hưu trước thời hạn, nghỉ mất sức lao động. Cụ thể:

☐ Có từ 02 con trở lên đang học tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cao

¹ Gửi Công đoàn cơ sở để xác nhận về đối tượng; Gửi Công đoàn cơ sở và UBND cấp xã nơi cư trú hoặc cơ quan có thẩm quyền để xác nhận về đối tượng nếu thuộc trường hợp tại điểm đ khoản 1 Điều 4. Tiêu chí xác định khó khăn của Hướng dẫn Nghiệp vụ cho vay cán bộ, công chức thành phố.

² Căn cứ vào hoàn cảnh khó khăn hiện tại của người vay đề nghị đánh dấu (X) vào 1 trong 6 ô cho phù hợp.

³ Người thân trong gia đình là vợ/ chồng; con đẻ, con nuôi, con riêng vợ/ chồng; cha mẹ đẻ, cha mẹ vợ/ chồng.

đẳng, đại học (kèm bản sao Giấy khai sinh hoặc Giấy xác nhận cho học sinh, sinh viên do trường đại học, cao đẳng, cơ sở giáo dục nghề nghiệp cấp)

- ☐ Có người thân trong gia đình mắc bệnh hiểm nghèo, bị khuyết tật hoặc bị bệnh nặng đang trong thời gian điều trị bệnh tại cơ sở y tế (kèm bản sao Giấy xác nhận của cơ sở y tế).

- ☐ Gia đình bị thiệt hại nặng do thiên tai, hỏa hoạn, tai nạn giao thông hoặc sự kiện bất khả kháng khác được Ủy ban nhân dân cấp xã nơi cư trú (hoặc cơ quan cấp có thẩm quyền) xác nhận. Cụ thể:

.....

.....

.....

- ☐ Đã ly hôn hoặc có vợ/chồng chết, một mình nuôi 02 con chưa đủ tuổi thành niên (dưới từ 18 tuổi). Cụ thể:.....

.....

- Còn dư nợ tại Ngân hàng Chính sách xã hội (ghi rõ số tiền):..... đồng

Tôi xin cam đoan những lời khai trên là đúng sự thực và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về các nội dung đã kê khai.

Đà Nẵng, ngày tháng năm

Người viết đơn

(Ký và ghi rõ họ tên)

Xác nhận của Công đoàn cơ sở

Xác nhận của UBND cấp xã, phường

.....

.....

Ông/bà..... có hoàn cảnh khó khăn được vay vốn theo quy định.

(ký tên, đóng dấu)

Gia đình ông/bà có hoàn cảnh khó khăn như lời khai trên là đúng.

(ký tên, đóng dấu)

PHIẾU KIỂM TRA SỬ DỤNG VỐN VAY
(Định kỳ hoặc đột xuất)

Họ và tên cán bộ kiểm tra: 1. Ông(Bà)....., chức vụ

2. Ông(Bà)....., chức vụ

Thời điểm kiểm tra:, địa bàn kiểm tra:.....

Phần ghi theo hồ sơ cho vay					Phần kiểm tra thực tế tại người vay						
Stt	Số sổ vay vốn (Khế uớc)	Họ và tên người vay	Số tiền vay	Mục đích sử dụng vốn vay	Số tiền thực nhận	Dư nợ đến ngày kiểm tra	Đã trả lãi đến ngày/..../...	Thực tế sử dụng		Số tiền sử dụng sai mục đích	Ký xác nhận của người vay
								Vào việc	Số tiền		

Nhận xét: 1. Tình hình thực hiện phương án sản xuất:.....

2. Tài sản đảm bảo nợ vay nếu có:.....

3. Kiểm tra, đối chiếu thực tế được người, số tiền đồng. Trong đó:

- Số người sử dụng đúng mục đích: người, số tiền:..... đồng, tỷ trọng: %.

- Số người sử dụng sai mục đích: người, số tiền:..... đồng, tỷ trọng: %.

Biện pháp xử lý:.....

Ngày, tháng, năm

Cán bộ kiểm tra
(Ký, ghi rõ họ tên)

GIẤY ĐỀ NGHỊ GIA HẠN NỢ

Kính gửi: Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội thành phố Đà Nẵng.

Họ và tên người vay: Năm sinh:

Địa chỉ cư trú: số nhà.....; phường.....; quận.....; thành phố:.....

Là thành viên Nhóm vay vốn do ông (bà)..... làm Trưởng nhóm.

Số vay vốn số:; lập ngày / /

Hiện nay tôi còn nợ Ngân hàng số tiền gốc:..... đồng; số tiền lãi: đồng.

Theo thỏa thuận tôi phải trả vào ngày tháng năm, nhưng đến nay tôi chưa trả được nợ vì lý do sau đây:

.....

.....

Đề nghị Ngân hàng xem xét cho gia hạn khoản nợ gốc nêu trên đến ngày..... tháng..... năm.....

Tôi xin cam kết sử dụng vốn vay đúng mục đích; trả nợ, trả lãi đầy đủ và đúng hạn. Nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Trưởng nhóm

(Ký tên, đóng dấu)

Người vay

(Ký, ghi rõ họ tên)

Ý kiến của Công đoàn

Viên chức thành phố

Đề nghị/không đề nghị cho gia hạn nợ

Ngày tháng năm

Chủ tịch

(Ký tên, đóng dấu)

Xác nhận của thủ trưởng đơn vị

Đề nghị/không đề nghị cho gia hạn nợ

Ngày tháng năm

Thủ trưởng đơn vị

(Ký tên, đóng dấu)

PHÊ DUYỆT CỦA NHCSXH

1. Cho gia hạn nợ số tiền:..... đồng.
(Bằng chữ.....)

2. Thời gian cho gia hạn nợ:..... tháng.

Hạn trả nợ cuối cùng: Ngày / /

Cán bộ tín dụng

(Ký, ghi rõ họ tên)

Trưởng phòng

(Ký, ghi rõ họ tên)

Ngày tháng năm

Giám đốc

(Ký tên, đóng dấu)

BIÊN BẢN HỌP NHÓM VAY VỐN
Về việc thành lập Nhóm vay vốn

Hôm nay, vào lúc.....giờ....phút ngày..... tháng năm.....

Tại Công đoàn

Chúng tôi gồm có:.....đoàn viên công đoàn cơ sở tự nguyện họp để thành lập Nhóm vay vốn theo quy định.

Ông (bà).....là Thủ trưởng đơn vị, chứng kiến cuộc họp

Chủ trì: Ông (bà).....chức vụ: Chủ tịch Công đoàn cơ sở

Thư ký: Ông (bà).....là đại diện đoàn viên

Tất cả thành viên dự họp đã nhất trí thông qua các nội dung sau:

I. Danh sách đoàn viên được kết nạp vào nhóm gồm.....đoàn viên có tên dưới đây:

1.....	17.....	33.....
2.....	18.....	34.....
3.....	19.....	35.....
4.....	20.....	36.....
5.....	21.....	37.....
6.....	22.....	38.....
7.....	23.....	39.....
8.....	24.....	40.....
9.....	25.....	41.....
10.....	26.....	42.....
11.....	27.....	43.....
12.....	28.....	44.....
13.....	29.....	45.....
14.....	30.....	46.....
15.....	31.....	47.....
16.....	32.....	48.....

Tổng số đoàn viên trong nhóm:.....đoàn viên.

II. Quy ước hoạt động của Nhóm vay vốn

1. Nhóm vay vốn là tập hợp những người vay có nhu cầu vay vốn cùng thuộc một đơn vị công đoàn, do Công đoàn cơ sở thành lập; cùng giám sát lẫn nhau trong việc vay vốn, sử dụng vốn vay và trả nợ NHCSXH.

2. Nhóm vay vốn hoạt động theo nguyên tắc tập thể, biểu quyết theo đa số dưới sự điều hành của Ban quản lý Nhóm vay vốn. Nhóm vay vốn sinh hoạt định kỳ hàng tháng vào ngày hoặc đột xuất để giải quyết công việc phát sinh (nếu có). Nội dung họp Nhóm vay vốn do Nhóm trưởng chuẩn bị và thống nhất trong Ban quản lý Nhóm vay vốn.

3. Cuộc họp của Nhóm vay vốn khi có các nội dung biểu quyết thì phải có ít nhất $\frac{2}{3}$ số thành viên dự họp và có ít nhất $\frac{2}{3}$ số thành viên có mặt tại cuộc họp tán thành mới có giá trị thực hiện. Các nội dung họp Nhóm vay vốn phải biểu quyết bao gồm: kết nạp thành viên, cho thành viên ra khỏi Nhóm vay vốn, nội dung quy ước hoạt động, bầu Nhóm trưởng và Nhóm phó, bình xét cho vay từng thành viên. Nội dung cuộc họp Nhóm vay vốn phải được lập thành biên bản và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp.

4. Điều hành hoạt động của Nhóm vay vốn có Ban quản lý Nhóm vay vốn. Ban quản lý Nhóm vay vốn gồm nhóm trưởng và nhóm phó được phân công nhiệm vụ như sau:

a) Nhóm trưởng là người đại diện cho Nhóm vay vốn chịu trách nhiệm chỉ đạo, điều hành hoạt động của Nhóm vay vốn theo Quy ước hoạt động đã được Nhóm vay vốn thông qua, trực tiếp thực hiện nhiệm vụ của Ban quản lý Nhóm vay vốn và nhiệm vụ của Nhóm trưởng theo quy định đã được ghi trong Hợp đồng ủy nhiệm của NHCSXH.

b) Nhóm phó giúp việc cho Nhóm trưởng trong việc điều hành, giải quyết công việc của Nhóm vay vốn và thay mặt Nhóm trưởng giao dịch với NHCSXH khi được Nhóm trưởng phân công. Riêng trường hợp Nhóm phó nhận tiền hoa hồng từ NHCSXH thì phải có Giấy ủy quyền của Nhóm trưởng và có xác nhận của cơ quan..

5. Các thành viên trong Nhóm vay vốn cam kết thực hiện tốt các nội dung sau:

a) Tham gia đầy đủ các buổi sinh hoạt định kỳ hoặc đột xuất.

b) Sử dụng vốn vay đúng mục đích xin vay, có hiệu quả. Có nghĩa vụ trả nợ gốc, trả lãi đầy đủ, đúng kỳ hạn đã thoả thuận với NHCSXH.

c) Mỗi thành viên của Nhóm vay vốn cam kết tương trợ giúp đỡ nhau, có trách nhiệm giám sát lẫn nhau trong việc vay vốn, sử dụng vốn vay, trả nợ (gốc, lãi) NHCSXH và thực hiện nghiêm túc Quy ước hoạt động của Nhóm vay vốn.

d) Nếu Ban quản lý Nhóm vay vốn được NHCSXH tín nhiệm ủy nhiệm thu lãi của các thành viên, thì toàn bộ thành viên trong Nhóm vay vốn hoàn toàn nhất trí để Ban quản lý Nhóm vay vốn thu lãi để nộp NHCSXH. Riêng việc trả nợ gốc, tổ viên phải nộp tiền trực tiếp cho NHCSXH.

đ) Mỗi lần nộp tiền lãi cho Nhóm trưởng, thành viên ký vào Bảng kê lãi phải thu - lãi thực thu - tiền gửi - trả nợ gốc từ tiền gửi (gọi tắt là Bảng kê 13/TD) ngay khi nộp tiền cho Nhóm trưởng; đồng thời nhận lại Biên lai thu lãi và thu tiền gửi tiết kiệm; tiến hành kiểm tra, đối chiếu về: số tiền gốc, số tiền lãi còn nợ NHCSXH đã được in trên Biên lai và thông báo cho NHCSXH nếu có chênh lệch.

e) Thành viên viên phải lưu giữ đầy đủ các loại Sổ sách, giấy tờ sau:

- Sổ vay vốn để thường xuyên theo dõi số tiền còn nợ NHCSXH.

- Biên lai thu lãi đã có chữ ký của Nhóm trưởng để làm cơ sở chứng minh cho số tiền lãi, tiền gửi đã nộp cho Nhóm trưởng.

Nội dung quy ước trên được/..... thành viên dự họp tán thành.

III. Bầu Ban quản lý Nhóm vay vốn

1. Các đoàn viên dự họp thống nhất bầu Ban quản lý Nhóm vay vốn gồm các ông, bà có tên dưới đây:

a) Ông (Bà).....chức vụ: Nhóm trưởng với...../..... đoàn viên tán thành

b) Ông (Bà).....chức vụ: Nhóm phó với...../..... đoàn viên tán thành

2. Ban quản lý Nhóm vay vốn thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của mình theo quy định hiện hành của NHCSXH.

Biên bản này được lập thành 02 bản, được các đoàn viên trong nhóm hoàn toàn nhất trí thông qua. Đề nghị Công đoàn Viên chức thành phố công nhận và cho phép nhóm vay vốn của chúng tôi được hoạt động.

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Ký tên, đóng dấu)

CHỦ TRÌ CUỘC HỌP

(**CHỦ TỊCH CÔNG ĐOÀN CƠ SỞ**)

(Ký, ghi rõ họ tên)

THƯ KÝ CUỘC HỌP

(Ký, ghi rõ họ tên)

PHÊ DUYỆT CỦA CÔNG ĐOÀN VIÊN CHỨC THÀNH PHỐ

(Áp dụng cho trường hợp thành lập nhóm)

Chấp thuận và cho phép Nhóm vay vốn do ông (bà).....làm Nhóm trưởng và ông (bà) làm Nhóm phó được thành lập, hoạt động theo Quy ước của nhóm đề ra và chịu trách nhiệm trước Pháp luật về hoạt động của Nhóm vay vốn.

Ngày.....tháng.....năm.....

CHỦ TỊCH

(Ký tên, đóng dấu)

BIÊN BẢN HỌP
Về việc thay đổi thành viên Ban quản lý Nhóm vay vốn

Hôm nay, vào lúc.....giờ....phút ngày..... tháng năm.....

Tại.....

Thành phần tham dự: thành viên Ban chấp hành Công đoàn

Chủ trì: Ông (bà).....chức vụ: Chủ tịch Công đoàn cơ sở

Thư ký: Ông (bà).....

NỘI DUNG

1. Chủ trì cuộc họp thông báo lý do tổ chức cuộc họp thay đổi thành viên Ban quản lý nhóm vay vốn:

.....

.....

2. Sau khi thảo luận, các thành viên thống nhất bầu chọn thành viên mới tham gia Ban quản lý nhóm vay vốn như sau:

a) Ông (Bà).....chức vụ: với/..... thành viên tán thành

b) Ông (Bà).....chức vụ: với/..... thành viên tán thành

Biên bản này được lập thành 02 bản, được các thành viên trong Nhóm vay vốn hoàn toàn nhất trí thông qua. Đề nghị Công đoàn Viên chức thành phố chấp thuận và cho phép Ban quản lý nhóm vay vốn được tiếp tục quản lý hoạt động của nhóm vay vốn.

Cuộc họp kết thúc vào.....giờ....., ngày...../...../.....

CHỦ TRÌ CUỘC HỌP
(CHỦ TỊCH CÔNG ĐOÀN CƠ SỞ)
(Ký, ghi rõ họ tên)

THƯ KÝ CUỘC HỌP
(Ký, ghi rõ họ tên)

PHÊ DUYỆT CỦA CÔNG ĐOÀN VIÊN CHỨC THÀNH PHỐ

Chấp thuận ông (bà)..... chức vụ
..... và ông (bà) chức vụ
.....của Nhóm vay vốn tại cơ quan..... theo Quy
ước của Nhóm đề ra và chịu trách nhiệm trước Pháp luật về hoạt động của
Nhóm.

Ngày.....tháng.....năm.....

CHỦ TỊCH

(Ký tên, đóng dấu)

thangtd-30/05/2025 16:48:30-thangtd-thangtd-thangtd

BIÊN BẢN HỌP NHÓM VAY VỐN

V/v (bổ sung thành viên, cho thành viên ra khỏi Nhóm vay vốn,
bình xét vay vốn,.....):.....

Thời gian bắt đầu: giờ....., ngày...../...../.....

Địa điểm: Tại

Thành phần tham dự:

-.....thành viên Nhóm vay vốn thuộc cơ quan.....

- Ông (bà)..... chức vụ..... Công đoàn cơ sở,
chứng kiến cuộc họp.

Chủ trì: Ông (bà).....chức vụ: Trưởng Nhóm vay vốn

Thư ký: Ông (bà).....

NỘI DUNG

Sau khi thảo luận, cuộc họp thống nhất các nội dung sau:

1. DANH SÁCH THÀNH VIÊN BỔ SUNG VÀO NHÓM VAY VỐN

- | | | | |
|---|-------|----|-------|
| 1 | | 6 | |
| 2 | | 7 | |
| 3 | | 8 | |
| 4 | | 9 | |
| 5 | | 10 | |

Số thành viên dự họp tán thành:...../..... thành viên dự họp.

Tổng số thành viên của Nhóm vay vốn sau kỳ họp này:.....thành viên.

2. DANH SÁCH THÀNH VIÊN RA KHỎI NHÓM VAY VỐN

- | | | | |
|---|-------|----|-------|
| 1 | | 6 | |
| 2 | | 7 | |
| 3 | | 8 | |
| 4 | | 9 | |
| 5 | | 10 | |

Số thành viên dự họp tán thành:...../..... thành viên dự họp.

Tổng số thành viên của Nhóm vay vốn sau kỳ họp này:.....thành viên.

3. BÌNH XÉT CHO VAY

Căn cứ trên chỉ tiêu kế hoạch vốn được phân bổ và nguồn vốn thu hồi tại công đoàn, căn cứ Giấy đề nghị vay vốn kèm phương án sử dụng vốn của người vay, sau khi thảo luận, cuộc họp thống nhất các nội dung sau:

STT	Danh sách người được vay vốn	Số tiền được vay (đồng)	Thời hạn cho vay (tháng)	Mục đích sử dụng vốn vay	Số người dự họp tán thành
1					
2					
3					
4					
5					
6					
7					
8					
9					
10					

4. NỘI DUNG KHÁC (liên quan đến quản lý, sử dụng vốn vay, hoạt động của Nhóm vay vốn, kiến nghị.....)

.....

.....

Nội dung Biên bản được thông qua và các thành phần dự họp đều tán thành.

Cuộc họp kết thúc vào.....giờ....., ngày...../...../.....

TRƯỞNG NHÓM
(Ký, ghi rõ họ tên)

THƯ KÝ CUỘC HỌP
(Ký, ghi rõ họ tên)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu số: 11/NH

Lập 03 liên:

- 01 liên lưu NH

- 01 liên lưu Viên chức TP

- 01 liên lưu nhóm

**Hợp đồng uỷ nhiệm giữa Ngân hàng Chính sách xã hội với Nhóm vay vốn
Về việc thu lãi, thu tiền gửi và thực hiện một số nội dung công việc khác
trong quy trình cho vay của Ngân hàng Chính sách xã hội**

Hôm nay, ngày...../...../....., tại.....

Chúng tôi gồm có:

1. Bên uỷ nhiệm (bên A)

- Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội thành phố Đà Nẵng.
- Đại diện ông (bà):.....Chức vụ:.....
- Địa chỉ: 346 Lê Thanh Nghị, thành phố Đà Nẵng. Số điện thoại: 3786662

2. Bên nhận uỷ nhiệm (bên B)

- Tên nhóm vay vốn:.....
- Địa chỉ:.....
- Đại diện ông (bà): Chức vụ: Nhóm trưởng
- CMND số:..... ngày cấp...../...../.....nơi cấp:.....
- Địa chỉ:.....

Hai bên nhất trí thoả thuận các nội dung sau:

Điều 1. Bên A uỷ nhiệm cho bên B thực hiện các công việc sau đây:

1. Nhận giấy đề nghị vay vốn của thành viên. Tổ chức họp các thành viên trong nhóm để thực hiện bình xét công khai, dân chủ. Lựa chọn thành viên đủ điều kiện vay vốn. Lập Danh sách cán bộ, công chức, người lao động có hoàn cảnh khó khăn đề nghị vay vốn (mẫu số 03/NH) trình Thủ trưởng đơn vị xác nhận, đề nghị Công đoàn Viên chức thành phố phê duyệt và ngân hàng phê duyệt giải ngân. Thông báo kết quả phê duyệt cho vay, lịch giải ngân đến từng thành viên. Chứng kiến việc giải ngân, thu nợ, thu lãi của bên A.

2. Bên B phải đôn đốc người vay sử dụng tiền vay đúng mục đích; trả nợ, trả lãi đầy đủ, đúng hạn cả gốc và lãi theo kế hoạch đã thoả thuận .

3. Trong phạm vi 30 ngày kể từ ngày nhận tiền vay, bên B thực hiện kiểm tra việc sử dụng vốn vay của 100% các thành viên trong nhóm (mẫu số 06/NH) để gửi

cán bộ NHCSXH nơi cho vay. Trường hợp hộ vay sử dụng vốn vay sai mục đích thì lập biên bản và yêu cầu hộ vay trả nợ trước hạn.

4. Bên B được thu lãi, thu tiền gửi của thành viên trong nhóm vay vốn trước ngày hàng tháng và nộp cho NHCSXH vào ngày tại điểm giao dịch

5. Phối hợp cán bộ cơ quan, tổ chức, Công đoàn Viên chức thành phố, chính quyền địa phương xử lý các trường hợp nợ quá hạn, nợ bị rủi ro (nếu có), các trường hợp sử dụng vốn vay sai mục đích, trốn, chết, mất tích, rủi ro do nguyên nhân khách quan và thông báo kịp thời cho bên A.

6. Theo dõi cho vay - thu nợ - thu lãi của thành viên theo mẫu số 13/NH; lưu giữ hồ sơ của nhóm vay vốn và các giấy tờ khác liên quan đến hoạt động vay vốn.

Điều 2. Trách nhiệm và quyền hạn của các bên

1. Trách nhiệm và quyền hạn của bên A

1.1 Phối hợp với Công đoàn Viên chức thành phố để tổ chức tập huấn nghiệp vụ cho vay cho bên B, cung cấp đầy đủ các mẫu biểu có liên quan đến hoạt động vay vốn.

1.2 Thanh toán tiền hoa hồng đầy đủ cho bên B theo quy định hiện hành của NHCSXH, cụ thể:

a) Chi trả hoa hồng huy động tiền gửi:

- Tiền hoa hồng được tính theo công thức:

$$\text{Tiền hoa hồng} = \text{Mức hoa hồng} \times \text{Số dư bình quân tài khoản tiền gửi của tổ viên}$$

Trong đó:

+ Mức hoa hồng được Tổng Giám đốc quy định từng thời kỳ đối với Tổ tiết kiệm và vay vốn. Hiện nay, mức hoa hồng huy động tiền gửi là 0,071%/tháng;

$$\begin{array}{l} \text{Số dư bình quân} \\ \text{tài khoản tiền gửi} \\ \text{của tổ viên} \end{array} = \frac{\text{Số dư đầu ngày 01 của tháng} + \text{Số dư ngày cuối cùng của tháng}}{2}$$

- Định kỳ chi trả hoa hồng: NHCSXH nơi nhận tiền gửi chi trả hoa hồng cho Nhóm vay vốn theo định kỳ hàng tháng vào ngày cuối cùng của tháng. Số tiền hoa hồng được chuyển vào tài khoản tiền gửi của Nhóm vay vốn.

b) Chi trả hoa hồng thu lãi: Ngân hàng thực hiện chi trả hoa hồng tính theo số dư nợ có thu được lãi.

Mức chi và công thức tính: NHCSXH trả hoa hồng cho Nhóm vay vốn căn cứ vào mức độ công việc uỷ nhiệm cho Nhóm (không uỷ nhiệm thu nợ gốc), kết quả thu lãi của Nhóm để trả hoa hồng.

Tiền hoa hồng trả cho Nhóm vay vốn được xác định theo công thức:

$$\text{Tiền hoa hồng} = \frac{\text{Tỷ lệ hoa hồng được hưởng}}{\text{Lãi suất cho vay}} \times \text{Số tiền lãi thực thu}$$

Trong đó: Tỷ lệ hoa hồng được hưởng theo quy định đối với Tổ TK&VV được uỷ nhiệm thu lãi (hiện nay tỷ lệ hoa hồng được hưởng là 0,071%) Lãi suất cho vay là lãi suất trong hạn ghi trên hợp đồng tín dụng khi cho vay. Số tiền lãi thực thu là số tiền lãi do người vay hoặc do Nhóm vay vốn nộp vào ngân hàng.

• **Định kỳ tính hoa hồng:** Đối với tiền lãi do Trưởng nhóm nộp: tính ngay sau khi Trưởng nhóm nộp tiền lãi của tổ viên vào NHCSXH. Đối với tiền lãi do người vay tự nộp vào Ngân hàng: tính vào ngày giao dịch cố định. Ngân hàng liệt kê tổng số tiền lãi người vay của nhóm trực tiếp nộp Ngân hàng trong tháng hoặc từ lần trước đến ngày giao dịch tháng này mà chưa tính tiền hoa hồng để làm cơ sở tính tiền hoa hồng cho nhóm vay vốn.

1.3 Thực hiện kiểm tra theo định kỳ hoặc đột xuất về các nội dung công việc mà bên B được uỷ nhiệm. Trường hợp phát hiện bên B vi phạm các điều khoản đã thoả thuận thì bên A đơn phương chấm dứt Hợp đồng và đề nghị xử lý theo quy định của pháp luật.

2. Trách nhiệm và quyền lợi của bên B

- Thực hiện đầy đủ các nội dung đã thoả thuận tại Hợp đồng này.
- Nộp đầy đủ, kịp thời tiền lãi thu được của các tổ viên vào bên A (nếu được bên A uỷ nhiệm thu). Tuyệt đối không được lợi dụng nhiệm vụ quyền hạn để tham ô, chiếm dụng vốn; nếu xảy ra mất mát, thiếu hụt bên B phải bồi hoàn và chịu trách nhiệm trước pháp luật.
- Duy trì hoạt động của nhóm.
- Từ chối yêu cầu của bên A trái với nội dung đã thoả thuận.
- Bên B được hưởng hoa hồng do bên A trả theo kết quả thu lãi.

Điều 3. Điều khoản thi hành

1. Mỗi bên có trách nhiệm chỉ đạo và thực hiện tốt các nội dung đã thoả thuận trong Hợp đồng này.

2. Trường hợp người đại diện nhóm ký hợp đồng này có sự thay đổi do chuyển chỗ ở hoặc buộc nghỉ việc hoặc thay đổi thành viên đại diện nhóm thì người kế nhiệm có trách nhiệm tiếp tục chỉ đạo thực hiện.

3. Trong quá trình thực hiện, hai bên không được tự ý thay đổi nội dung thoả thuận; nếu có vấn đề phát sinh cần bổ sung, sửa đổi các bên phải kịp thời thông báo cho nhau biết để bàn bạc giải quyết; nếu có tranh chấp xảy ra thì hai bên thống nhất

giải quyết trên tinh thần hợp tác; trong trường hợp không hoà giải được, thì yêu cầu cơ quan có thẩm quyền giải quyết hoặc khởi kiện trước pháp luật.

Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký và được lập thành 03 bản có giá trị như nhau, mỗi bên giữ 01 bản để tổ chức thực hiện và gửi Công đoàn các cơ quan Đảng thành phố 01 bản.

Đại diện bên B
(ký, ghi rõ họ tên)

Đại diện bên A
(ký tên, đóng dấu)



NHCSXH THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Mẫu số 13/TD
Lập 01 liên: lưu NH

BẢNG KÊ LÃI PHẢI THU - LÃI THỰC THU - TIỀN GỬI - THU NỢ GỐC TỪ TIỀN GỬI

Tháng năm

Tổ trưởng:
Địa chỉ:

Mã tổ:

Thuộc:

Đơn vị tính: đồng

TT	Họ tên khách hàng	Chương trình	Mã món vay/ Tài khoản tiền gửi	Dư nợ	Tháng, năm đến hạn trả nợ cuối cùng	Số tiền lãi còn phải thu đến:/...../.....			Số tiền lãi thực thu tháng này		Tiền gửi		Thu nợ gốc từ tiền gửi (chuyển khoản)	Chữ ký của khách hàng
						Lãi tồn	Lãi tháng này	Tổng số	Thu tiền mặt	Thu từ tiền gửi (chuyển khoản)	Số dư kỳ trước	Số tiền gửi kỳ này		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9) = (7) + (8)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)
Tổng cộng														

Tổng số tiền lãi bằng tiền mặt (cột 10): đồng.

Tổng số tiền gửi kỳ này (cột 13): đồng.

Tổng số tiền mặt nộp (cột 10+13): đồng.

Tổng số biên lai giao cho tổ trưởng:

Ngày..... tháng.....năm.....

Người nộp
(Tổ trưởng tổ TK&VV)
(Ký, ghi rõ họ tên)

Giao dịch viên
(Ký, ghi rõ họ tên)

Đơn vị kiểm tra:.....

Mẫu số: 15/NH

Lập 03 liên:

- 01 liên chính lưu NH;

- 01 liên phô tô lưu Nhóm vay vốn;

- 01 liên phô tô lưu Đ.v.k.trả

DANH SÁCH ĐỐI CHIẾU SỐ DƯ TIỀN VAY VÀ TIỀN LÃI

Đến ngày/...../.....(*)

Nhóm trưởng:..... Mã Nhóm:..... Địa chỉ:.....

Đơn vị tính: đồng

STT	Họ và tên khách hàng/ Chương trình	Mã món vay	Số liệu tại NHCSXH			Số liệu đ/chiếu tại khách hàng			Chênh lệch (+,-)			Nguyên nhân chênh lệch	Chữ ký của khách hàng
			Nợ gốc	Nợ lãi	Số dư tiền gửi	Nợ gốc	Nợ lãi	Số dư tiền gửi	Nợ gốc	Nợ lãi	Số dư tiền gửi		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10=4-7	11=5-8	12=6-9	13	14
	Tổng cộng												

Chú ý: - (*): Ghi thời điểm chốt số liệu tại Ngân hàng để đi đối chiếu

- Cột 14: các nguyên nhân chênh lệch bao gồm: do phát sinh sau ngày chốt số liệu tại Ngân hàng và do bị chiếm dụng, vay ké. Trường hợp chênh lệch do bị chiếm dụng, vay ké cán bộ đối chiếu phải lập thêm biên bản riêng đối với từng khách hàng bị chiếm dụng, vay ké.

CÁN BỘ ĐỐI CHIẾU

(Ký, ghi rõ họ tên)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY ĐỀ NGHỊ VAY VỐN
KIỂM PHƯƠNG ÁN SỬ DỤNG VỐN VAY
Chương trình cho vay cán bộ, công chức ở cấp huyện, cấp xã

Kính gửi:

- Liên đoàn Lao động quận/huyện
- Thủ trưởng cơ quan và Chủ tịch Công đoàn cơ sở
- Ngân hàng Chính sách xã hội

Họ tên người vay:..... Ngày, tháng, năm sinh/...../.....

Dân tộc:..... Giới tính:.....Điện thoại liên lạc:.....

Số CCCD:..... ngày cấp:...../...../....., nơi cấp:

Địa chỉ cư trú: số nhà:....., đường:....., tổ/thôn:.....,
xã/phường: quận/huyện....., thành phố Đà Nẵng.

Thuộc đối tượng vay vốn¹:

Hiện đang làm việc tại:.....

Hoàn cảnh khó khăn²:

Đề nghị Ngân hàng Chính sách xã hội cho vay số
tiền:.....đồng. (Bằng chữ.....)

- Mục đích sử dụng vốn vay:.....

- Thời hạn vay: tháng; Kỳ hạn trả nợ: 06 tháng/lần. Tiền lãi trả hàng
tháng theo quy định.

Tôi cam kết sử dụng vốn vay đúng mục đích, trả nợ gốc và lãi đầy đủ, đúng hạn
kể cả việc đồng ý cho cơ quan khấu trừ tiền lương và các khoản thu nhập khác từ cơ
quan, đơn vị để trả nợ. Các thành viên trong gia đình tôi chưa được vay vốn các
chương trình tín dụng theo NQ33/2024/NQ-HĐND ngày 30/7/2024 của Hội đồng
nhân dân thành phố. Nếu sai trái, tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Đà Nẵng, ngày..... tháng năm 202...

Xác nhận của
Thủ trưởng cơ quan³

Xác nhận của Chủ tịch
Công đoàn cơ sở⁴

Người vay
(Ký, ghi rõ họ tên)

¹ Ghi cụ thể theo từng đối tượng vay theo quy định: Đoàn viên công đoàn là cán bộ, công chức; người hoạt động không chuyên trách cấp xã, người lao động không xác định thời hạn.

² Theo hướng dẫn tại phần phụ lục kèm theo tại trang 2.

³ Xác nhận ông/bà đang làm việc tại cơ quan/đơn vị là đúng.

⁴ Xác nhận ông/bà thuộc đối tượng được vay vốn và có hoàn cảnh khó khăn như trên là đúng

Phụ lục

Hướng dẫn ghi nội dung khó khăn trên Giấy đề nghị vay vốn

(theo Nghị quyết số 33/2024/NQ-HĐND ngày 30/7/2024 của HĐND TP)

Có hoàn cảnh khó khăn thuộc một trong các trường hợp sau

- a) Có mức lương hiện hưởng từ mức lương của ngạch chuyên viên bậc 3 trở xuống (gồm lương theo ngạch, bậc, chức vụ đối với cán bộ, công chức hoặc phụ cấp đối với người hoạt động không chuyên trách phường, xã hoặc mức lương theo công việc, chức danh đối với người lao động).
- b) Có người thân trong gia đình trong độ tuổi lao động nhưng chưa có việc làm, việc làm không ổn định hoặc bị mất việc, thôi việc, bị dôi dư trong quá trình sắp xếp doanh nghiệp, tinh giảm biên chế hoặc nghỉ hưu trước thời hạn, nghỉ mất sức lao động.
- c) Có từ 02 con trở lên đang học tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cao đẳng, đại học.
- d) Có người thân trong gia đình⁵ mắc bệnh hiểm nghèo⁶, bị khuyết tật hoặc bị bệnh nặng⁷ đang trong thời gian điều trị bệnh tại cơ sở y tế (có Giấy xác nhận của cơ sở y tế).
- đ) Gia đình bị thiệt hại nặng⁸ do thiên tai, hỏa hoạn, tai nạn giao thông hoặc sự kiện bất khả kháng⁹ khác được Ủy ban nhân dân cấp xã nơi cư trú (hoặc cơ quan cấp có thẩm quyền) xác nhận.
- e) Đã ly hôn hoặc có vợ/chồng chết, một mình nuôi 02 con chưa đủ tuổi thành niên (dưới từ 18 tuổi).

⁵ Người thân trong gia đình là vợ/chồng; con đẻ, con nuôi, con riêng của vợ/chồng; cha mẹ đẻ, cha mẹ vợ/chồng.
Con bao gồm: con đẻ, con nuôi, con riêng của vợ/chồng..

⁶ Người mắc bệnh hiểm nghèo là người đang bị mắc một trong những bệnh nguy hiểm đến tính mạng có văn bản xác nhận của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh từ tuyến huyện trở lên là bệnh hiểm nghèo theo quy định của Bộ Y tế.

⁷ Người bị bệnh nặng là người đang ở trong tình trạng bị bệnh nặng đến mức không còn khả năng lao động và sinh hoạt bình thường hoặc đang trong tình trạng nguy hiểm đến tính mạng và phải điều trị trong một thời gian nhất định theo chỉ định của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh từ tuyến huyện trở lên mới có thể bình phục trở lại.

⁸ Gia đình bị thiệt hại nặng do thiên tai, hỏa hoạn, tai nạn giao thông hoặc sự kiện bất khả kháng khác gây hậu quả có người bị chết hoặc bị thương nặng hoặc bị thiệt hại về nhà ở từ 30% trở lên.

⁹ Sự kiện bất khả kháng là sự kiện xảy ra một cách khách quan, không thể lường trước được và không thể khắc phục được mặc dù đã áp dụng mọi biện pháp và khả năng cần thiết theo quy định của pháp luật..

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG TÍN DỤNG

Số:/20...../HĐ-TD

(Áp dụng đối với chương trình cho vay cán bộ, công chức ở cấp quận, cấp xã)

Căn cứ bộ Luật dân sự và các quy định pháp luật khác có liên quan;

Căn cứ Quyết định số/QĐ-UBND ngày/..... về

Hôm nay, ngày tháng năm tại chúng tôi gồm:

Bên cho vay

- Tên Ngân hàng Chính sách xã hội:
- Địa chỉ:
- Điện thoại:
- Họ và tên người đại diện:.....Chức vụ:

Bên vay

- Họ và tên người vay: Tuổi:.....
- Ngày, tháng, năm sinh:
- Căn cước công dân số:.....ngày cấp...../...../20....., nơi cấp.....
- Nơi đăng ký thường trú: số nhà.....đường.....tổ dân phố/thôn.....phường/xã.....quận/huyện..... thành phố Đà Nẵng. Điện thoại liên hệ:.....

Hai Bên cùng thống nhất ký kết Hợp đồng này theo các nội dung thỏa thuận sau đây:

Điều 1. Nội dung cho vay

1. Tổng số tiền cho vay (bằng số): đồng.

Bằng chữ:

2. Thời hạn cho vay: tháng; hạn trả nợ cuối cùng ngày/...../.....

3. Lãi suất tiền vay:

- Lãi suất cho vay: %/ năm.
- Lãi suất quá hạn: 130% lãi suất cho vay

Lãi tiền vay được tính kể từ ngày Bên vay nhận khoản vay đầu tiên đến ngày trả hết nợ gốc. Tiền lãi được Bên cho vay thu hàng tháng kể từ sau tháng nhận khoản vay đầu tiên, tiền lãi được tính trên số dư nợ thực tế; Tiền lãi tháng nếu chưa thu được thì chuyển sang thu vào tháng kế tiếp sau đó.

4. Kỳ hạn trả nợ gốc: Tiền gốc trả định kỳ 6 tháng 1 lần. Kỳ trả nợ đầu tiên được tính từ ngày người vay ký nhận nợ trên hợp đồng tín dụng.

5. Bên vay có thể trả nợ trước hạn.

6. Thu nợ, thu lãi, thu tiền gửi của tổ viên

a) Bên vay trả nợ gốc theo thỏa thuận trên hợp đồng tín dụng đã ký kết với NHCSXH. Đến kỳ hạn trả nợ, Bên vay trực tiếp đến điểm giao dịch của NHCSXH đặt tại UBND cấp xã nơi cơ quan người vay làm việc đóng trụ sở để trả nợ gốc theo quy định hoặc thực hiện chuyển khoản từ tiền gửi thanh toán để trả nợ gốc theo quy định của NHCSXH.

b) Tiền lãi được NHCSXH ủy nhiệm cho Trưởng Nhóm vay vốn thu trực tiếp từ người vay vốn hàng tháng. Bên vay có trách nhiệm nộp lãi cho Trưởng nhóm vay vốn theo số tiền ghi trên biên lai do NHCSXH phát hành.

c) Bên vay mở tài khoản tiền gửi của tổ viên tại NHCSXH theo quy định của NHCSXH, tài khoản tiền gửi được sử dụng để gửi tiền vào NHCSXH và NHCSXH được trích từ tài khoản tiền gửi này để thanh toán nợ gốc và lãi tiền vay theo hợp đồng đã ký kết.

d) Hàng tháng, người vay nộp tiền gửi của tổ viên theo quy ước hoạt động của Nhóm vay vốn cho Trưởng nhóm vay vốn được NHCSXH ủy nhiệm thu tiền gửi. Đến kỳ trả nợ gốc, lãi Tổ viên đề nghị Trưởng nhóm vay vốn làm thủ tục chuyển khoản từ tài khoản tiền gửi để trả tiền gốc và lãi cho NHCSXH theo quy định.

Điều 2. Phát tiền vay

1. Bên cho vay phát tiền vay một lần cho Bên vay bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản theo quy định của pháp luật.

2. Khi nhận tiền vay, Bên cho vay và Bên vay phải ký xác nhận trên phân theo dõi cho vay -thu nợ của phụ lục Hợp đồng tín dụng.

Điều 3. Mục đích sử dụng tiền vay

.....
.....

Điều 4. Điều chỉnh kỳ hạn trả nợ, gia hạn nợ, chuyển nợ quá hạn

a) Điều chỉnh kỳ hạn trả nợ

Trường hợp Bên vay chưa trả được nợ theo đúng kỳ hạn trả nợ thì được theo dõi vào kỳ hạn trả nợ tiếp theo.

b) Gia hạn nợ

Trước ngày đến hạn trả nợ cuối cùng, tối đa 03 tháng và tối thiểu 05 ngày làm việc, Bên vay không có khả năng trả được nợ do nguyên nhân khách quan và có nhu cầu gia hạn nợ, Bên vay phải lập Giấy đề nghị gia hạn nợ (Mẫu 09A/NH) có xác nhận của Trưởng nhóm vay vốn, công đoàn cơ sở nơi người vay làm việc và liên đoàn lao động quận/huyện và gửi Bên cho vay để xem xét cho gia hạn nợ theo quy định của Bên cho vay.

c) Chuyển nợ quá hạn

Đến hạn cuối cùng của thời hạn cho vay đã thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng, nếu Bên vay không trả hết số nợ gốc và không được Bên cho vay xem xét cho gia hạn nợ, thì Bên cho vay chuyển toàn bộ số dư nợ còn lại sang quá hạn.

Điều 5. Xử lý các vi phạm

a) Thu hồi nợ trước hạn, chuyển nợ quá hạn: Bên vay vi phạm các cam kết trong Hợp đồng tín dụng nhưng không khắc phục, sửa chữa. Trong thời gian tối đa 03 tháng kể từ thời điểm thông báo cho Bên vay về việc chấm dứt cho vay, Bên cho vay thực hiện thu hồi nợ trước hạn, nếu Bên vay không trả hết số nợ vi phạm thì chuyển số nợ vi phạm còn lại sang quá hạn.

b) Chuyển nợ quá hạn

- Đối với trường hợp Bên vay sử dụng vốn vay sai mục đích đã ghi trong Hợp đồng tín dụng và được ghi nhận trong Biên bản kiểm tra, sau thời gian tối đa 30 ngày kể từ ngày phát hiện sai phạm được ghi trong Biên bản kiểm tra, Bên cho vay đã phối hợp với các cơ quan liên quan và chính quyền địa phương áp dụng các biện pháp để đôn đốc, yêu cầu Bên vay thực hiện nghĩa vụ trả nợ, nếu Bên vay không trả hết số nợ sử dụng sai mục đích thì chuyển số nợ sử dụng sai mục đích còn lại sang quá hạn;

- Đối với trường hợp quy định tại Khoản c Điều 4 Hợp đồng này.

Khi chuyển nợ quá hạn, Bên cho vay gửi thông báo cho Bên vay, đồng thời phối hợp với các cơ quan liên quan, chính quyền địa phương tìm biện pháp tích cực thu hồi nợ hoặc chuyển hồ sơ sang cơ quan pháp luật để xử lý thu hồi theo quy định của pháp luật.

d) Khởi kiện trước pháp luật: Bên cho vay có quyền khởi kiện trong các trường hợp sau:

- Bên vay vi phạm Hợp đồng tín dụng đã được Bên cho vay thông báo bằng văn bản nhưng không khắc phục;

- Bên vay có nợ quá hạn do nguyên nhân chủ quan nhưng không có biện pháp khả thi để trả Bên cho vay; Bên vay có năng lực tài chính để trả nợ nhưng cố tình trốn tránh trả nợ theo thỏa thuận;

- Bên vay có hành vi lừa đảo, gian lận;

- Các vi phạm khác theo quy định của pháp luật.

Điều 6. Quyền và Nghĩa vụ của Bên cho vay

1. Thực hiện đúng những nội dung đã thoả thuận;

2. Yêu cầu Bên vay thực hiện đúng các điều khoản thỏa thuận;

3. Yêu cầu Bên vay cung cấp các tài liệu, thông tin cần thiết liên quan đến món vay;

4. Kiểm tra, giám sát tình hình sử dụng vốn vay, khả năng trả nợ của Bên vay;

5. Từ chối các yêu cầu của Bên vay không đúng với quy định của pháp luật và thỏa thuận trong Hợp đồng này.

Điều 7. Quyền và Nghĩa vụ của Bên vay

1. Thực hiện đúng những nội dung đã thoả thuận;
2. Được quyền yêu cầu Bên cho vay thực hiện đúng các điều khoản thỏa thuận;
3. Cung cấp đầy đủ, kịp thời, trung thực các thông tin, tài liệu liên quan đến vay vốn và chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác của các thông tin, tài liệu đã cung cấp;
4. Sử dụng vốn vay đúng mục đích;
5. Chịu sự kiểm tra, giám sát của Bên cho vay trong sử dụng vốn vay và trả nợ;
6. Phải thông báo kịp thời cho Bên cho vay những thay đổi về nơi cư trú, địa chỉ liên lạc, số điện thoại và những thay đổi khác ảnh hưởng đến khả năng trả nợ của Bên vay.

Điều 8. Cam kết chung

1. Hai bên cam kết thực hiện đúng các điều khoản của Hợp đồng tín dụng này. Mọi sửa đổi, bổ sung nội dung của các điều, khoản phải được sự thỏa thuận của hai bên bằng văn bản.

2. Trong quá trình thực hiện, nếu có tranh chấp xảy ra thì hai bên thống nhất giải quyết trên tinh thần hợp tác. Trường hợp không thương lượng được thì yêu cầu cơ quan có thẩm quyền giải quyết hoặc khởi kiện theo pháp luật.

3. Hợp đồng này và các văn bản bổ sung hợp đồng (nếu có) là một bộ phận thống nhất không thể tách rời nhau, các Bên phải có nghĩa vụ chấp hành.

4. Khi Bên vay trả hết nợ gốc, lãi và các chi phí phát sinh khác (nếu có) theo Hợp đồng này, thì Hợp đồng này mặc nhiên được thanh lý.

Điều 9. Một số thỏa thuận khác

.....
.....

Điều 10. Hợp đồng tín dụng có hiệu lực kể từ ngày ký cho tới khi Bên vay hoàn thành nghĩa vụ trả nợ bao gồm cả tiền gốc, lãi và các chi phí phát sinh khác (nếu có).

Hợp đồng này được lập thành 02 bản có giá trị pháp lý như nhau, mỗi bên giữ 01 bản./.

ĐẠI DIỆN BÊN VAY

(Ký, ghi rõ họ tên)

ĐẠI DIỆN BÊN CHO VAY

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

PHỤ LỤC HỢP ĐỒNG TÍN DỤNG

(kèm theo Hợp đồng tín dụng số:/20..../HD-TD ngày .../.../.....)

1. Phần theo dõi cho vay

Đơn vị: đồng

Ngày tháng năm	Diễn giải	Số tiền	Lãi suất %/năm	Hạn trả nợ cuối cùng	Dư nợ trong hạn	Chữ ký	
						Người vay	Giao dịch viên
1	2	3	4	5	6	7	8

2. Phần theo dõi gia hạn nợ

Đơn vị: đồng

Ngày, tháng, năm	Gia hạn nợ		Chữ ký Kế toán
	Số tiền	Đến ngày, tháng, năm	
1	4	5	6

3. Phần theo dõi nợ quá hạn

Đơn vị: đồng

Ngày tháng năm	Diễn giải	Số tiền chuyển nợ quá hạn	Lãi suất %/năm	Dư nợ quá hạn	Chữ ký	
					Người vay	Kế toán
1	2	3	4	5	6	7

4. Theo dõi thu nợ, thu lãi:

Ngân hàng Chính sách xã hội nơi cho vay sử dụng Thẻ theo dõi giao dịch tiền vay in ra từ hệ thống Intellect (In ra phục vụ công tác kiểm tra, đối chiếu và đóng nhật ký chứng từ khi khoản vay tắt toán)

CÔNG ĐOÀN.....
.....
.....

DANH SÁCH TỔ VIÊN
ĐỀ NGHỊ VAY VỐN NGÂN HÀNG CHÍNH SÁCH XÃ HỘI
Chương trình cho vay: Cán bộ, công chức ở cấp huyện, cấp xã

Mẫu số: 03A/NH
Lập 04 liên:
- 02 liên lưu NH(01 liên đóng chứng từ, 01 liên lưu hồ sơ cho vay)
- 01 liên lưu tại LĐLĐ quận, huyện
- 01 liên lưu tại Nhóm vay vốn

Tại cuộc họp ngày tháng.....năm..... các thành viên trong Nhóm vay vốn đã xét nhất trí đề nghị các thành viên có tên dưới đây được vay vốn đợt này:

Đơn vị: đồng, tháng				
STT	Họ và tên	Mục đích vay vốn	Số tiền	Thời hạn
1	2	3	4	5
1				
2				
3				
4				
	Cộng:			

Thủ trưởng đơn vị
(Ký tên, đóng dấu)

Trưởng nhóm
(Ký, ghi rõ họ tên)

Đà Nẵng, ngày.....tháng....năm 20....
Phê duyệt của Liên đoàn Lao động quận, huyện
Tổng số người được vay vốn đợt này:.....người.
Tổng số tiền cho vay:.....đồng.
(Bằng chữ:.....)
Số người chưa được vay đợt này.....người,
có số thứ tự là:.....

Chủ tịch
(Ký tên, đóng dấu)

Cán bộ tín dụng
(Ký, ghi rõ họ tên)

**Trưởng phòng/Tổ trưởng Tổ
Kế hoạch Nghiệp vụ tín dụng**
(Ký, ghi rõ họ tên)

Đà Nẵng, ngày.....tháng.....năm 202.....

Phê duyệt giải ngân của NHCSXH

Tổng số người được vay vốn đợt này:.....người.

Tổng số tiền cho vay:.....đồng.

(Bảng chữ:.....)

Số người chưa được vay đợt này.....người,

có số thứ tự là:.....

GIÁM ĐỐC

(Ký tên, đóng dấu)

NGÂN HÀNG CHÍNH SÁCH XÃ HỘI
CHI NHÁNH THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đà Nẵng, ngày tháng năm 202....

THÔNG BÁO
KẾT QUẢ PHÊ DUYỆT CHO VAY¹⁰

Kính gửi: - Liên đoàn Lao động quận, huyện;
 - Công đoàn cơ sở.....

Căn cứ hồ sơ cho vay đã được phê duyệt, Ngân hàng Chính sách xã hội thông báo kết quả phê duyệt cho vay như sau:

1/ Tổng số người được vay vốn đợt này (kèm danh sách 03A/NH): người.

- Số tiền : * Bằng số: đồng
 * Bằng chữ :.....

2/ Số người chưa được vay đợt này:/.. người.

- Có số thứ tự trong danh sách là: .../.....
- Số tiền : * Bằng số:/..... đồng
 * Bằng chữ :...../.....

3/ Lịch phát tiền vay vào giờ phút, ngày tháng năm 20....; tại địa điểm

Đề nghị Liên đoàn Lao động quận, huyện....., Công đoàn cơ sở..... thông báo cho những người được vay đến địa điểm theo thời gian nêu trên để nhận tiền vay.

NGƯỜI LẬP
(Ký, ghi rõ họ tên)

GIÁM ĐỐC
(Ký tên, đóng dấu)

¹⁰ Lập 03 liên: 01 Liên lưu NHCSXH, 01 liên lưu Nhóm vay vốn; 01 liên lưu Liên đoàn lao động quận/huyện

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu số 06A/NH
Lập 02 liên:
- 01 liên lưu NH;
- 01 liên lưu nhóm.

PHIẾU KIỂM TRA SỬ DỤNG VỐN VAY
(Định kỳ hoặc đột xuất)

Họ và tên cán bộ kiểm tra: 1. Ông(Bà)....., chức vụ

2. Ông(Bà)....., chức vụ

Thời điểm kiểm tra:, địa bàn kiểm tra:.....

Phần ghi theo hồ sơ cho vay					Phần kiểm tra thực tế tại người vay						
Stt	Mã KH	Họ và tên người vay	Số tiền vay	Mục đích sử dụng vốn vay	Số tiền thực nhận	Dư nợ đến ngày kiểm tra	Đã trả lãi đến ngày/...../....	Thực tế sử dụng		Số tiền sử dụng sai mục đích	Ký xác nhận của người vay
								Vào việc	Số tiền		

Nhận xét: 1. Tình hình sử dụng vốn vay:.....

2. Kiểm tra, đối chiếu thực tế được người, số tiền đồng. Trong đó:

- Số người sử dụng đúng mục đích: người, số tiền:..... đồng, tỷ trọng: %.

- Số người sử dụng sai mục đích: người, số tiền:..... đồng, tỷ trọng: %.

Biện pháp xử lý:.....

Ngày, tháng, năm

Cán bộ kiểm tra

(Ký, ghi rõ họ tên)

GIẤY ĐỀ NGHỊ GIA HẠN NỢ

Kính gửi: Ngân hàng Chính sách xã hội.....

Họ và tên người vay: Năm sinh:
Địa chỉ cư trú: số nhà.....đường..... phường/xã.....
quận/huyện..... thành phố Đà Nẵng
Là thành viên Nhóm vay vốn do ông (bà).....làm Trưởng nhóm.
Hiện nay tôi còn nợ NHCSXH số tiền gốc:.....đồng;
số tiền lãi: đồng.

Theo thỏa thuận tôi phải trả vào ngày tháng năm, nhưng đến nay tôi chưa trả được nợ vì lý do sau đây:

.....
Đề nghị NHCSXH xét cho gia hạn khoản nợ gốc nêu trên đến ngày.....
tháng..... năm.....

Tôi xin cam kết sử dụng vốn vay đúng mục đích; trả nợ, trả lãi đầy đủ và đúng hạn. Nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Trưởng nhóm
(Ký tên, đóng dấu)

Ngày.....tháng....năm.....
Người vay
(Ký, ghi rõ họ tên)

Ý kiến của Liên đoàn lao động
quận/huyện
Đề nghị/không đề nghị cho gia hạn nợ
Ngày tháng năm
Chủ tịch
(Ký tên, đóng dấu)

Xác nhận của công đoàn cơ sở
Đề nghị/không đề nghị cho gia hạn nợ
Ngày tháng năm
Chủ tịch
(Ký tên, đóng dấu)

PHÊ DUYỆT CỦA NHCSXH

1. Cho gia hạn nợ số tiền:.....đồng.
(Bằng chữ.....)

2. Thời gian cho gia hạn nợ:.....tháng.

Hạn trả nợ cuối cùng: Ngày / /

Cán bộ tín dụng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Trưởng phòng/Tổ
trưởng Tổ Tín dụng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Ngày tháng năm.....
Giám đốc
(Ký tên, đóng dấu)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
-----***-----

Mẫu số: 10A/NH
Lập 03 liên:
- 01 liên lưu NH
- 01 liên lưu LĐLĐ QH
- 01 liên lưu nhóm

BIÊN BẢN HỌP NHÓM VAY VỐN
Về việc thành lập Nhóm vay vốn

Hôm nay, vào lúc.....giờ....phút ngày..... tháng năm.....
Tại Công đoàn
Chúng tôi gồm có:.....đoàn viên công đoàn cơ sở tự nguyện họp để thành lập Nhóm
vay vốn theo quy định.

Chủ trì: Ông (bà).....chức vụ:

Thư ký: Ông (bà).....là đại diện đoàn viên

Tất cả thành viên dự họp đã nhất trí thông qua các nội dung sau:

**I. Danh sách đoàn viên được kết nạp vào nhóm gồm.....đoàn viên có tên dưới
đây:**

1.....	17.....	33.....
2.....	18.....	34.....
3.....	19.....	35.....
4.....	20.....	36.....
5.....	21.....	37.....
6.....	22.....	38.....
7.....	23.....	39.....
8.....	24.....	40.....
9.....	25.....	41.....
10.....	26.....	42.....
11.....	27.....	43.....
12.....	28.....	44.....
13.....	29.....	45.....
14.....	30.....	46.....
15.....	31.....	47.....
16.....	32.....	48.....

Tổng số đoàn viên trong nhóm:.....đoàn viên.

II. Quy ước hoạt động của Nhóm vay vốn

1. Nhóm vay vốn là tập hợp những người vay có nhu cầu vay vốn cùng thuộc
liên đoàn lao động quận/huyện hoặc cùng một đơn vị công đoàn cơ sở, do Liên đoàn
lao động quận, huyện phê duyệt thành lập; cùng giám sát lẫn nhau trong việc vay
vốn, sử dụng vốn vay và trả nợ NHCSXH.

2. Nhóm vay vốn hoạt động theo nguyên tắc tập thể, biểu quyết theo đa số dưới sự điều hành của Ban quản lý Nhóm vay vốn. Nhóm vay vốn sinh hoạt định kỳ hàng tháng vào ngày hoặc đột xuất để giải quyết công việc phát sinh (nếu có). Nội dung họp Nhóm vay vốn do Trưởng nhóm chuẩn bị và thống nhất trong Ban quản lý Nhóm vay vốn.

3. Cuộc họp của Nhóm vay vốn khi có các nội dung biểu quyết thì phải có ít nhất 2/3 số thành viên dự họp và có ít nhất 2/3 số thành viên có mặt tại cuộc họp tán thành mới có giá trị thực hiện. Các nội dung họp Nhóm vay vốn phải biểu quyết bao gồm: kết nạp thành viên, cho thành viên ra khỏi Nhóm vay vốn, nội dung quy ước hoạt động, bầu Trưởng nhóm và Phó nhóm, bình xét cho vay từng thành viên. Nội dung cuộc họp Nhóm vay vốn phải được lập thành biên bản và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp.

4. Điều hành hoạt động của Nhóm vay vốn có Ban quản lý Nhóm vay vốn. Ban quản lý Nhóm vay vốn gồm Trưởng nhóm và Phó nhóm được phân công nhiệm vụ như sau:

a) Trưởng nhóm vay vốn là người đại diện cho Nhóm vay vốn chịu trách nhiệm chỉ đạo, điều hành hoạt động của Nhóm vay vốn theo Quy ước hoạt động đã được Nhóm vay vốn thông qua, trực tiếp thực hiện nhiệm vụ của Ban quản lý Nhóm vay vốn và nhiệm vụ của Trưởng nhóm theo quy định đã được ghi trong Hợp đồng ủy nhiệm của NHCSXH.

b) Phó nhóm vay vốn giúp việc cho Trưởng nhóm trong việc điều hành, giải quyết công việc của Nhóm vay vốn và thay mặt Trưởng nhóm giao dịch với NHCSXH khi được Trưởng nhóm phân công. Riêng trường hợp Phó nhóm nhận tiền hoa hồng từ NHCSXH thì phải có Giấy ủy quyền của Trưởng nhóm và có xác nhận của cơ quan.

5. Các thành viên trong Nhóm vay vốn cam kết thực hiện tốt các nội dung sau:

a) Tham gia đầy đủ các buổi sinh hoạt định kỳ hoặc đột xuất.

b) Sử dụng vốn vay đúng mục đích xin vay, có hiệu quả. Có nghĩa vụ trả nợ gốc, trả lãi đầy đủ, đúng kỳ hạn đã thỏa thuận với NHCSXH.

c) Mỗi thành viên của Nhóm vay vốn cam kết tương trợ giúp đỡ nhau, có trách nhiệm giám sát lẫn nhau trong việc vay vốn, sử dụng vốn vay, trả nợ (gốc, lãi) NHCSXH và thực hiện nghiêm túc Quy ước hoạt động của Nhóm vay vốn.

d) Nếu Ban quản lý Nhóm vay vốn được NHCSXH tín nhiệm ủy nhiệm thu lãi của các thành viên, thì toàn bộ thành viên trong Nhóm vay vốn hoàn toàn nhất trí để Ban quản lý Nhóm vay vốn thu lãi để nộp NHCSXH. Riêng việc trả nợ gốc, tổ viên phải nộp tiền trực tiếp cho NHCSXH.

đ) Mỗi lần nộp tiền lãi cho Trưởng nhóm, thành viên ký vào Bảng kê lãi phải thu - lãi thực thu - tiền gửi - trả nợ gốc từ tiền gửi (gọi tắt là Bảng kê 13/TD) ngay khi nộp tiền cho Trưởng nhóm; đồng thời nhận lại Biên lai thu lãi và thu tiền gửi của tổ viên; tiến hành kiểm tra, đối chiếu về: số tiền gốc, số tiền lãi còn nợ NHCSXH đã được in trên Biên lai và thông báo cho NHCSXH nếu có chênh lệch.

e) Thành viên phải lưu giữ đầy đủ các loại Sổ sách, giấy tờ sau:

- Hợp đồng tín dụng để thường xuyên theo dõi số tiền còn nợ NHCSXH.
- Biên lai thu lãi đã có chữ ký của Trưởng nhóm để làm cơ sở chứng minh cho số tiền lãi, tiền gửi đã nộp cho Trưởng nhóm.

Nội dung quy ước trên được/..... thành viên dự họp tán thành.

III. Bầu Ban quản lý Nhóm vay vốn

1. Các đoàn viên dự họp thống nhất bầu Ban quản lý Nhóm vay vốn gồm các ông, bà có tên dưới đây:

a) Ông (Bà).....chức vụ: Trưởng nhóm với...../.... đoàn viên tán thành

b) Ông (Bà).....chức vụ: Phó nhóm với...../.... đoàn viên tán thành

2. Ban quản lý Nhóm vay vốn thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của mình theo quy định hiện hành của NHCSXH.

Biên bản này được lập thành 02 bản, được các đoàn viên trong nhóm hoàn toàn nhất trí thông qua. Đề nghị Liên đoàn Lao động quận/huyện công nhận và cho phép nhóm vay vốn của chúng tôi được hoạt động.

CHỦ TRÌ CUỘC HỌP

(Ký, ghi rõ họ tên)

THƯ KÝ CUỘC HỌP

(Ký, ghi rõ họ tên)

PHÊ DUYỆT CỦA LIÊN ĐOÀN LAO ĐỘNG QUẬN/HUYỆN.....

Chấp thuận và cho phép Nhóm vay vốn do ông (bà).....làm Trưởng nhóm và ông (bà) làm Phó nhóm được thành lập, hoạt động theo Quy ước của nhóm đề ra và chịu trách nhiệm trước Pháp luật về hoạt động của Nhóm vay vốn.

Ngày.....tháng.....năm.....

CHỦ TỊCH

(Ký tên, đóng dấu)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu số: 10B/NH

Lập 02 liên:

- 01 liên lưu NH

- 01 liên lưu Nhóm vay vốn

BIÊN BẢN HỌP

Về việc thay đổi thành viên Ban quản lý Nhóm vay vốn

Hôm nay, vào lúc.....giờ....phút ngày..... tháng năm.....

Tại.....

Thành phần tham dự: thành viên Ban chấp hành Công đoàn

Chủ trì: Ông (bà).....chức vụ: Chủ tịch Công đoàn cơ sở

Thư ký: Ông (bà).....

NỘI DUNG

1. Chủ trì cuộc họp thông báo lý do tổ chức cuộc họp thay đổi thành viên Ban quản lý nhóm vay vốn:

2. Sau khi thảo luận, các thành viên thống nhất bầu chọn thành viên mới tham gia Ban quản lý nhóm vay vốn như sau:

a) Ông (Bà).....chức vụ: với/..... thành viên tán thành

b) Ông (Bà).....chức vụ: với/..... thành viên tán thành

Biên bản này được lập thành 02 bản, được các thành viên trong Nhóm vay vốn hoàn toàn nhất trí thông qua. Đề nghị Liên đoàn Lao động quận/huyện..... chấp thuận và cho phép Ban quản lý nhóm vay vốn được tiếp tục quản lý hoạt động của nhóm vay vốn.

Cuộc họp kết thúc vào.....giờ....., ngày...../...../.....

CHỦ TRÌ CUỘC HỌP

(Ký, ghi rõ họ tên)

THƯ KÝ CUỘC HỌP

(Ký, ghi rõ họ tên)

PHÊ DUYỆT CỦA LIÊN ĐOÀN LAO ĐỘNG QUẬN/HUYỆN.....

Chấp thuận ông (bà)..... chức vụ
và ông (bà) chức vụ của Nhóm vay vốn tại
cơ quan..... theo Quy ước của Nhóm đề ra và chịu trách nhiệm
trước Pháp luật về hoạt động của Nhóm.

Ngày.....tháng.....năm.....

CHỦ TỊCH

(Ký tên, đóng dấu)

BIÊN BẢN HỌP NHÓM VAY VỐN

V/v (bổ sung thành viên, cho thành viên ra khỏi Nhóm vay vốn,
bình xét vay vốn,.....):.....

Thời gian bắt đầu: giờ....., ngày...../...../.....

Địa điểm: Tại

Thành phần tham dự:

-.....thành viên Nhóm vay vốn thuộc cơ quan.....
- Ông (bà)..... chức vụ..... Công đoàn cơ sở,
chứng kiến cuộc họp.

Chủ trì: Ông (bà).....chức vụ: Trưởng Nhóm vay vốn

Thư ký: Ông (bà).....

NỘI DUNG

Sau khi thảo luận, cuộc họp thống nhất các nội dung sau:

1. DANH SÁCH THÀNH VIÊN BỔ SUNG VÀO NHÓM VAY VỐN

1		6	
2		7	
3		8	
4		9	
5		10	

Số thành viên dự họp tán thành:...../..... thành viên dự họp.

Tổng số thành viên của Nhóm vay vốn sau kỳ họp này:.....thành viên.

2. DANH SÁCH THÀNH VIÊN RA KHỎI NHÓM VAY VỐN

1		6	
2		7	
3		8	
4		9	
5		10	

Số thành viên dự họp tán thành:...../..... thành viên dự họp.

Tổng số thành viên của Nhóm vay vốn sau kỳ họp này:.....thành viên.

3. BÌNH XÉT CHO VAY

Căn cứ trên chỉ tiêu kế hoạch vốn được phân bổ và nguồn vốn thu hồi tại công đoàn, căn cứ Giấy đề nghị vay vốn kèm phương án sử dụng vốn của người vay, sau khi thảo luận, cuộc họp thống nhất các nội dung sau:

STT	Danh sách người được vay vốn	Số tiền được vay (đồng)	Thời hạn cho vay (tháng)	Mục đích sử dụng vốn vay	Số người dự họp tán thành
1					
2					
3					
4					
5					
6					
7					
8					

4. NỘI DUNG KHÁC (liên quan đến quản lý, sử dụng vốn vay, hoạt động của Nhóm vay vốn, kiến nghị.....).....
.....
.....

Nội dung Biên bản được thông qua và các thành phần dự họp đều tán thành.

Cuộc họp kết thúc vào.....giờ....., ngày...../...../.....
TRƯỞNG NHÓM **THƯ KÝ CUỘC HỌP**
(Ký, ghi rõ họ tên) *(Ký, ghi rõ họ tên)*

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu số: 11A/NH
Lập 03 liên:
- 01 liên lưu NH
- 01 liên lưu nhóm;
- 01 liên lưu LĐLĐ QH

Hợp đồng uỷ nhiệm

giữa Ngân hàng Chính sách xã hội với Trưởng nhóm vay vốn
về việc thu lãi, thu tiền gửi và thực hiện một số nội dung công việc khác trong quy
trình cho vay của Ngân hàng Chính sách xã hội

Hôm nay, ngày...../...../....., tại.....

Chúng tôi gồm có:

1. Bên uỷ nhiệm (bên A)

- Ngân hàng Chính sách xã hội
- Đại diện ông (bà):.....Chức vụ:.....
- Địa chỉ: Số điện thoại:

2. Bên nhận uỷ nhiệm (bên B)

- Tên nhóm vay vốn:.....
- Địa chỉ:.....
- Đại diện ông (bà): Chức vụ: Nhóm trưởng
- CMND số:..... ngày cấp...../...../.....nơi cấp:.....
- Địa chỉ:.....

Hai bên nhất trí thoả thuận các nội dung sau:

Điều 1. Bên A uỷ nhiệm cho bên B thực hiện các công việc sau đây:

1. Nhận giấy đề nghị vay vốn của thành viên. Tổ chức họp các thành viên trong nhóm để thực hiện bình xét công khai, dân chủ. Lựa chọn thành viên đủ điều kiện vay vốn. Lập Danh sách tổ viên đề nghị vay vốn NHCSXH (mẫu số 03A/NH) trình Thủ trưởng đơn vị xác nhận, đề nghị Liên đoàn Lao động quận, huyện..... phê duyệt và ngân hàng phê duyệt giải ngân. Thông báo kết quả phê duyệt cho vay, thời gian, địa điểm giải ngân đến từng thành viên. Chứng kiến việc giải ngân, thu nợ, thu lãi của bên A.

2. Bên B phải giám sát người vay sử dụng tiền vay đúng mục đích; trả nợ, trả lãi đầy đủ, đúng hạn cả gốc và lãi theo kế hoạch đã thoả thuận .

3. Trong phạm vi 30 ngày kể từ ngày người vay nhận tiền vay, bên B phối hợp với Liên đoàn lao động quận/huyện thực hiện kiểm tra việc sử dụng vốn vay (mẫu số 06/NH) để gửi NHCSXH nơi cho vay. Trường hợp người vay sử dụng vốn vay sai mục đích thì lập biên bản và yêu cầu người vay trả nợ trước hạn.

4. Bên B được thu lãi, thu tiền gửi của thành viên trong nhóm vay vốn và nộp cho NHCSXH vào ngày tại điểm giao dịch đặt tại UBND phường/xã

5. Phối hợp cán bộ cơ quan, tổ chức, Liên đoàn Lao động quận, huyện....., chính quyền địa phương xử lý các trường hợp nợ quá hạn, nợ bị rủi ro (nếu có), các trường hợp sử dụng vốn vay sai mục đích, trốn, chết, mất tích, rủi ro do nguyên nhân khách quan và thông báo kịp thời cho bên A.

6. Theo dõi cho vay - thu nợ - thu lãi - thu tiền gửi của thành viên; lưu giữ hồ sơ của nhóm vay vốn và các giấy tờ khác liên quan đến hoạt động vay vốn.

Điều 2. Trách nhiệm và quyền hạn của các bên

1. Trách nhiệm và quyền hạn của bên A

1.1 Phối hợp với Liên đoàn Lao động quận, huyện.....để tổ chức tập huấn nghiệp vụ cho vay cho bên B, cung cấp đầy đủ các mẫu biểu có liên quan đến hoạt động vay vốn.

1.2 Thanh toán tiền hoa hồng đầy đủ cho bên B theo quy định hiện hành của NHCSXH, cụ thể:

a) Hoa hồng huy động tiền gửi:

- Tiền hoa hồng được tính theo công thức:

$$\begin{array}{ccccc} \text{Tiền hoa} & & & & \text{Số dư bình quân tài khoản} \\ \text{hồng} & = & \text{Mức hoa hồng} & \times & \text{tiền gửi của tổ viên} \end{array}$$

Trong đó:

+ Mức hoa hồng được Tổng Giám đốc quy định từng thời kỳ đối với Tổ tiết kiệm và vay vốn. Hiện nay, mức hoa hồng huy động tiền gửi là 0,071%/tháng;

$$\begin{array}{ccccc} + \text{ Số dư bình quân} & & \text{Số dư đầu ngày 01} & + & \text{Số dư ngày cuối cùng} \\ \text{tài khoản tiền gửi} & & \text{của tháng} & & \text{của tháng} \\ \text{của tổ viên} & = & & & \\ & & & & 2 \end{array}$$

- Định kỳ chi trả hoa hồng: NHCSXH nơi nhận tiền gửi chi trả hoa hồng cho Nhóm vay vốn theo định kỳ hàng tháng vào ngày cuối cùng của tháng. Số tiền hoa hồng được chuyển vào tài khoản tiền gửi của Nhóm vay vốn.

b) Chi trả hoa hồng thu lãi: Ngân hàng thực hiện chi trả hoa hồng tính theo số dư nợ có thu được lãi.

Mức chi và công thức tính: NHCSXH trả hoa hồng cho Nhóm vay vốn căn cứ vào mức độ công việc uỷ nhiệm cho Nhóm (không uỷ nhiệm thu nợ gốc), kết quả thu lãi của Nhóm để trả hoa hồng.

Tiền hoa hồng trả cho Nhóm vay vốn được xác định theo công thức:

$$\text{Tiền hoa hồng} = \frac{\text{Tỷ lệ hoa hồng được hưởng}}{\text{Lãi suất cho vay}} \times \text{Số tiền lãi thực thu}$$

Trong đó: Tỷ lệ hoa hồng được hưởng theo quy định đối với với Tổ TK&VV được uỷ nhiệm thu lãi (hiện nay tỷ lệ hoa hồng được hưởng là 0,071%) Lãi suất cho vay là lãi suất trong hạn ghi trên hợp đồng tín dụng khi cho vay. Số tiền lãi thực thu là số tiền lãi do người vay hoặc do Nhóm vay vốn nộp vào ngân hàng.

- Định kỳ tính hoa hồng: Đối với tiền lãi do Trưởng nhóm nộp: tính ngay sau khi Trưởng nhóm nộp tiền lãi của tổ viên vào NHCSXH. Đối với tiền lãi do người vay tự nộp vào Ngân hàng: tính vào ngày giao dịch cố định. Ngân hàng liệt kê tổng số tiền lãi người vay của nhóm trực tiếp nộp Ngân hàng trong tháng hoặc từ lần trước đến ngày giao dịch tháng này mà chưa tính tiền hoa hồng để làm cơ sở tính tiền hoa hồng cho nhóm vay vốn.

1.3 Thực hiện kiểm tra theo định kỳ hoặc đột xuất về các nội dung công việc mà bên B được uỷ nhiệm. Trường hợp phát hiện bên B vi phạm các điều khoản đã thoả thuận thì bên A đơn phương chấm dứt Hợp đồng và đề nghị xử lý theo quy định của pháp luật.

2. Trách nhiệm và quyền lợi của bên B

- Thực hiện đầy đủ các nội dung đã thoả thuận tại Hợp đồng này.
- Nộp đầy đủ, kịp thời tiền lãi thu được của các tổ viên vào bên A (nếu được bên A uỷ nhiệm thu). Tuyệt đối không được lợi dụng nhiệm vụ quyền hạn để tham ô, chiếm dụng vốn; nếu xảy ra mất mát, thiếu hụt bên B phải bồi hoàn và chịu trách nhiệm trước pháp luật.
- Duy trì hoạt động của nhóm.
- Từ chối yêu cầu của bên A trái với nội dung đã thoả thuận.
- Bên B được hưởng hoa hồng do bên A trả theo kết quả thu lãi.

Điều 3. Điều khoản thi hành

1. Mỗi bên có trách nhiệm chỉ đạo và thực hiện tốt các nội dung đã thoả thuận trong Hợp đồng này.

2. Trường hợp người đại diện nhóm ký hợp đồng này có sự thay đổi do chuyển chỗ ở hoặc buộc nghỉ việc hoặc thay đổi thành viên đại diện nhóm thì người kế nhiệm có trách nhiệm tiếp tục chỉ đạo thực hiện.

3. Trong quá trình thực hiện, hai bên không được tự ý thay đổi nội dung thoả thuận; nếu có vấn đề phát sinh cần bổ sung, sửa đổi các bên phải kịp thời thông báo cho nhau biết để bàn bạc giải quyết; nếu có tranh chấp xảy ra thì hai bên thống nhất giải quyết trên tinh thần hợp tác; trong trường hợp không hoà giải được, thì yêu cầu cơ quan có thẩm quyền giải quyết hoặc khởi kiện trước pháp luật.

Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký và được lập thành 03 bản có giá trị như nhau, mỗi bên giữ 01 bản để tổ chức thực hiện và gửi Liên đoàn Lao động quận, huyện..... 01 bản.

Đại diện bên B
(ký, ghi rõ họ tên)

Đại diện bên A
(ký tên, đóng)



NHCSXH THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Mẫu số 13/TD
Lập 01 liên: lưu NH

BẢNG KÊ LÃI PHẢI THU - LÃI THỰC THU - TIỀN GỬI - THU NỢ GỐC TỪ TIỀN GỬI
Tháng năm

Tổ trưởng:
Địa chỉ:

Mã tổ:

Thuộc:

Đơn vị tính: đồng

TT	Họ tên khách hàng	Chương trình	Mã món vay/ Tài khoản tiền gửi	Dư nợ	Tháng, năm đến hạn trả nợ cuối cùng	Số tiền lãi còn phải thu đến:/...../.....			Số tiền lãi thực thu tháng này		Tiền gửi		Thu nợ gốc từ tiền gửi (chuyển khoản)	Chữ ký của khách hàng
						Lãi tồn	Lãi tháng này	Tổng số	Thu tiền mặt	Thu từ tiền gửi (chuyển khoản)	Số dư kỳ trước	Số tiền gửi kỳ này		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9) = (7) + (8)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)
Tổng cộng														

Tổng số tiền lãi bằng tiền mặt (cột 10): đồng.

Tổng số tiền gửi kỳ này (cột 13): đồng.

Tổng số tiền mặt nộp (cột 10+13): đồng.

Tổng số biên lai giao cho tổ trưởng:

Ngày..... tháng.....năm.....

Người nộp
(Tổ trưởng tổ TK&VV)
(Ký, ghi rõ họ tên)

Giao dịch viên
(Ký, ghi rõ họ tên)

GIẤY ĐỀ NGHỊ VAY VỐN
KIỂM PHƯƠNG ÁN SỬ DỤNG VỐN VAY
Chương trình cho vay người lao động trong các doanh nghiệp

Kính gửi:

- Giám đốc và Chủ tịch Công đoàn cơ sở công ty/doanh nghiệp.....;
- PGD/Chi nhánh NHCSXH

Họ tên người vay:..... Ngày, tháng, năm sinh
...../...../.....

Dân tộc:..... Giới tính:.....Điện thoại liên
lạc:.....

Số căn cước/ CCCD:..... ngày cấp:...../...../....., nơi
cấp:.....

Địa chỉ cư trú: số nhà:....., đường:....., tổ/thôn:.....,
xã/phường: quận/huyện....., thành phố Đà Nẵng.

Hiện đang công tác
tại.....

Hoàn cảnh khó khăn¹:

Đề nghị Chi nhánh/PGD NHCSXH cho vay
số tiền:.....đồng. (Bằng chữ)

- Mục đích sử dụng vốn vay:.....
- Thời hạn vay: tháng; Kỳ hạn trả nợ: 06 tháng/lần.
- Tiền lãi trả hàng tháng theo quy định.

Tôi đang làm việc tại công ty/doanh nghiệp.....
theo hợp đồng lao động số ngày / / , là đoàn
viên công đoàn có hoàn cảnh khó khăn. Tôi cam kết các thành viên trong gia
đình tôi chưa được vay vốn các chương trình tín dụng theo NQ33/2024/NQ-
HĐND ngày 30/7/2024 của Hội đồng nhân dân thành phố. Cam kết sử dụng vốn
vay đúng mục đích, trả nợ gốc và lãi đầy đủ, đúng hạn. Nếu sai trái, tôi hoàn
toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Đà Nẵng, ngày..... tháng năm 202...

Người vay
(Ký, ghi rõ họ tên)

¹ Ghi cụ thể nội dung khó khăn theo quy định trong điều kiện cho vay.

XÁC NHẬN CỦA CÔNG TY/DOANH NGHIỆP VÀ CÔNG ĐOÀN CƠ SỞ

Xác nhận của Giám đốc công ty/doanh nghiệp

Ông/bà.....
hiện đang làm việc tại đơn vị./.

Ngày.....tháng.....năm.....

Giám đốc
(Ký tên, đóng dấu)

Xác nhận của Công đoàn cơ sở

Ông/bà.....

Là đoàn viên công đoàn, có hoàn cảnh khó
khăn như trên là đúng./.

Ngày.....tháng.....năm.....

Chủ tịch công đoàn
(Ký tên, đóng dấu)

PHÊ DUYỆT CỦA NGÂN HÀNG CHÍNH SÁCH XÃ HỘI

1. Số tiền cho vay: đồng (Bằng chữ:.....)
2. Lãi suất:%/năm. Lãi suất nợ quá hạn:% lãi suất khi cho vay.
3. Thời hạn cho vay: tháng; Kỳ hạn trả nợ: tháng/lần.
4. Số tiền trả nợ: đồng/lần.Hạn trả nợ cuối cùng:
Ngày...../...../.....
5. Lãi tiền vay được trả định kỳ hàng tháng, vào ngày

Ngày.....tháng.....năm.....

Cán bộ tín dụng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Trưởng phòng
(Tổ trưởng) TD
(Ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc
(Ký tên, đóng dấu)

Hướng dẫn ghi nội dung khó khăn trên Giấy đề nghị vay vốn
(theo Nghị quyết số 33/2024/NQ-HĐND ngày 30/7/2024 của HĐND TP)

Có hoàn cảnh khó khăn thuộc một trong các trường hợp sau

- a) Có mức lương hiện hưởng từ mức lương của ngạch chuyên viên bậc 3 trở xuống (gồm lương theo ngạch, bậc, chức vụ đối với cán bộ, công chức hoặc phụ cấp đối với người hoạt động không chuyên trách phường, xã hoặc mức lương theo công việc, chức danh đối với người lao động).
- b) Có người thân trong gia đình trong độ tuổi lao động nhưng chưa có việc làm, việc làm không ổn định hoặc bị mất việc, thôi việc, bị dôi dư trong quá trình sắp xếp doanh nghiệp, tinh giảm biên chế hoặc nghỉ hưu trước thời hạn, nghỉ mất sức lao động.
- c) Có từ 02 con trở lên đang học tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cao đẳng, đại học.
- d) Có người thân trong gia đình² mắc bệnh hiểm nghèo³, bị khuyết tật hoặc bị bệnh nặng⁴ đang trong thời gian điều trị bệnh tại cơ sở y tế (có Giấy xác nhận của cơ sở y tế).
- đ) Gia đình bị thiệt hại nặng⁵ do thiên tai, hỏa hoạn, tai nạn giao thông hoặc sự kiện bất khả kháng⁶ khác được Ủy ban nhân dân cấp xã nơi cư trú (hoặc cơ quan cấp có thẩm quyền) xác nhận.
- e) Đã ly hôn hoặc có vợ/chồng chết, một mình nuôi 02 con chưa đủ tuổi thành niên (dưới từ 18 tuổi).

² Người thân trong gia đình là vợ/chồng; con đẻ, con nuôi, con riêng của vợ/chồng; cha mẹ đẻ, cha mẹ vợ/chồng. Con bao gồm: con đẻ, con nuôi, con riêng của vợ/chồng.

³ Người mắc bệnh hiểm nghèo là người đang bị mắc một trong những bệnh nguy hiểm đến tính mạng có văn bản xác nhận của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh từ tuyến huyện trở lên là bệnh hiểm nghèo theo quy định của Bộ Y tế.

⁴ Người bị bệnh nặng là người đang ở trong tình trạng bị bệnh nặng đến mức không còn khả năng lao động và sinh hoạt bình thường hoặc đang trong tình trạng nguy hiểm đến tính mạng và phải điều trị trong một thời gian nhất định theo chỉ định của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh từ tuyến huyện trở lên mới có thể bình phục trở lại.

⁵ Gia đình bị thiệt hại nặng do thiên tai, hỏa hoạn, tai nạn giao thông hoặc sự kiện bất khả kháng khác gây hậu quả có người bị chết hoặc bị thương nặng hoặc bị thiệt hại về nhà ở từ 30% trở lên.

⁶ Sự kiện bất khả kháng là sự kiện xảy ra một cách khách quan, không thể lường trước được và không thể khắc phục được mặc dù đã áp dụng mọi biện pháp và khả năng cần thiết theo quy định của pháp luật.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu số 02/HĐTD- NLD
Lập 02 liên
01 liên lưu NH
01 liên lưu KH

HỢP ĐỒNG TÍN DỤNG

Số:/20...../HĐ-TD

(Áp dụng cho vay đối với người lao động trong các doanh nghiệp)

Căn cứ bộ Luật dân sự và các quy định pháp luật khác có liên quan;

Căn cứ Quyết định số/QĐ-UBND ngày/..... về

Hôm nay, ngày tháng năm tại
 chúng tôi gồm:

Bên cho vay

- Tên Ngân hàng Chính sách xã hội:
- Địa chỉ:
- Điện thoại:
- Họ và tên người đại diện:.....Chức vụ:

Bên vay

- Họ và tên người vay: Tuổi:.....
- Ngày, tháng, năm sinh:
- Chứng minh nhân dân/Hộ chiếu/Thẻ căn cước công dân số:.....
 Ngày cấp.....nơi cấp.....
- Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:.....
- Điện thoại liên hệ:.....

Hai Bên cùng thống nhất ký kết Hợp đồng này theo các nội dung thỏa thuận sau đây:

Điều 1. Nội dung cho vay

1. Tổng số tiền cho vay (bằng số): đồng.

Bằng chữ:

2. Thời hạn cho vay: tháng; hạn trả nợ cuối cùng ngày/.....

3. Lãi suất tiền vay:

- Lãi suất cho vay: %/ năm

- Lãi suất quá hạn:..... %/năm

Lãi tiền vay được tính kể từ ngày Bên vay nhận khoản vay đầu tiên đến ngày trả hết nợ gốc. Tiền lãi được Bên cho vay thu hàng tháng kể từ sau tháng nhận khoản vay đầu tiên, tiền lãi được tính trên số dư nợ thực tế;

Tiền lãi tháng nếu chưa thu được thì chuyển sang thu vào tháng kế tiếp sau đó.

4. Kỳ hạn trả nợ gốc: trả gốc định kỳ 6 tháng 1 lần. Kỳ trả nợ đầu tiên được tính từ ngày người vay ký nhận nợ trên hợp đồng tín dụng.

5. Bên vay có thể trả nợ trước hạn. Trường hợp Bên vay trả nợ trước hạn, trả nợ quá hạn thì thu gốc đến đâu, thu hết lãi tương ứng của phần gốc đó.

6. Thu nợ, thu lãi, thu tiền gửi

a) Bên vay trả nợ gốc theo thỏa thuận trên hợp đồng tín dụng đã ký kết với NHCSXH. Đến kỳ hạn trả nợ, Bên vay trực tiếp đến điểm giao dịch xã của NHCSXH để trả nợ gốc theo quy định hoặc thực hiện chuyển khoản từ tiền gửi của tổ viên Tổ TK&VV để trả nợ gốc theo quy định của NHCSXH.

b) Tiền lãi được NHCSXH ủy nhiệm cho Tổ TK&VV thu trực tiếp từ người vay vốn hàng tháng. Bên vay có trách nhiệm nộp lãi, tiền gửi cho Tổ trưởng TK&VV theo số tiền ghi trên biên lai do NHCSXH phát hành.

c) Bên vay mở tài khoản tiền gửi của tổ viên tại NHCSXH theo quy định của NHCSXH, tài khoản tiền gửi được sử dụng để gửi tiền vào NHCSXH và NHCSXH được trích từ tài khoản tiền gửi này để thanh toán nợ gốc và lãi tiền vay theo hợp đồng đã ký kết.

d) Hàng tháng, người vay nộp tiền gửi của tổ viên theo quy ước hoạt động của Tổ TK&VV cho Tổ Trưởng Tổ TK&VV được NHCSXH ủy nhiệm thu tiền gửi. Đến kỳ trả nợ gốc, lãi Tổ viên đề nghị Tổ Trưởng Tổ TK&VV làm thủ tục chuyển khoản từ tài khoản tiền gửi để trả tiền gốc và lãi cho NHCSXH theo quy định.

Điều 2. Phát tiền vay

1. Bên cho vay phát tiền vay một lần cho Bên vay bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản theo quy định của pháp luật.

2. Khi nhận tiền vay, Bên cho vay và Bên vay phải ký xác nhận trên phần theo dõi cho vay - thu nợ của phụ lục Hợp đồng tín dụng.

Điều 3. Mục đích sử dụng tiền vay

.....

.....

Điều 4. Điều chỉnh kỳ hạn trả nợ, gia hạn nợ, chuyển nợ quá hạn

a) Điều chỉnh kỳ hạn trả nợ

Trường hợp Bên vay gặp khó khăn do nguyên nhân khách quan chưa trả được nợ theo đúng kỳ hạn trả nợ thì được theo dõi vào kỳ hạn trả nợ tiếp theo.

b) Gia hạn nợ

Trước ngày đến hạn trả nợ cuối cùng, tối đa 03 tháng và tối thiểu 05 ngày làm việc, Bên vay không có khả năng trả được nợ do nguyên nhân khách quan và có nhu cầu gia hạn nợ, Bên vay phải lập Giấy đề nghị gia hạn nợ gửi Bên cho vay để xem xét cho gia hạn nợ theo quy định của Bên cho vay.

c) Chuyển nợ quá hạn

Đến hạn cuối cùng của thời hạn cho vay đã thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng, nếu Bên vay không trả hết số nợ gốc và không được Bên cho vay xem xét cho gia hạn nợ, thì Bên cho vay chuyển toàn bộ số dư nợ còn lại sang quá hạn.

Điều 5. Xử lý các vi phạm

a) Thu hồi nợ trước hạn, chuyển nợ quá hạn: Bên vay vi phạm các cam kết trong Hợp đồng tín dụng nhưng không khắc phục, sửa chữa. Trong thời gian tối đa 03 tháng kể từ thời điểm thông báo cho Bên vay về việc chấm dứt cho vay, Bên cho vay thực hiện thu hồi nợ trước hạn, nếu Bên vay không trả hết số nợ vi phạm thì chuyển số nợ vi phạm còn lại sang quá hạn.

b) Chuyển nợ quá hạn

- Đối với trường hợp Bên vay sử dụng vốn vay sai mục đích đã ghi trong Hợp đồng tín dụng và được ghi nhận trong Biên bản kiểm tra, sau thời gian tối đa 30 ngày kể từ ngày phát hiện sai phạm được ghi trong Biên bản kiểm tra, Bên cho vay đã phối hợp với các cơ quan liên quan và chính quyền địa phương áp dụng các biện pháp để đôn đốc, yêu cầu Bên vay thực hiện nghĩa vụ trả nợ, nếu Bên vay không trả hết số nợ sử dụng sai mục đích thì chuyển số nợ sử dụng sai mục đích còn lại sang quá hạn;

- Đối với trường hợp quy định tại Khoản c Điều 4 Hợp đồng này.

Khi chuyển nợ quá hạn, Bên cho vay gửi thông báo cho Bên vay, đồng thời phối hợp với các cơ quan liên quan, chính quyền địa phương tìm biện pháp tích cực thu hồi nợ hoặc chuyển hồ sơ sang cơ quan pháp luật để xử lý thu hồi theo quy định của pháp luật.

d) Khởi kiện trước pháp luật: Bên cho vay có quyền khởi kiện trong các trường hợp sau:

- Bên vay vi phạm Hợp đồng tín dụng đã được Bên cho vay thông báo bằng văn bản nhưng không khắc phục;

- Bên vay có nợ quá hạn do nguyên nhân chủ quan nhưng không có biện pháp khả thi để trả Bên cho vay; Bên vay có năng lực tài chính để trả nợ nhưng cố tình trốn tránh trả nợ theo thỏa thuận;

- Bên vay có hành vi lừa đảo, gian lận;

- Các vi phạm khác theo quy định của pháp luật.

Điều 6. Quyền và Nghĩa vụ của Bên cho vay

1. Thực hiện đúng những nội dung đã thoả thuận;
2. Yêu cầu Bên vay thực hiện đúng các điều khoản thỏa thuận;
3. Yêu cầu Bên vay cung cấp các tài liệu, thông tin cần thiết liên quan đến món vay;
4. Kiểm tra, giám sát tình hình sử dụng vốn vay, khả năng trả nợ của Bên vay;

5. Từ chối các yêu cầu của Bên vay không đúng với quy định của pháp luật và thỏa thuận trong Hợp đồng này.

Điều 7. Quyền và Nghĩa vụ của Bên vay

1. Thực hiện đúng những nội dung đã thỏa thuận;
2. Được quyền yêu cầu Bên cho vay thực hiện đúng các điều khoản thỏa thuận;
3. Cung cấp đầy đủ, kịp thời, trung thực các thông tin, tài liệu liên quan đến vay vốn và chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác của các thông tin, tài liệu đã cung cấp;
4. Sử dụng vốn vay đúng mục đích;
5. Chịu sự kiểm tra, giám sát của Bên cho vay trong sử dụng vốn vay và trả nợ;
6. Phải thông báo kịp thời cho Bên cho vay những thay đổi về nơi cư trú, địa chỉ liên lạc, số điện thoại và những thay đổi khác ảnh hưởng đến khả năng trả nợ của Bên vay.

Điều 8. Cam kết chung

1. Hai bên cam kết thực hiện đúng các điều khoản của Hợp đồng tín dụng này. Mọi sửa đổi, bổ sung nội dung của các điều, khoản phải được sự thỏa thuận của hai bên bằng văn bản.
2. Trong quá trình thực hiện, nếu có tranh chấp xảy ra thì hai bên thống nhất giải quyết trên tinh thần hợp tác. Trường hợp không thương lượng được thì yêu cầu cơ quan có thẩm quyền giải quyết hoặc khởi kiện theo pháp luật.
3. Hợp đồng này và các văn bản bổ sung hợp đồng (nếu có) là một bộ phận thống nhất không thể tách rời nhau, các Bên phải có nghĩa vụ chấp hành.
4. Khi Bên vay trả hết nợ gốc, lãi và các chi phí phát sinh khác (nếu có) theo Hợp đồng này, thì Hợp đồng này mặc nhiên được thanh lý.

Điều 9. Một số thỏa thuận khác

.....

.....

Điều 10. Hợp đồng tín dụng có hiệu lực kể từ ngày ký cho tới khi Bên vay hoàn thành nghĩa vụ trả nợ bao gồm cả tiền gốc, lãi và các chi phí phát sinh khác (nếu có).

Hợp đồng này được lập thành 02 bản có giá trị pháp lý như nhau, mỗi bên giữ 01 bản./.

ĐẠI DIỆN BÊN VAY
(Ký, ghi rõ họ tên)

ĐẠI DIỆN BÊN CHO VAY
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

PHỤ LỤC HỢP ĐỒNG TÍN DỤNG

(kèm theo Hợp đồng tín dụng số:/20..../HD-TD ngày .../.../.....)

1. Phần theo dõi cho vay

Đơn vị: đồng

Ngày tháng năm	Diễn giải	Số tiền	Lãi suất %/ năm	Hạn trả nợ cuối cùng	Dư nợ trong hạn	Chữ ký	
						Người vay	Giao dịch viên
1	2	3	4	5	6	7	8

2. Phần theo dõi điều chỉnh kỳ hạn trả nợ, gia hạn nợ

Đơn vị: đồng

Ngày, tháng, năm	Điều chỉnh kỳ hạn trả nợ		Gia hạn nợ		Chữ ký Kế toán
	Số tiền	Đến ngày, tháng, năm	Số tiền	Đến ngày, tháng, năm	
1	2	3	4	5	6

3. Phần theo dõi nợ quá hạn

Đơn vị: đồng

Ngày tháng năm	Diễn giải	Số tiền chuyển nợ quá hạn	Lãi suất %/năm	Dư nợ quá hạn	Chữ ký	
					Người vay	Kế toán
1	2	3	4	5	6	7

4. Theo dõi thu nợ, thu lãi

NHCSXH nơi cho vay sử dụng Thẻ theo dõi giao dịch tiền vay in ra từ hệ thống Intellect (in ra khi phục vụ công tác kiểm tra, đối chiếu và đóng Nhật ký chứng từ khi khoản vay tất toán).

Tên tổ TK&VV:
Thôn:
Xã:
Huyện:

DANH SÁCH TỔ VIÊN
ĐỀ NGHỊ VAY VỐN NGÂN HÀNG CHÍNH SÁCH XÃ HỘI
Chương trình cho vay: Người lao động trong các doanh nghiệp

Mẫu số: 03/TD
Lập 02 liên chính
(01 liên lưu hồ sơ Tổ tại NH,
01 liên lưu tại Tổ)
02 liên photô: 01 liên đóng C.từ tại
NH; 01 liên lưu Hội đoàn thể

Tại cuộc họp Tổ Tiết kiệm và vay vốn ngày / / đã bình xét các tổ viên đề nghị vay vốn Ngân hàng Chính sách xã hội. Toàn tổ nhất trí đề xuất những tổ viên có tên dưới đây đang thường trú tại địa phương, đủ điều kiện và thuộc đối tượng vay vốn đợt này:

Đơn vị: đồng

STT	Họ và tên	Đối tượng thụ hưởng	Đề nghị của Tổ TK&VV			Phê duyệt của Ngân hàng	
			Số tiền	Mục đích sử dụng vốn	Thời hạn	Số tiền	Thời hạn
1	2	3	4	5	6	7	8
1	Nguyễn Văn A	Người lao động có hoàn cảnh khó khăn	70.000.000	Mua phương tiện đi lại và sửa chữa nhà	60 tháng	70.000.000	60 tháng
2							
3							
.....							
Cộng:							

Ngày ... tháng ... năm

Tổ trưởng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Phân xác nhận của UBND xã
Những người có tên trên thuộc đối tượng thụ hưởng và đủ điều kiện vay vốn theo quy định.
UBND cấp xã
(Ký tên, đóng dấu)

Ngày ... tháng ... năm ...

Phê duyệt của Ngân hàng

Số người được vay vốn đợt này:..... người.
Tổng số tiền cho vay: đồng.
Số người chưa được vay đợt này:..... người, có số thứ tự trong danh sách là:.....

Cán bộ tín dụng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Trưởng phòng
(Tổ trưởng) TD
(Ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc
(Ký tên, đóng dấu)

NHCSXH tỉnh.....
PGD:.....

Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu số 04/TD
Lập 02 liên:
- 01 liên lưu Tổ,
- 01 liên lưu NH

-----*-----

-----***-----
....., ngày..... tháng..... năm

THÔNG BÁO KẾT QUẢ PHÊ DUYỆT CHO VAY

Kính gửi:

Căn cứ hồ sơ cho vay đã được phê duyệt, NHCSXH thông báo kết quả phê duyệt cho vay như sau:

1. Tổng số hộ được vay đợt này (kèm danh sách mẫu số 03/TD nếu có): hộ.

Số tiền:.....đồng. Bằng chữ:

.....

2. Số hộ chưa được vay đợt này: hộ

- Có số thứ tự trong danh sách là:

- Số tiền:.....đồng.

3. Lịch phát tiền vay vào giờ phút, ngày tháng năm tại địa điểm

Đề nghị thông báo cho những người được vay đến địa điểm và thời gian nêu trên để nhận tiền vay.

Người lập
(Ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc
(Ký tên, đóng dấu)

.....

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Lập 03 liên:

- 01 liên phô tô lưu Tổ;

- 01 liên phô tô lưu Đ.v k.trà.

(Định kỳ hoặc đột xuất)

Chức vụ

Chức vụ

Địa bàn kiểm tra:

Đvt: nghìn đồng

[illegible]

¹ Ghi hiệu quả đầu tư: số lao động (GQVL), số ngôi nhà ở (hộ nghèo về nhà ở), số công trình (NS&VSMTNT), số sinh viên (HSSV).

² Ghi đối tượng đầu tư và số, ngày của hóa đơn, chứng từ (nếu có). Ví dụ: 02 máy cưa (HĐ 056784 ngày 15/4/21); xây chuồng trại 20 m², 02 con bò...

Nhận xét: Kiểm tra, đối chiếu thực tế được khách hàng, số tiền đồng. Trong đó:

- Số khách hàng sử dụng vốn vay đúng mục đích: khách hàng, số tiền: đồng, tỷ trọng: %.

- Số khách hàng sử dụng vốn vay sai mục đích: khách hàng, số tiền: đồng, tỷ trọng: %.

Biện pháp xử lý:

.....

Ngày tháng năm

Cán bộ kiểm tra
(Ký, ghi rõ họ tên)

- Số khách hàng sử dụng vốn vay sai mục đích: khách hàng, số tiền:..... đồng, tỷ trọng: %.

Biện pháp xử lý:

Ngày tháng năm

Cán bộ kiểm tra

(Ký, ghi rõ họ tên)

GIẤY ĐỀ NGHỊ GIA HẠN NỢ

Kính gửi: Ngân hàng Chính sách xã hội.....

Họ và tên khách hàng: Năm sinh:.....

Nơi cư trú:

Là tổ viên Tổ Tiết kiệm và vay vốn do ông (bà):.....
làm Tổ trưởng, thuộc tổ chức Hội, đoàn thể quản lý.

Hiện nay, tôi đang vay vốn Ngân hàng Chính sách xã hội, cụ thể như sau:

- Mã khoản vay:..... thuộc chương trình cho vay.....

- Số tiền nợ gốc: đồng; số tiền nợ lãi:..... đồng

Theo thỏa thuận đã ký với Ngân hàng, tôi phải trả số tiền trên vào ngày...../...../.....
nhưng chưa trả được vì lý do:.....

Đề nghị Ngân hàng xem xét cho gia hạn khoản nợ gốc đồng;
thời gian đề nghị: tháng; kế hoạch trả nợ..... tháng/kỳ với số
tiền:.....đồng/kỳ, số tiền trả nợ kỳ cuối đồng.

Tôi xin cam kết sử dụng vốn vay đúng mục đích; trả nợ gốc và lãi đầy đủ, đúng hạn. Nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Tổ TK&VV

(Ký, ghi rõ họ tên)

....., ngày.....tháng.....năm.....

Người vay

(Ký, ghi rõ họ tên hoặc điểm chỉ)

**Ý kiến của tổ chức chính trị - xã
hội nhận ủy thác cấp xã**

.....

Ngày tháng năm

Chủ tịch/Bí thư

(Ký tên, đóng dấu)

Xác nhận của UBND cấp xã

.....

Ngày tháng năm

Chủ tịch

(Ký tên, đóng dấu)

PHÊ DUYỆT CỦA NGÂN HÀNG CHÍNH SÁCH XÃ HỘI

- Số tiền được gia hạn nợ là đồng

- Thời gian gia hạn nợ: Từ ngày/...../..... đến ngày/...../.....

Ngày.....tháng.....năm.....

CÁN BỘ TÍN DỤNG

(Ký, ghi rõ họ tên)

TRƯỞNG PHÒNG KH-NVTD

(TỔ TRƯỞNG KH-NV)

(Ký, ghi rõ họ tên)

GIÁM ĐỐC

(Ký tên, đóng dấu)

BIÊN BẢN HỌP

Về việc: (kết nạp bổ sung tổ viên / cho tổ viên ra khỏi Tổ/Bình xét cho vay)¹

Thời gian bắt đầu: giờ....., ngày...../...../.....

Địa điểm: Tổ dân phố.....
Phường.....quận:.....

Thành phần tham dự:

-.....tổ viên Tổ tiết kiệm và vay vốn (TK&VV) thuộc
Hội.....

- Tổ trưởng dân phố chứng kiến cuộc họp:

+ Ông (bà).....là Tổ trưởng dân phố.....

- Ông (bà).....chức vụ.....Hội.....,
chứng kiến cuộc họp.

Chủ trì: Ông (bà).....chức vụ: Tổ Trưởng Tổ TK&VV

Thư ký: Ông (bà).....chức vụ: Tổ phó Tổ TK&VV

NỘI DUNG

Sau khi thảo luận, cuộc họp thống nhất các nội dung sau:

1. Kết nạp tổ viên/cho tổ viên ra khỏi Tổ tiết kiệm và vay vốn

- Những người có tên dưới đây đang cư trú tại địa phương đã được/..... các tổ viên trong tổ thống nhất tán thành kết nạp vào Tổ tiết kiệm và vay vốn gồm:

Stt	Họ và tên	Địa chỉ (Tổ dân phố/thôn)
1		
2		
3		
4		

- Những người có tên dưới đây đã được/..... các tổ viên trong tổ thống nhất tán thành cho ra khỏi Tổ tiết kiệm và vay vốn.

Stt	Họ và tên	Địa chỉ (Tổ dân phố/thôn)
1		
2		
3		
4		

Tổng số tổ viên của Tổ sau kỳ họp này:.....tổ viên.

¹ Tùy từng nội dung cụ thể đề ghi cho phù hợp

2. Bình xét cho vay

Căn cứ nguồn vốn được phân bổ và căn cứ Giấy đề nghị vay vốn của những tổ viên sau khi tiến hành họp bình xét, cuộc họp thống nhất các nội dung sau:

Các tổ viên dưới đây đang thường trú tại địa phương và đủ điều kiện vay vốn được/..... tổ viên trong Tổ dự họp thống nhất bình xét vay vốn NHCSXH đợt này như sau:

Đơn vị tính: Triệu đồng, tháng

STT	Họ và tên	Địa chỉ (Tổ Dân phố/thôn)	Chương trình cho vay	Số tiền được vay	Thời hạn cho vay	Mục đích sử dụng vốn vay
1						
2						
3						
4						
5						

3. Nội dung khác (nếu có)

.....
.....
.....
.....
.....

Nội dung Biên bản được thông qua và các thành phần dự họp đều tán thành.

Cuộc họp kết thúc vào.....giờ....., cùng ngày.

THƯ KÝ

CHỦ TRÌ

TỔ TRƯỞNG DÂN PHỐ
(TRƯỞNG THÔN).....

HỘI, ĐOÀN THỂ XÃ/ PHƯỜNG
(Ký tên, đóng dấu)



NHCSXH THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Mẫu số 13/TD
Lập 01 liên: lưu NH

BẢNG KÊ LÃI PHẢI THU - LÃI THỰC THU - TIỀN GỬI - THU NỢ GỐC TỪ TIỀN GỬI
Tháng năm

Tổ trưởng:
Địa chỉ:

Mã tổ:

Thuộc:

Đơn vị tính: đồng

TT	Họ tên khách hàng	Chương trình	Mã món vay/ Tài khoản tiền gửi	Dư nợ	Tháng, năm đến hạn trả nợ cuối cùng	Số tiền lãi còn phải thu đến:/...../.....			Số tiền lãi thực thu tháng này		Tiền gửi		Thu nợ gốc từ tiền gửi (chuyển khoản)	Chữ ký của khách hàng
						Lãi tồn	Lãi tháng này	Tổng số	Thu tiền mặt	Thu từ tiền gửi (chuyển khoản)	Số dư kỳ trước	Số tiền gửi kỳ này		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9) = (7) + (8)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)
Tổng cộng														

Tổng số tiền lãi bằng tiền mặt (cột 10): đồng.
 Tổng số tiền gửi kỳ này (cột 13): đồng.
 Tổng số tiền mặt nộp (cột 10+13): đồng.

Tổng số biên lai giao cho tổ trưởng:

Ngày..... tháng.....năm.....

Người nộp
(Tổ trưởng tổ TK&VV)
(Ký, ghi rõ họ tên)

Giao dịch viên
(Ký, ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH TỔ VIÊN ĐĂNG KÝ MỞ TÀI KHOẢN TIỀN GỬI

Tên Tổ TK&VV:..... Mã TT:

Địa chỉ:..... Hội nhận ủy thác:

Kính gửi: Ngân hàng Chính sách xã hội.....

Căn cứ Khoản 3 Điều 13 Quy chế tổ chức và hoạt động của Tổ TK&VV ban hành kèm theo Quyết định số 15/QĐ-HĐQT ngày 05/3/2013 của HĐQT NHCSXH, chúng tôi tổ viên Tổ TK&VV có tên dưới đây đăng ký mở tài khoản tiền gửi tại NHCSXH

STT	Họ và tên	Mã khách hàng	Số chứng minh nhân dân	Số tài khoản của tổ viên	Mẫu chữ ký của tổ viên	
					Chữ ký 1	Chữ ký 2
1	2	3	4	5	6	7

Chúng tôi xin chấp hành đúng các quy định của Quý Ngân hàng có liên quan đến việc sử dụng tài khoản tiền gửi nói trên.

Ngày tháng năm

Ngày tháng năm

Cán bộ TD Trưởng phòng KH-NVTD/ Giám đốc

Tổ trưởng Tổ TK&VV
(Ký, ghi rõ họ tên)

Tổ trưởng KH-NV

TỔNG LIÊN ĐOÀN LAO ĐỘNG VIỆT NAM
LIÊN ĐOÀN LAO ĐỘNG TP. ĐÀ NẴNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /TB-LĐLĐ

Đà Nẵng, ngày tháng năm

THÔNG BÁO¹

V/v phân bổ vốn cho vay đối với người lao động có hoàn cảnh có khăn
Kính gửi²:

- Căn cứ Quyết định số 19/2017/QĐ-UBND ngày 16/6/2017 của Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng về việc Ban hành Quy chế quản lý và sử dụng nguồn vốn từ ngân sách địa phương ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn thành phố Đà Nẵng

- Căn cứ Công văn số 5343/UBND-STC ngày 25/9/2024 của Ủy ban nhân dân (UBND) thành phố về việc triển khai Nghị quyết số 33/2024/NQ-HĐND ngày 30/7/2024 của HĐND thành phố

- Căn cứ thông báo số /TB-NHCS ngày / / của Chi nhánh NHCSXH thành phố về nguồn vốn ủy thác để cho vay người lao động có hoàn cảnh khó khăn đến thời điểm hiện nay.

Trên cơ sở nhu cầu vay vốn của người lao động có hoàn cảnh khó khăn và số lượng đoàn viên công đoàn đang làm việc tại các doanh nghiệp;

Liên đoàn Lao động thành phố thông báo phân bổ nguồn vốn chương trình cho vay người lao động có hoàn cảnh khó khăn cho công đoàn (trực tiếp cấp trên cơ sở)...../Công đoàn cơ sở..... để triển khai đến người lao động có hoàn cảnh khó khăn có nhu cầu vay vốn (theo danh sách đính kèm)

Đề nghị công đoàn trực tiếp cấp trên cơ sở có tên trong danh sách kèm theo thông báo này phân bổ vốn cho các công đoàn cơ sở để triển khai hướng dẫn người lao động có nhu cầu vay đủ điều kiện lập các thủ tục vay vốn theo quy định. Lưu ý các công đoàn (trực tiếp cấp trên cơ sở).....

lập danh sách người lao động có nhu cầu và đủ điều kiện vay vốn (mẫu 03/DSVV) gửi Công đoàn/Liên đoàn Lao động thành phố chậm nhất là ngày/..... và thông báo cho người lao động trong danh sách trên làm các thủ tục vay vốn theo đúng quy định.

Nơi nhận

- Như trên;
- Lưu VT.

¹ Liên đoàn lao động có thể sử dụng nội dung cho phù hợp với từng cấp công đoàn.

² Gửi công đoàn cấp trên trực tiếp cơ sở hoặc công đoàn cơ sở (nếu LĐLĐ thành phố quản lý trực tiếp)

**DANH SÁCH PHÂN BỐ VỐN CHO CÔNG ĐOÀN CƠ SỞ
ĐỂ CHO VAY NGƯỜI LAO ĐỘNG TRONG DOANH NGHIỆP CÓ HOÀN CẢNH KHÓ KHĂN**

(Kèm theo thông báo số: TB/LĐLĐ ngày / / của Liên đoàn Lao động thành phố Đà Nẵng)

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Tên công đoàn cấp trên trực tiếp cơ sở/công đoàn cơ sở	Số tiền được phân bổ
1		
2		
3		
4		
5		
6		
7		

LIÊN ĐOÀN LAO ĐỘNG THÀNH PHỐ
CÔNG ĐOÀN³

Số: /TB-.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đà Nẵng, ngày tháng năm

THÔNG BÁO⁴

V/v phân bổ vốn chương trình cho vay người lao động trong các doanh nghiệp cho công đoàn cơ sở.

Kính gửi:

- Giám đốc công ty/doanh nghiệp.....
- Chủ tịch công đoàn cơ sở công ty/doanh nghiệp

- Căn cứ Công văn số 5343/UBND-STC ngày 25/9/2024 của Ủy ban nhân dân (UBND) thành phố về việc triển khai Nghị quyết số 33/2024/NQ-HĐND ngày 30/7/2024 của HĐND thành phố

- Căn cứ thông báo số /TB-LĐLĐ ngày / / của Liên đoàn lao động thành phố về phân bổ vốn cho vay người lao động có hoàn cảnh khó khăn.

Trên cơ sở nhu cầu vay vốn của người lao động có hoàn cảnh khó khăn và số lượng đoàn viên công đoàn đang làm việc tại các doanh nghiệp;

Công đoàn thông báo phân bổ nguồn vốn cho công đoàn cơ sở các doanh nghiệp để cho vay người lao động có hoàn cảnh khó khăn (theo danh sách đính kèm)

Đề nghị công đoàn cơ sở có tên trong danh sách được phân bổ vốn lập danh sách người lao động có nhu cầu và đủ điều kiện vay vốn (mẫu 03/DSVV) gửi Công đoàn chậm nhất là ngày ../../.... và thông báo cho người lao động trong danh sách trên làm các thủ tục vay vốn theo đúng quy định.

Nơi nhận

- Như trên;
- Lưu VT.

³ Thông báo này dành cho công đoàn cấp trên trực tiếp cơ sở phân bổ vốn về các công đoàn cơ sở tại các doanh nghiệp

⁴ Mẫu biểu này có thể sửa cho phù hợp với các cấp công đoàn.

DANH SÁCH CÁC CÔNG ĐOÀN CƠ SỞ ĐƯỢC PHÂN BỐ VỐN CHO VAY
 (Kèm theo Thông báo số:...../TB-..... ngày tháng năm của Công đoàn)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Tên công đoàn cơ sở công ty/doanh nghiệp	Số tiền được phân bổ
1	Tên công đoàn cơ sở công ty/doanh nghiệp	
2		
3		
4		
5		
6		
7		

LIÊN ĐOÀN LAO ĐỘNG THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG⁵
CÔNG ĐOÀN

Kính gửi : ⁶

**DANH SÁCH ĐOÀN VIÊN CÔNG ĐOÀN CÓ HOÀN CẢNH KHÓ KHĂN
CÓ NHU CẦU VÀ ĐỦ ĐIỀU KIỆN VAY VỐN TẠI NGÂN HÀNG CHÍNH SÁCH XÃ HỘI⁷**

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Họ và tên	Số CCCD	Địa chỉ (Tổ dân phố/Thôn)	Phường/xã	Quận, huyện	Số điện thoại di động	Nhu cầu vay (Số tiền)	Mục đích vay

Đà Nẵng, ngày tháng năm
**T/M BAN THƯỜNG VỤ CÔNG ĐOÀN
CHỦ TỊCH**

Đà Nẵng, ngày tháng năm
**GIÁM ĐỐC
(CÔNG TY/DOANH NGHIỆP)**

⁵ Tùy từng cấp công đoàn để ghi cho phù hợp.

⁶ Gửi Liên đoàn lao động thành phố nếu là Công đoàn cơ sở do LĐLĐ thành phố trực tiếp quản lý; Gửi công đoàn trực tiếp cấp trên cơ sở nếu các công đoàn cơ sở có công đoàn cấp trên trực tiếp.

⁷ Các doanh nghiệp chỉ được lập danh sách người lao động vay vốn đủ số tiền được phân bổ.

TỔNG LIÊN ĐOÀN LAO ĐỘNG VIỆT NAM
LIÊN ĐOÀN LAO ĐỘNG THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG/CÔNG ĐOÀN ...⁸

Kính gửi:

- Chi nhánh Ngân hàng chính sách xã hội thành phố Đà Nẵng
- Ủy ban nhân dân phường

TỔNG HỢP DANH SÁCH ĐOÀN VIÊN CÔNG ĐOÀN CÓ HOÀN CẢNH KHÓ KHĂN
CÓ NHU CẦU VÀ ĐỦ ĐIỀU KIỆN VAY VỐN TẠI NGÂN HÀNG CHÍNH SÁCH XÃ HỘI

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Họ và tên	Số CCCD	Địa chỉ (Tổ dân phố/Thôn)	Phường/xã	Quận, huyện	Số điện thoại di động	Nhu cầu vay (Số tiền)	Mục đích vay

(Ghi chú: Danh sách được gửi kèm file mềm đến địa chỉ: vbspdanang@gmail.com)

Đà Nẵng, ngày tháng năm
T/M BAN THƯỜNG VỤ
CHỦ TỊCH

⁸ Tùy từng trường hợp là công đoàn cấp trên trực tiếp cơ sở hay công đoàn cơ sở để ghi cho phù hợp